

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thạch Lam
Giảng viên hướng dẫn: TS.Giang Thị Xuyên

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP &
KINH DOANH DỊCH VỤ HẢI PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thạch Lam
Giảng viên hướng dẫn: TS.Giang Thị Xuyên**

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thạch Lam

Mã SV: 110487

Lớp: QT1105K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây lắp & kinh doanh dịch vụ Hải Phòng.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Nghiên cứu lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
 - Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây lắp & kinh doanh dịch vụ Hải Phòng.
 - Đánh giá, đề xuất biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây lắp & kinh doanh dịch vụ Hải Phòng.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Số liệu khảo sát về tình hình kinh doanh của Công ty cổ phần xây lắp & kinh doanh dịch vụ Hải Phòng.
 - Số liệu về thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây lắp & kinh doanh dịch vụ Hải Phòng.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty cổ phần xây lắp & kinh doanh dịch vụ Hải Phòng

Địa chỉ: Km9 - Quán Toan - Hồng Bàng - Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Giang Thị Xuyên

Học hàm, học vị: Tiến sỹ

Cơ quan công tác: Học viện Tài chính

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây lắp & kinh doanh dịch vụ Hải Phòng.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 04 tháng 07 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Nguyễn Thạch Lam

Giang Thị Xuyên

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2011

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Sinh viên có tinh thần thái độ học tập và nghiên cứu nghiêm túc, cầu thị.
- Luôn tích cực nghiên cứu lý luận và tìm hiểu thực tiễn.
- Thường xuyên liên hệ với giáo viên hướng dẫn và tiếp thu đầy đủ ý kiến được hướng dẫn.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Bản khóa luận có kết cấu hợp lý, bố cục chặt chẽ, đảm bảo nội dung khoa học theo yêu cầu của khóa luận tốt nghiệp đại học chuyên ngành kế toán-kiểm toán. Sinh viên đã hệ thống hóa được những lý luận cơ bản về đề tài nghiên cứu, biết vận dụng vào quan sát, nghiên cứu và mô tả thực tiễn công tác kế toán của đơn vị thực tập, đưa ra ví dụ minh họa với số liệu trích dẫn hợp lý, logic. Sinh viên cũng đã đưa ra những ý kiến nhận xét đánh giá thực trạng khá xác đáng và một số kiến nghị hợp lý.
- Trình bày đúng theo yêu cầu hiện hành về khóa luận tốt nghiệp đại học.
- Kết quả khóa luận thể hiện sinh viên có tính độc lập trong nghiên cứu.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

10 (Mười)

Hải Phòng, ngày 26 tháng 6 năm 2011

Cán bộ hướng dẫn

(họ tên và chữ ký)

Giang Thị Xuyên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT THỰC TẬP

Họ và tên sinh viên: Nguyễn Thạch Lam

Ngày sinh: 29/06/1989

Lớp: QT1105K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Khóa: 11

Thực tập tại: Công ty cổ phần xây lắp và kinh doanh dịch vụ Hải Phòng

Từ ngày: 14/02/2011 đến ngày 25/03/2011

1. Về tinh thần, thái độ, ý thức tổ chức kỷ luật:

- Chấp hành tốt các quy định của Công ty
- Có tinh thần thái độ nghiên cứu nghiêm túc, cầu thị.
- Luôn tích cực nghiên cứu lý luận và tìm hiểu thực tiễn.

2. Về những công việc được giao:

- Tiếp cận được các phân hành kế toán tại Công ty

3. Kết quả đạt được:

- Hiểu và áp dụng được công tác hạch toán kế toán tại Công ty cổ phần xây lắp và kinh doanh dịch vụ Hải Phòng

Hải Phòng, ngày 25 tháng 03. năm 2011

Xác nhận của lãnh đạo cơ sở thực tập

Cán bộ hướng dẫn thực tập của cơ sở

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DN	13
1.1 TỔNG QUÁT VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	13
1.1.1 Ý nghĩa và sự cần thiết tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.....	13
1.1.2 Khái quát về doanh thu	14
1.1.3 Khái quát về chi phí kinh doanh	17
1.1.4 Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp	20
1.1.5 Vai trò và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	21
1.2 CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU TRONG DOANH NGHIỆP	22
1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	22
1.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	25
1.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	27
1.2.4 Kế toán thu nhập khác.....	28
1.3 CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ.....	29
1.3.1 Kế toán giá vốn hàng bán.....	29
1.3.2 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	32
1.3.3 Kế toán chi phí tài chính.....	25
1.3.4 Kế toán chi phí khác.....	37
1.4 KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	28
1.5 TỔ CHỨC HỆ THỐNG SỔ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	33
1.5.1 Hình thức kế toán nhật ký chung.....	33
1.5.2 Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.....	34
1.5.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	44
1.5.4 Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.....	35
1.5.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	46

Chương 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP & KDDV HẢI PHÒNG	48
2.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CP XL & KDDV HẢI PHÒNG.....	38
2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của CT CP xây lắp & KDDV Hải Phòng...	38
2.1.2 Ngành nghề kinh doanh.....	39
2.1.3 Thuận lợi, khó khăn và thành tích công ty đạt được.....	39
2.1.4 Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty CP XL & KDDV Hải Phòng.....	40
2.1.5 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của Cty CP XL & KDDV Hải Phòng.....	41
2.1.6 Công tác kế toán và hình thức ghi sổ tại Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng.....	42
2.2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP & KDDV HẢI PHÒNG.....	44
2.2.1 Kế toán doanh thu.....	44
2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	44
2.2.1.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	60
2.2.1.3 Kế toán thu nhập khác.....	64
2.2.2 Kế toán chi phí.....	66
2.2.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán.....	66
2.2.2.2 Kế toán chi phí bán hàng.....	73
2.2.2.3 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	77
2.2.2.4 Chi phí tài chính.....	80
2.2.2.5 Kế toán chi phí khác.....	84
2.2.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	86
2.3 ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP & KDDV HẢI PHÒNG – CIPC.....	93
2.3.1 Ưu điểm.....	93
2.3.2 Hạn chế.....	95
Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP & KDDV HẢI PHÒNG.....	98
3.1 SỰ CẦN THIẾT, YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP & KDDV HẢI PHÒNG – CIPC.....	98

3.1.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện.....	98
3.1.2 Yêu cầu hoàn thiện.....	99
3.1.3 Nguyên tắc hoàn thiện.....	100
3.2 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP & KDDV HẢI PHÒNG – CIPC.....	101
3.2.1 Hoàn thiện việc sử dụng tài khoản chi tiết tại Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng.....	101
3.2.2 Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng.....	102
3.2.3 Về sổ tổng hợp tại Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng.....	109
3.2.4 Hoàn thiện mẫu Sổ theo hình thức nhật ký chung tại Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng.....	111
3.2.5 Áp dụng hình thức chiết khấu thanh toán tại Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng.....	113
3.2.6 Áp dụng việc trích lập các khoản dự phòng tại Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng.....	113
3.2.7 Hoàn thiện việc phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng.....	115
3.2.8 Lập báo cáo tiêu thụ theo phương thức tiêu thụ.....	115
3.2.9 Hoàn thiện về vấn đề nhân sự và việc nâng cao hiệu quả công tác kế toán tại Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng.....	116
3.3 ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP XÂY LẮP & KDDV HẢI PHÒNG.....	117
KẾT LUẬN.....	118
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	119

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế thị trường, mục tiêu cuối cùng của các doanh nghiệp là hoạt động để đạt tới lợi nhuận tối đa. Để tăng lợi nhuận, các doanh nghiệp phải tìm cách tăng doanh thu, giảm chi phí, trong đó tăng doanh thu là biện pháp rất quan trọng để làm tăng lợi nhuận của doanh nghiệp. Để tăng được doanh thu các doanh nghiệp sử dụng kế toán như là một công cụ quản lý để thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về tình hình tiêu thụ trên thị trường đồng thời đánh giá cắt lớp thị trường, giúp cho các nhà quản lý đề ra các quyết định đúng đắn và có hiệu quả trong sản xuất, tiêu thụ và đầu tư nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là nội dung quan trọng nhất trong toàn bộ nội dung kế toán của doanh nghiệp. Trong quá trình thực tập tại Công ty cổ phần xây lắp & kinh doanh dịch vụ Hải Phòng – CIPC em đã tiến hành nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh Công ty cổ phần xây lắp và kinh doanh dịch vụ Hải Phòng – CIPC”** nhằm góp phần hoàn thiện tổ chức công tác kế toán của doanh nghiệp trong điều kiện hiện nay.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

Trình bày có hệ thống, có phân tích những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp, thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây lắp & kinh doanh dịch vụ Hải Phòng – CIPC, đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện kế toán trong lĩnh vực này.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

Đối tượng nghiên cứu: những lý luận cơ bản và thực tiễn về tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Phạm vi nghiên cứu: kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây lắp & kinh doanh dịch vụ Hải Phòng – CIPC.

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu: phương pháp tổng hợp, phương pháp phân tích lý luận, phương pháp quan sát thực tiễn...

5. Nội dung kết cấu của đề tài

Khóa luận được kết cấu làm ba chương:

Chương 1: Lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng – CIPC.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng – CIPC.

Mặc dù đã cố gắng nghiên cứu, tìm hiểu và nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của các cô chú, anh chị trong phòng kế toán và dưới sự hướng dẫn của cô giáo T.S Giang Thị Xuyên. Em đã phần nào nắm được tình hình thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty. Tuy nhiên do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận thực tế còn hạn chế nên bài viết của em không thể tránh khỏi những sai sót.

Em mong nhận được sự đóng góp và ý kiến của các thầy cô giáo để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Chương 1**LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TRONG DOANH NGHIỆP****1.1 TỔNG QUÁT VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH****1.1.1 Ý nghĩa và sự cần thiết tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp**

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa hết sức quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Để đứng vững trong tình hình cạnh tranh, các doanh nghiệp cần mở rộng thị trường tiêu thụ đồng thời thay đổi công nghệ nâng cao chất lượng hàng hoá, tăng sức cạnh tranh trước hàng ngoại. Để thực hiện điều này, các doanh nghiệp Việt Nam đang đứng trước rất nhiều khó khăn và thử thách nhất là đối với các doanh nghiệp có công tác bán hàng kém hiệu quả. Các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển đều phải hoạt động theo quy tắc “lấy thu bù chi và có lãi”. Lãi là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp quan trọng của các doanh nghiệp, nó thể hiện kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng hoạt động của doanh nghiệp. Xác định kết quả kinh doanh và việc so sánh doanh thu lớn hơn chi phí thì doanh nghiệp có lãi và ngược lại doanh nghiệp bị lỗ. Việc xác định kết quả kinh doanh được làm cuối kỳ kinh doanh thường là cuối tháng, cuối quý, cuối năm tùy thuộc vào đặc điểm kinh doanh và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, là một chỉ tiêu kinh tế quan trọng không chỉ cần thiết cho doanh nghiệp mà còn cần thiết cho các đối tượng khác quan tâm như: các nhà đầu tư, ngân hàng, người lao động, nhà quản lý....

Với việc xác định kết quả kinh doanh là cơ sở xác định các chỉ tiêu kinh tế tài chính, đánh giá tình hình của doanh nghiệp. Xác định số vòng luân chuyển vốn, xác định tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu... Ngoài ra nó còn là cơ sở để xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước. Xác định cơ cấu phân chia và sử dụng hợp lý, hiệu quả số lợi nhuận thu được, giải quyết hài hoà giữa lợi ích kinh tế nhà nước tập thể và cá nhân người lao động.

1.1.2 Khái quát về doanh thu

1.1.2.1 Khái niệm

Doanh thu: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu (Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14).

1.1.2.2 Các loại doanh thu, các phương thức bán hàng và thời điểm ghi nhận doanh thu

* **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Phản ánh doanh thu bán hàng của khối lượng hàng hoá được xác định là đã bán trong mỗi kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam chuẩn mực số 14 - Bán hàng và công bố theo quyết định số 149/ QĐ- BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng bộ tài chính: Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch BH;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Với mỗi phương thức bán hàng thì thời điểm ghi nhận doanh thu được quy định khác nhau:

- Với phương thức bán hàng qua kho, bán buôn vận chuyển thẳng theo hình thức giao hàng trực tiếp thì thời điểm ghi nhận doanh thu là:
 - + Bên mua đã nhận hàng, ký xác nhận vào hóa đơn đã nhận đủ hàng.
 - + Bên mua đã thanh toán tiền hàng hoặc nhận nợ.
- Bán hàng theo phương thức giao thẳng thì thời điểm ghi nhận doanh thu là: doanh nghiệp mua hàng và người cung cấp hàng bán thẳng cho khách hàng không qua kho của doanh nghiệp. Nghiệp vụ mua bán xảy ra đồng thời. Phương thức này chủ yếu áp dụng ở các doanh nghiệp thương mại.

- Với phương thức bán lẻ hàng hoá thì thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm ghi nhận báo cáo bán hàng của nhân viên bán hàng, doanh nghiệp bán các sản phẩm, hàng hóa trực tiếp cho người tiêu dùng và thu tiền ngay.

- Với phương thức đại lý ký gửi: Theo phương thức này, doanh nghiệp xuất kho thành phẩm hàng hóa gửi đi bán cho khách hàng theo hợp đồng ký kết hai bên. Khi hàng xuất kho gửi đi bán thì hàng chưa xác định là tiêu thụ. Hàng gửi bán chỉ hạch toán vào doanh thu khi doanh nghiệp đã nhận được tiền bán hàng do khách hàng trả, khách hàng đã nhận được hàng và chấp nhận thanh toán thì số hàng đó mới chính thức coi là tiêu thụ và doanh nghiệp có quyền ghi nhận doanh thu.

- Bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp: Theo phương thức này, khi bán hàng doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán hàng trả ngay, khách hàng được chậm trả tiền hàng và phải chịu phần lãi trả chậm theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng mua bán hàng. Phần lãi trả chậm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm, trả góp.

* **Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** Phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hoá dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

* **Doanh thu hoạt động tài chính:** Phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận chưa chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Cụ thể: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ, lãi cho thuê tài chính, thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng, thu nhập về các hoạt động đầu tư khác, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính.

* **Thu nhập khác:** Phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu khó đòi xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập;
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;
- Các khoản thu khác.

1.1.2.3 Các yếu tố làm giảm doanh thu của doanh nghiệp

Để đẩy mạnh bán ra và thu hồi nhanh chóng tiền bán hàng, doanh nghiệp cần có chế độ khuyến khích đối với khách hàng. Nếu khách hàng mua với khối lượng hàng hoá lớn sẽ được doanh nghiệp giảm giá, nếu khách hàng thanh toán sớm tiền hàng sẽ được doanh nghiệp chiết khấu, còn nếu hàng hoá doanh nghiệp kém phẩm chất thì khách hàng có thể không chấp nhận thanh toán hoặc yêu cầu doanh nghiệp giảm giá. Các khoản trên sẽ làm giảm doanh thu.

* ***Chiết khấu thương mại:*** Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên “Hoá đơn GTGT” hoặc “Hoá đơn bán hàng” lần cuối cùng.

- Trường hợp người mua hàng mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán

* ***Giảm giá hàng bán:*** Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận trên giá đã thoả thuận trong hoá đơn, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách ... đã ghi trong hợp đồng.

* ***Giá trị hàng bán bị trả lại:*** Hàng bán bị trả lại là số sản phẩm, hàng hoá doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế như hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại.

- Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hoá đơn (nếu trả lại toàn bộ)

hoặc bản sao hợp đồng (nếu trả lại một phần hàng) và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

* **Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB), thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng (GTGT) tính theo phương pháp trực tiếp:** được xác định theo số lượng sản phẩm hàng hoá đó tiêu thụ, giá tính thuế và thuế xuất của từng mặt hàng.

Trong đó:

- Thuế TTĐB: là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất (hoặc các loại dịch vụ) thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB cho khách hàng. Số tiền thuế doanh nghiệp phải nộp bằng thuế suất nhân với doanh thu bán hàng của hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế kinh doanh.

- Thuế xuất khẩu: là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp có hàng hóa được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hay biên giới. Số tiền thuế doanh nghiệp phải nộp bằng thuế suất nhân với doanh thu bán hàng của hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế kinh doanh. Trong doanh thu hàng xuất khẩu đã bao gồm số thuế xuất khẩu phải nộp vào ngân sách nhà nước.

- Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: là số thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đó được xác định trong kỳ.

Doanh thu thuần được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu về hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, giá trị hàng bán bị trả lại, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế xuất khẩu.

1.1.3 Khái quát về chi phí kinh doanh

1.1.3.1 Khái niệm

Chi phí: là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành sản xuất kinh doanh trong một kỳ nhất định.

1.1.3.2 Các loại chi phí

* **Giá vốn hàng bán:** Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán

trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

* ***Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp***

- Chi phí bán hàng: là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm:

+ *Chi phí nhân viên bán hàng*: Phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hóa,... Bao gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, tiền công và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn,...

+ *Chi phí vật liệu, bao bì*: phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, như chi phí đóng gói sản phẩm, hàng hóa, chi phí vật liệu, nhiên liệu dùng cho bảo quản, bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa trong quá trình tiêu thụ, vật liệu dùng cho sửa chữa, bảo quản tài sản cố định... dùng cho bộ phận bán hàng.

+ *Chi phí dụng cụ, đồ dùng*: Phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc...

+ *Chi phí khấu hao tài sản cố định*: Phản ánh chi phí khấu hao tài sản cố định ở bộ phận bảo quản, bán hàng như nhà kho, cửa hàng, bến bãi, phương tiện vận chuyển, bốc dỡ, phương tiện tính toán, đo lường, kiểm nghiệm chất lượng,...

+ *Chi phí bảo hành sản phẩm*: Phản ánh các khoản chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa. Riêng chi phí bảo hành, sửa chữa công trình xây lắp được phản ánh vào chi phí sản xuất chung, không phản ánh vào chi phí bán hàng.

+ *Chi phí dịch vụ mua ngoài*: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như chi phí thuê ngoài sửa chữa tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho khâu bán hàng, tiền thuê kho, thuê bãi, tiền thuê bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa đi bán, tiền trả hoa hồng cho đại lý bán hàng, cho đơn vị nhận ủy thác xuất khẩu...

+ *Chi phí bằng tiền khác*: Phản ánh các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí đã nêu trên như chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí hội nghị khách hàng, vé cầu phà, chi cho KH.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp (CPQLDN) : Là một loại chi phí thời kỳ được tính khi hạch toán lợi tức thường. CPQLDN bao gồm toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung cho toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung gồm:

+ *Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp*(tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...) bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của Ban giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng ban của doanh nghiệp.

+ *Chi phí vật liệu quản lý*: phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý của doanh nghiệp như văn phòng phẩm, vật liệu sử dụng cho việc sử chữa tài sản cố định, công cụ, dụng cụ,...(Giá có thuế hoặc chưa có thuế GTGT)

+ *Khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp*: nhà cửa làm việc của các phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, truyền dẫn, máy móc, thiết bị quản lý dùng trên văn phòng...

+ *Thuế, phí và lệ phí*: Các chi phí về thuế, phí và lệ phí như tiền thuê đất, thuế môn bài, chi phí bằng tiền khác....

+ *Chi phí dự phòng*: Phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

+ *Chi phí dịch vụ mua ngoài*: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác QLDN, các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế...(Không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định) được tính theo phương pháp phân bổ dần vào CPQLDN, tiền thuê tài sản cố định, chi phí trả cho nhà thầu phụ.

+ *Chi phí bằng tiền khác*: Phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp, ngoài các chi phí đã nêu trên như chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ...

* **Chi phí hoạt động tài chính**: Chi phí hoạt động tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động về vốn, các hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính của doanh nghiệp. Theo chế độ kế toán hiện hành chi phí tài chính bao gồm:

- + Chi phí liên quan đến đầu tư chứng khoán.
- + Chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh kể cả khoản lỗ liên quan.
- + Chi phí liên quan đến hoạt động cho vay vốn.
- + Chi phí liên quan đến hoạt động mua bán ngoại tệ.

- + Chi phí liên quan đến hoạt động cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng.
- + Chi phí lãi vay vốn kinh doanh, khoản chiết khấu thanh toán khi bán sản phẩm hàng hoá.
- + Chênh lệch lỗ mua bán ngoại tệ, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.
- + Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn.
- + Chi phí khác liên quan đến hoạt động tài chính.

* **Chi phí khác:** Phản ánh những khoản phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với các hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Bao gồm: Chi phí thanh lý nhượng bán tài sản cố định (nếu có), chênh lệch do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy thu thuế, các khoản chi phí khác....

* **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:**

Bao gồm: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ:

- + Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- + Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

1.1.4 Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá vốn hàng bán

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là số chênh lệch giữa lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính với chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Lợi nhuận khác là số chênh lệch giữa thu nhập khác với chi phí khác

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế là tổng số giữa lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh với lợi nhuận khác.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (Lợi nhuận ròng hay lãi ròng) là phần lợi nhuận sau khi lấy lợi nhuận kế toán trước thuế trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá trị vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa thu nhập tài chính và chi phí tài chính.

+ Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.1.5 Vai trò và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

- Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản phải thu, các khoản giảm trừ doanh thu, chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp để cuối kỳ tập hợp doanh thu, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu hoạt động bất thường.

- Xác định đúng thời điểm hàng hóa được coi là tiêu thụ để kịp thời lập báo cáo tiêu thụ, phản ánh doanh thu, báo cáo thường xuyên tình hình tiêu thụ để kịp thời lập báo cáo tiêu thụ, phản ánh doanh thu, báo cáo thường xuyên tình hình tiêu thụ và thanh toán chi tiết theo từng loại hàng hóa, từng hợp đồng kinh tế.

- Xác định và tập hợp đầy đủ giá vốn, chi phí bán hàng, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận. Từ đó đưa ra những kiến nghị, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh, cung cấp cho ban lãnh đạo để có những việc làm cụ thể phù hợp với thị trường.

- Theo dõi chi tiết, riêng biệt theo từng loại doanh thu, kể cả doanh thu nội bộ nhằm phản ánh kịp thời, chi tiết, đầy đủ kết quả kinh doanh làm căn cứ lập Báo cáo
- Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chi tiết tình hình tiêu thụ ở tất cả các trạng thái như hàng đang đi đường, hàng tồn kho, hàng gửi bán, ...
- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.
- Phản ánh chính xác kết quả của từng hoạt động giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.
- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính, định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.2 CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU TRONG DOANH NGHIỆP

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

* *Chứng từ sử dụng:*

- Hoá đơn giá trị gia tăng; hoá đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán;
- Thẻ thanh toán hàng đại lý, ký gửi;
- Thẻ quầy hàng;
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, phiếu chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng;
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu xuất kho....

* *Tài khoản sử dụng:*

- ***Tài khoản 511: “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”***

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 511:

Bên nợ:

- + Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.
- + Số thuế giá trị gia tăng phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp.

- + Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ
- + Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ
- + Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ
- + Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có:

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 511 có 5 tiểu khoản cấp 2:

- + Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hoá
- + Tài khoản 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- + Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + Tài khoản 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá.
- + Tài khoản 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản

- **Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ của doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá nội bộ.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 512

Bên nợ:

- + Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán;
- + Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ;
- + Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;
- + Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Bên có: Tổng số DT bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

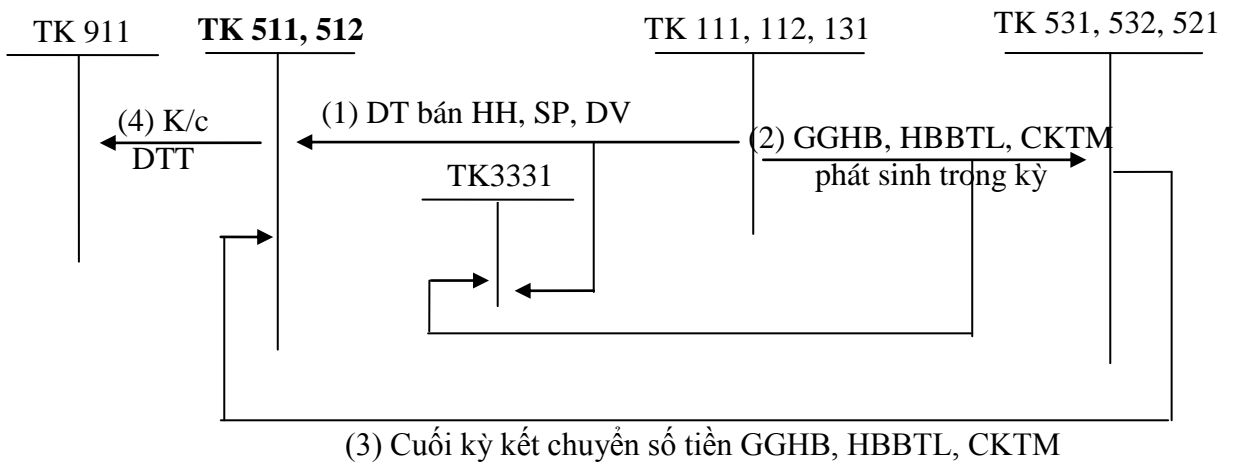
Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 512 có 3 tiểu khoản cấp 2:

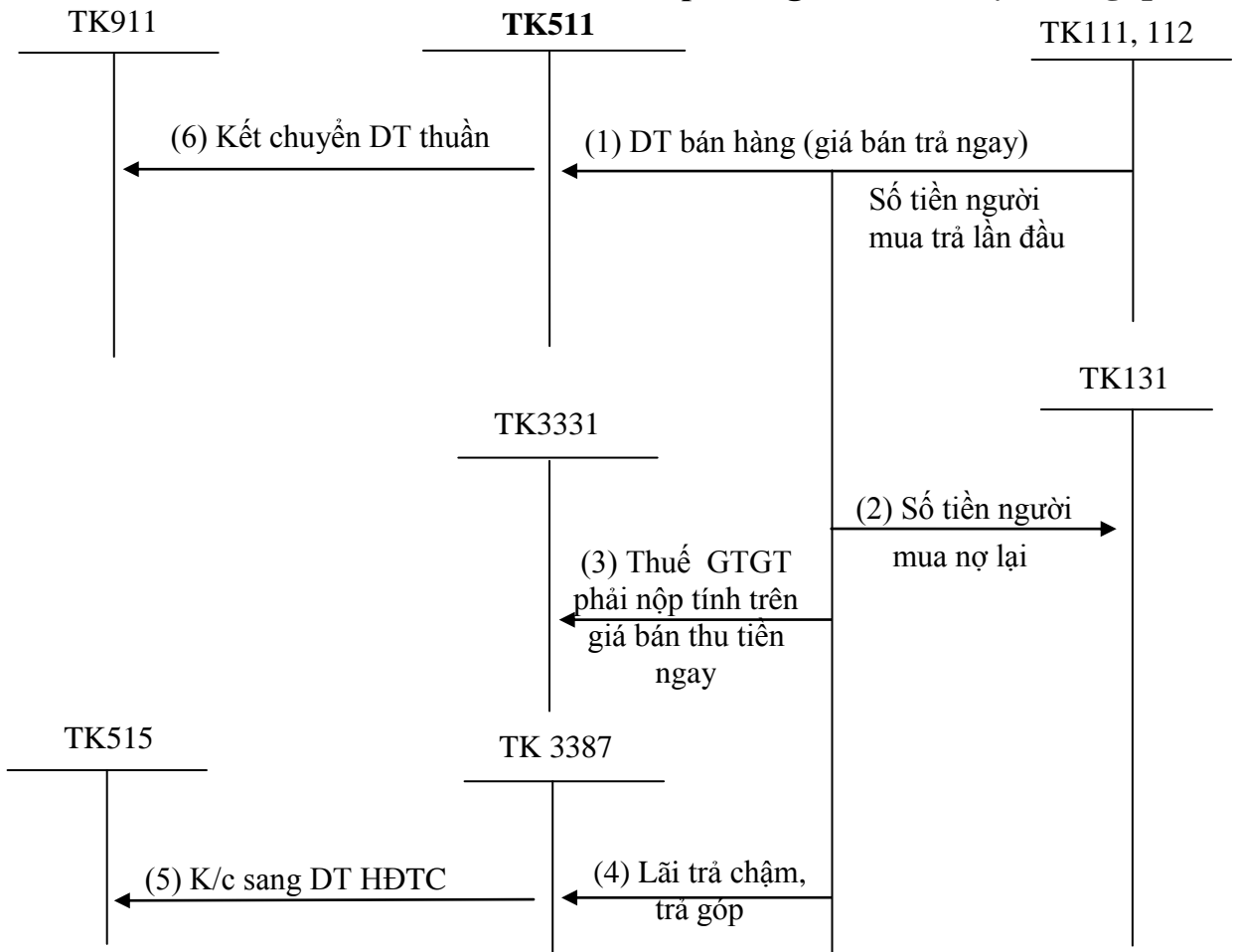
- + Tài khoản 5121: Doanh thu bán hàng hoá.
- + Tài khoản 5122: Doanh thu bán các thành phẩm;
- + Tài khoản 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ;

* Trình tự kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

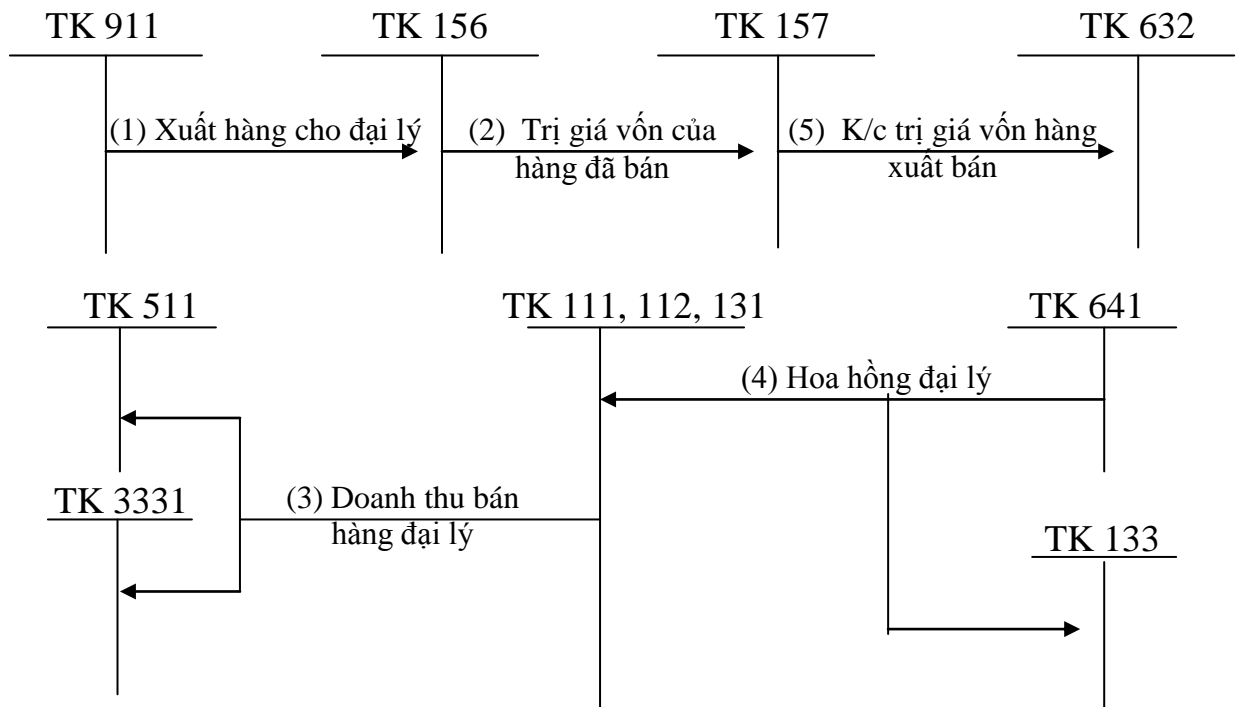
Sơ đồ 1.1: Kế toán DTBH & CCDV theo phương thức trực tiếp



Sơ đồ 1.2: Kế toán doanh thu theo phương thức trả chậm trả góp



Sơ đồ 1.3: Kế toán doanh thu theo phương thức bán hàng đại lý - ký gửi



1.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

* *Chứng từ sử dụng:*

- Hoá đơn giá trị gia tăng; hoá đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán;
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, phiếu chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng;

* *Tài khoản sử dụng:*

- **Tài khoản 521 “chiết khấu thương mại”(CKTM):** Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng, dịch vụ với khối lượng lớn và theo thoả thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại.

Bên nợ: Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng;

Bên có: Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 “doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư

- **Tài khoản 531 “hàng bán bị trả lại”**: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách

Bên nợ: Doanh thu của hàng bán bị trả lại đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm.

Bên có: Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên nợ tài khoản 511 hoặc tài khoản 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ

- **Tài khoản 532 “giảm giá hàng bán”**: Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

Bên nợ: Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng, do hàng bán kém phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế

Bên có: Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang tài khoản 511 hoặc tài khoản 512;

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ

- **Tài khoản 333 “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”**

Sử dụng các tài khoản sau:

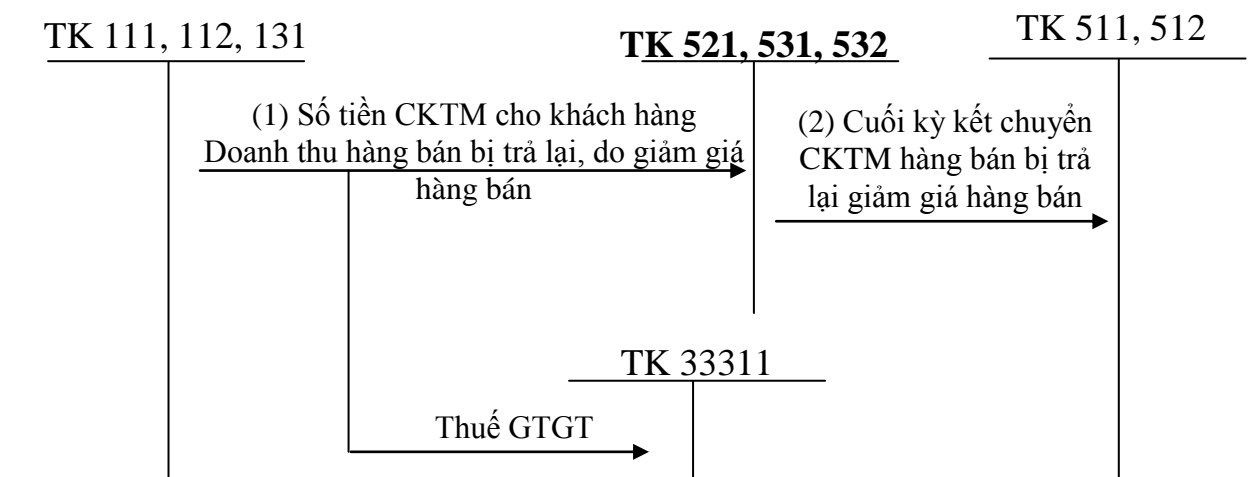
+ Tài khoản 3332: Thuế tiêu thụ đặc biệt;

+ Tài khoản 3333: Thuế xuất, nhập khẩu;

Các chứng từ liên quan như: Phiếu nhập kho hàng bị trả lại ...

* Trình tự kế toán các khoản giảm trừ doanh thu (Trang bên)

Sơ đồ 1.4: Kế toán các khoản giảm trừ DTBH & CCDV



1.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

* Chứng từ sử dụng

- Giấy báo Có, báo Nợ của ngân hàng;
- Hóa đơn GTGT;
- Phiếu thu, phiếu chi;
- Các hợp đồng vay vốn;
- Các chứng từ liên quan khác;

* Tài khoản sử dụng:

- **Tài khoản 515 (Doanh thu tài chính):** Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Nội dung kết cấu tài khoản 515:

Bên nợ:

- + Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- + Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có:

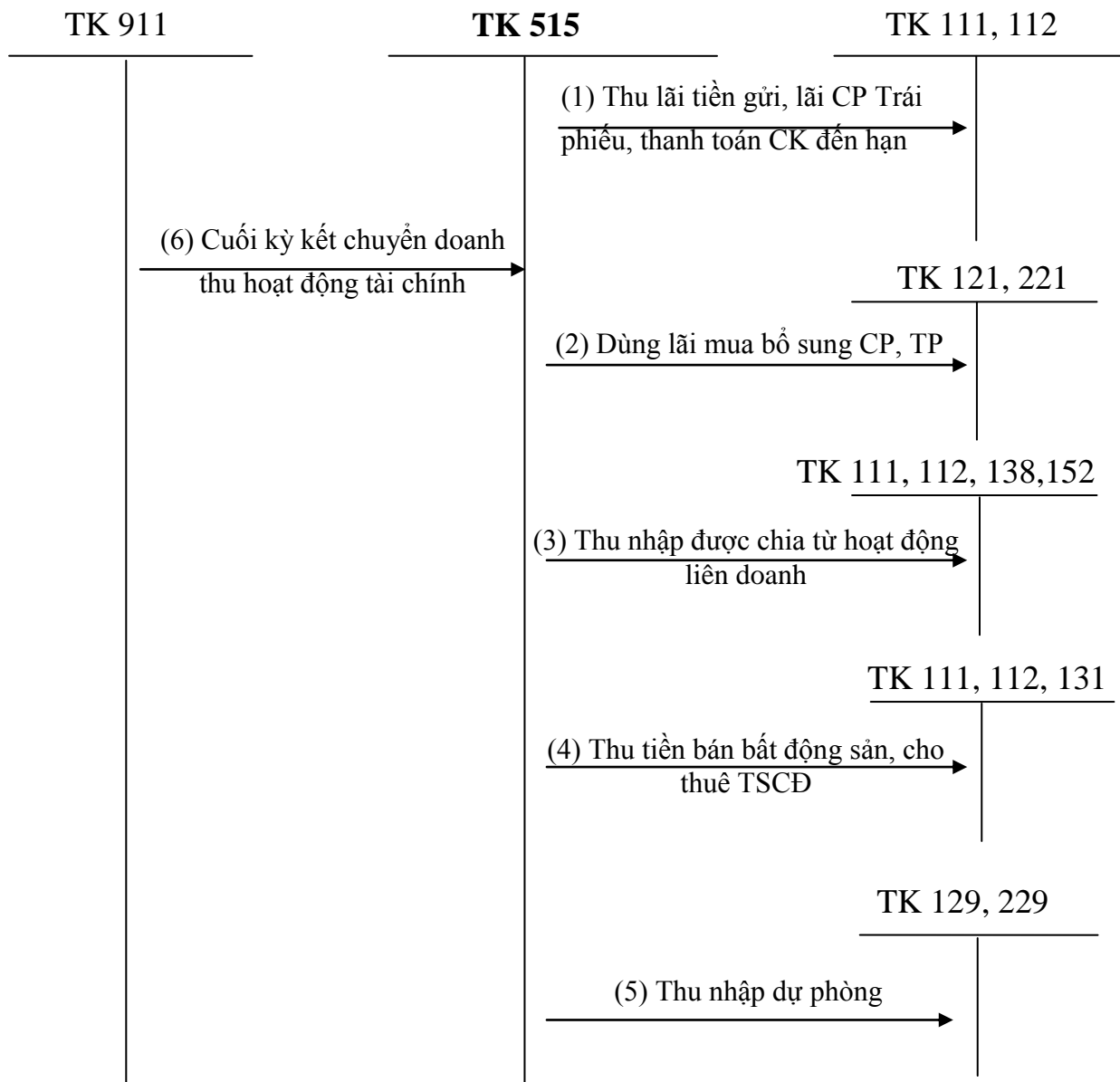
- + Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- + Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- + Chiết khấu thanh toán được hưởng;
- + Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;
- + Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;
- + Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;
- + Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính;
- + Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ;

Tài khoản 515 không có số dư.

* Trình tự kế toán doanh thu hoạt động tài chính

(Trang bên)

Sơ đồ 1.5: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.2.4 Kế toán thu nhập khác

* Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn giá trị gia tăng;
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, phiếu chi, uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu, giấy báo Có của ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan khác: Biên bản thanh lý tài sản, hợp đồng kinh tế...

* Tài khoản sử dụng:

- **Tài khoản 711 (Thu nhập khác)**

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 711

- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03- VT)
- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu 01 GTGT- 322)

Để theo dõi giá vốn hàng bán chứng từ ban đầu là phiếu xuất kho, khi xuất hàng hoá kế toán phải lập phiếu xuất kho làm căn cứ để xuất hàng hoá, đồng thời là cơ sở vào sổ chi tiết hàng hoá. Khi bán hàng, cửa hàng lập bộ chứng từ gồm phiếu xuất kho, hoá đơn GTGT, phiếu thu và ghi nhận giá vốn hàng bán qua tài khoản 632. Cuối tháng, kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán toàn công ty, dùng bảng tổng hợp hàng hoá để lập báo cáo bán hàng

* Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”: Là giá trị phản ánh số giá trị vốn của hàng hoá xuất bán trong kỳ

Kết cấu nội dung tài khoản 632:

Bên nợ:

- + Tập hợp giá trị vốn của thành phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp trong kỳ.
- + Các khoản khác được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết)

Bên có:

- + Giá vốn hàng bán bị trả lại trong kỳ;
- + Kết chuyển giá vốn hàng hoá vào bên nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”
- + Kết chuyển giá vốn của hàng gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ
- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước)

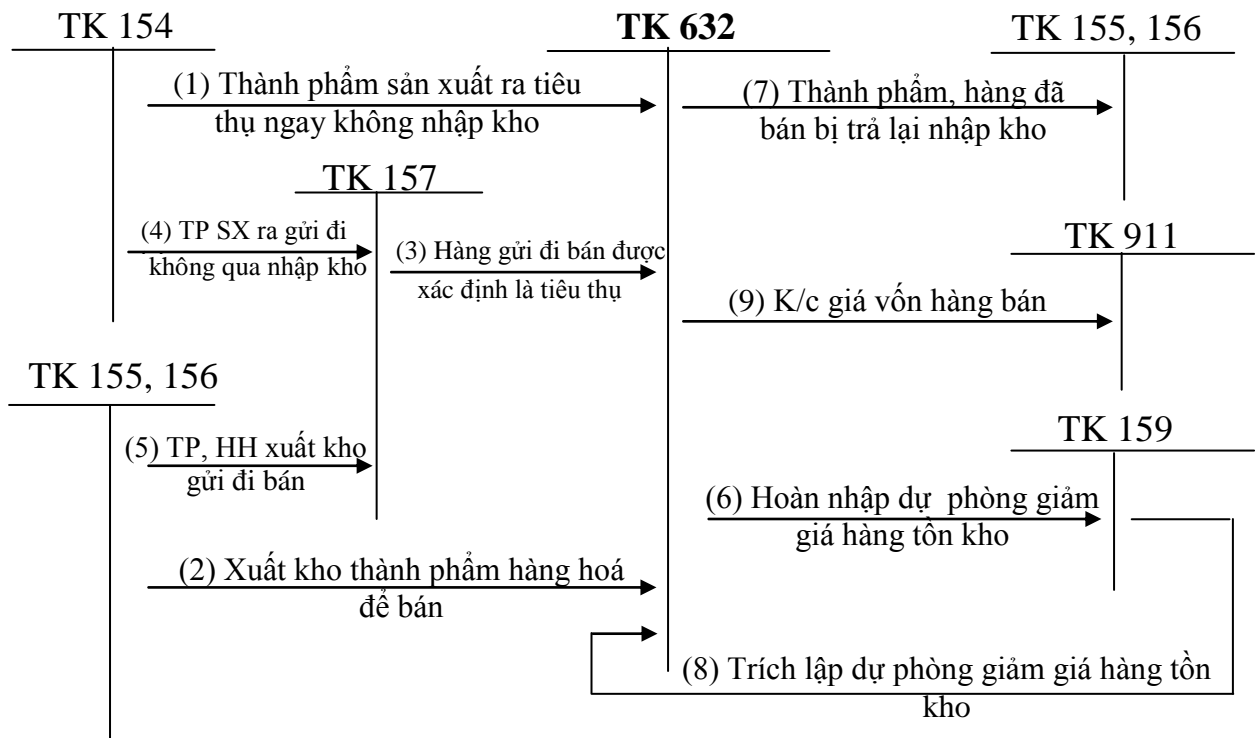
Tài khoản 632 không có số dư

- Các tài khoản khác liên quan: Tài khoản 155, 156, 157, 159, 911

* Trình tự kế toán giá vốn hàng bán

(Trang bên)

Sơ đồ 1.7: Kế toán giá vốn hàng bán (phương pháp kê khai thường xuyên)



Sơ đồ 1.8: Kế toán giá vốn hàng bán (phương pháp kiểm kê định kỳ)



1.3.2 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

** Chứng từ sử dụng:*

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11-LĐTL);
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định (Mẫu số 06-TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu- công cụ dụng cụ (Mẫu số 07-VT);
- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT-3LL);
- Phiếu chi (Mẫu số 02-TT), Giấy báo nợ của ngân hàng;

Hằng ngày, dựa vào các chứng từ phát sinh liên quan đến chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp kế toán tiến hành ghi vào các sổ chi tiết, sổ cái tài khoản 641, 642...phụ thuộc vào doanh nghiệp áp dụng theo từng hình thức kế toán. Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp trừ vào thu nhập để tính lợi nhuận về tiêu thụ trong kỳ. Trường hợp chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ lớn hơn trong khi doanh thu kỳ này nhỏ hơn hoặc chưa có thì chi phí bán hàng được tạm thời kết chuyển vào tài khoản 142 (1422 “chi phí chờ kết chuyển”) số này sẽ được kết chuyển một lần hoặc nhiều lần ở các kỳ sau có doanh thu.

** Tài khoản sử dụng và nội dung kết cấu tài khoản 641*

Bên nợ: Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán SP, HH, DV

Bên có: Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 641 không có số dư và gồm có 7 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 6411: Chi phí nhân viên;
- + Tài khoản 6412: Chi phí vật liệu bao bì;
- + Tài khoản 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng;
- + Tài khoản 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định;
- + Tài khoản 6415: Chi phí bảo hành;
- + Tài khoản 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài;
- + Tài khoản 6418: Chi phí bằng tiền khác.

** Tài khoản sử dụng và nội dung kết cấu tài khoản 642:*

Bên nợ:

- + Tập hợp toàn bộ chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế PS trong kỳ kế toán
- + Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả
- + Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Bên có:

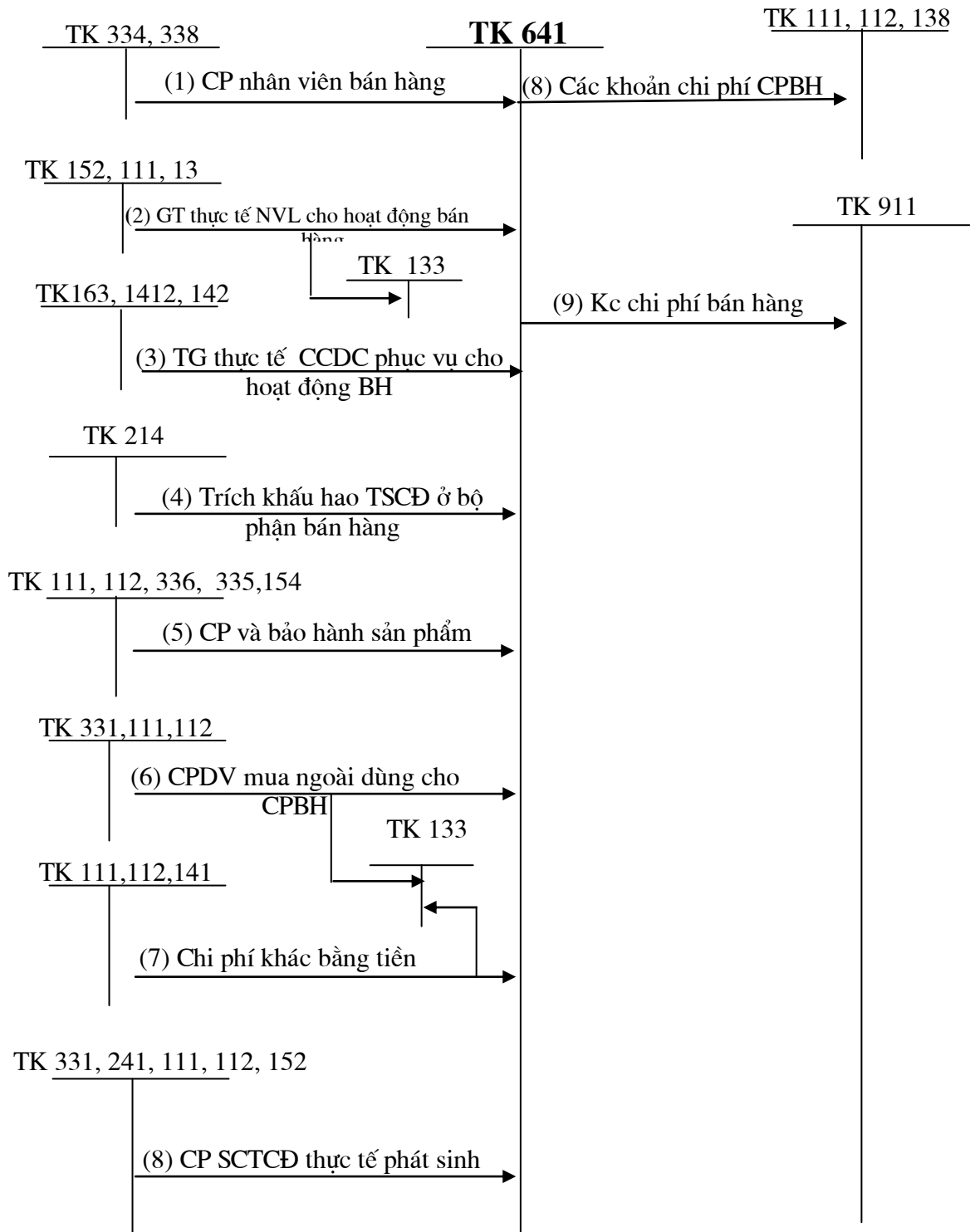
- + Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả;
- + Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 642 không có số dư và gồm có 8 tài khoản cấp 2:

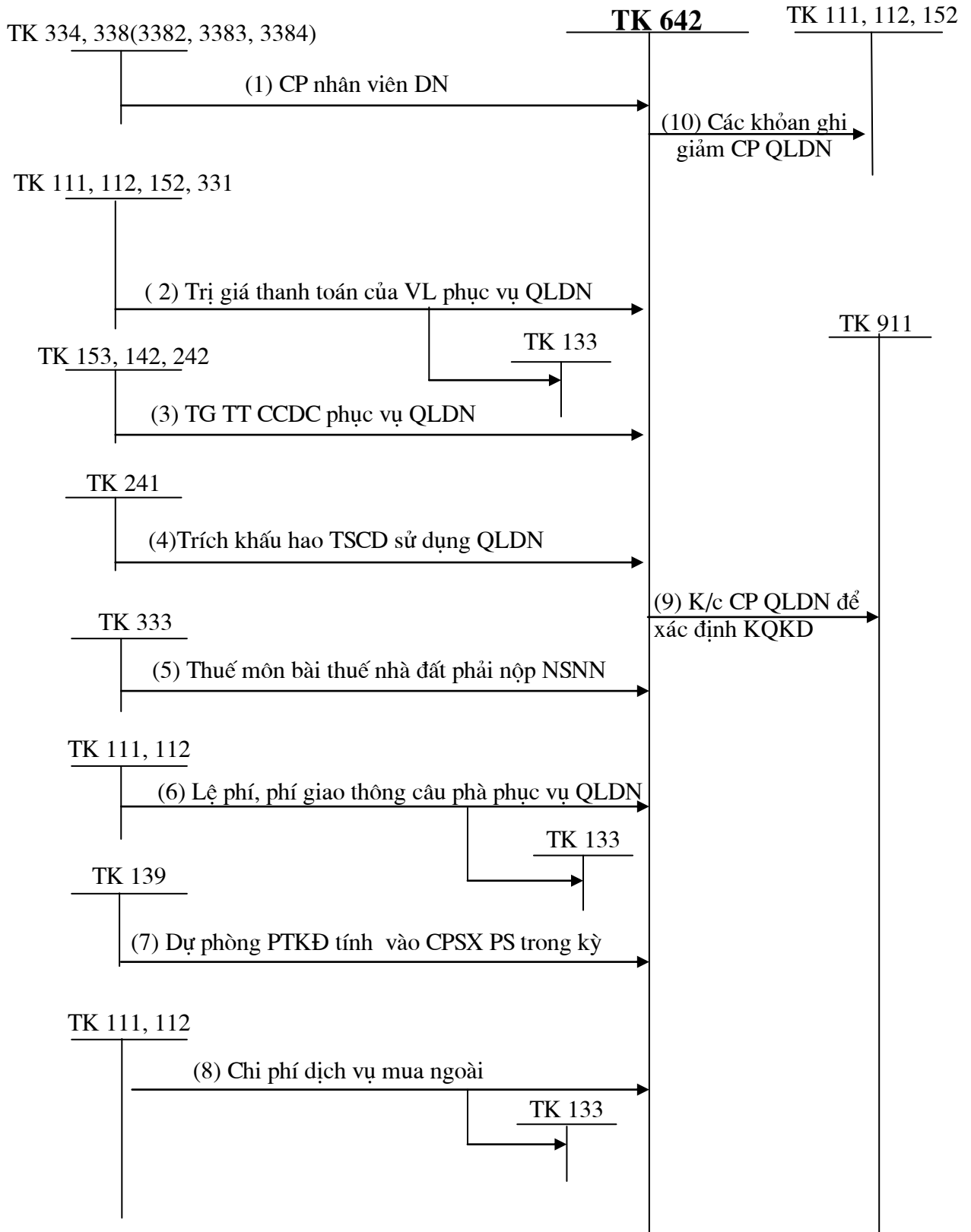
- + Tài khoản 6421: Chi phí nhân viên quản lý;
- + Tài khoản 6422: Chi phí vật liệu quản lý;
- + Tài khoản 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng;
- + Tài khoản 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định;

- + Tài khoản 6425: Thuế, phí và lệ phí;
 - + Tài khoản 6426: Chi phí dự phòng;
 - + Tài khoản 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài;
 - + Tài khoản 6428: Chi phí bằng tiền khác;
- * Trình tự kế toán chi phí bán hàng & chi phí quản lý doanh nghiệp**

Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí bán hàng



Sơ đồ 1.10: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.3.3 Kế toán chi phí tài chính

* *Chứng từ sử dụng:*

- Giấy báo Có, báo Nợ của ngân hàng;
- Hóa đơn GTGT;
- Phiếu thu, phiếu chi;
- Các hợp đồng vay vốn;
- Các chứng từ liên quan khác;

* *Tài khoản sử dụng:*

- **Tài khoản 635 (Chi phí tài chính):** tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

Kết cấu tài khoản 635:

Bên nợ:

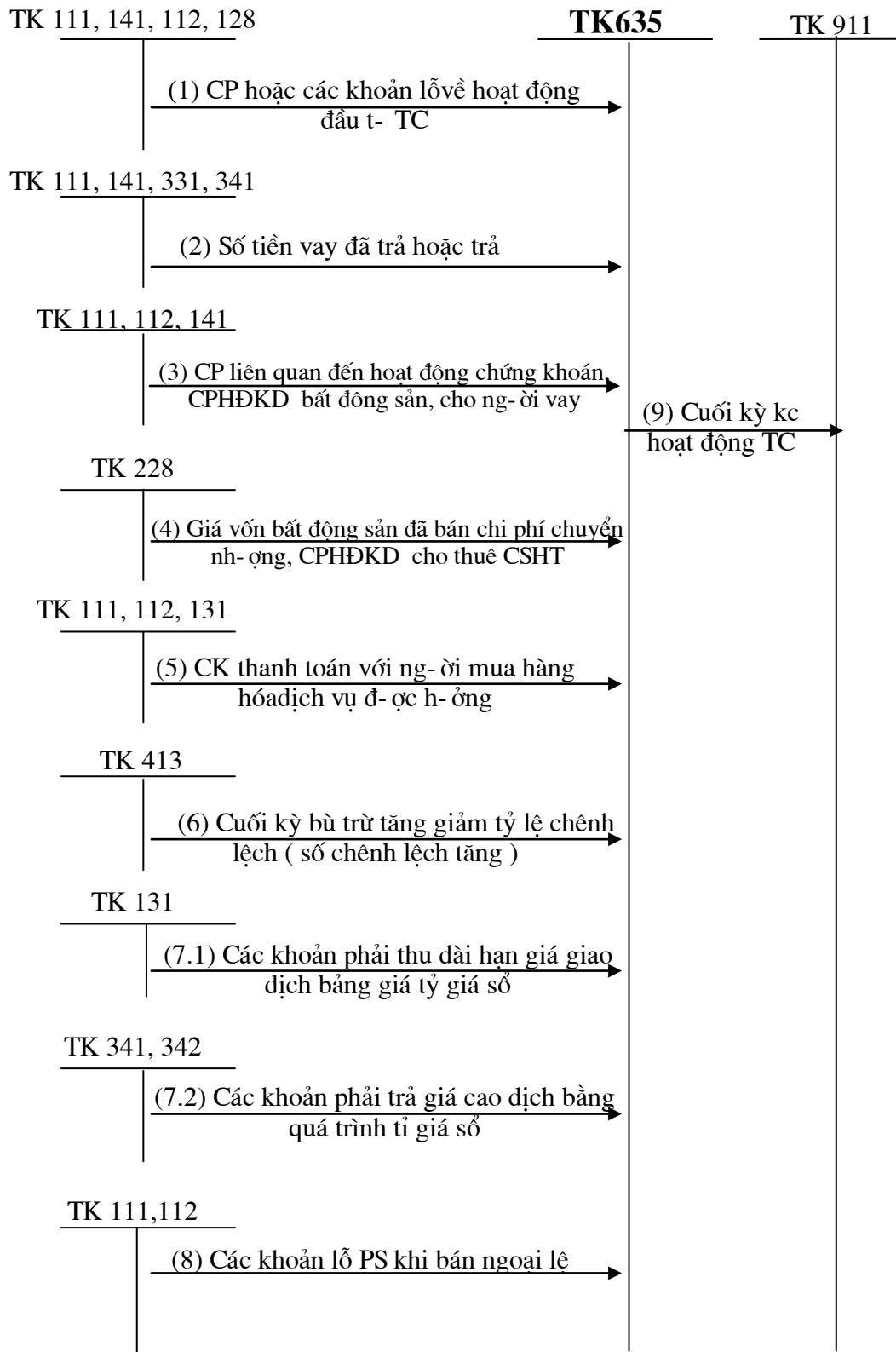
- + Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- + Lỗ bán ngoại tệ;
- + Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- + Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
- + Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện);
- + Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);
- + Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- + Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (Lỗ tỷ giá - giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;
- + Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác;

Bên có:

- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- + Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh;

* Trình tự kế toán chi phí tài chính

Sơ đồ 1.11: Kế toán chi phí hoạt động tài chính



1.3.4 Kế toán chi phí khác

** Chứng từ sử dụng*

- Hoá đơn giá trị gia tăng;
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, phiếu chi, uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu, giấy báo Có của ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan khác: Biên bản thanh lý tài sản, hợp đồng kinh tế...

** Tài khoản sử dụng*

- **Tài khoản 811(Chi phí khác):**

Bên nợ: Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ

Bên có: Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

* Trình tự kế toán chi phí khác

Sơ đồ 1.12: Kế toán chi phí khác



1.4 KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

* Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán.

* Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”**: Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh; kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết cấu tài khoản 911

Bên nợ:

- + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- + Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác;
- + Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;
- + Kết chuyển lãi.

Bên có:

- + Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- + Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
- + Kết chuyển lỗ;

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

Cách xác định kết quả hoạt động kinh doanh:

$$\text{Doanh thu} = \begin{matrix} \text{Doanh thu} \\ \text{thuần về BH} \\ \text{\& CCDV} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Doanh} \\ \text{thu nội bộ} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Doanh thu} \\ \text{HĐTC} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Thu nhập} \\ \text{khác} \end{matrix}$$

$$\begin{matrix} \text{Doanh thu} \\ \text{thuần về BH \&} \\ \text{CCDV} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Doanh thu từ hoạt động} \\ \text{BH \& CCDV} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Các khoản giảm trừ} \\ \text{doanh thu} \end{matrix}$$

$$\text{Chi phí} = \begin{matrix} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng bán} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Chi phí} \\ \text{bán hàng} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Chi phí} \\ \text{QLDN} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Chi phí} \\ \text{HĐTC} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Chi phí} \\ \text{khác} \end{matrix}$$

$$\begin{aligned} \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} &= \text{Doanh thu} - \text{Chi phí} \\ \text{Chi phí thuế TNDN} &= \text{Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh} \times \text{Thuế suất thuế TNDN} \\ \text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} &= \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế TNDN} \end{aligned}$$

- **TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối**

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Bên Nợ:

- + Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- + Trích lập các quỹ của doanh nghiệp;
- + Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh;
- + Bổ sung nguồn vốn kinh doanh;
- + Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

Bên Có:

- + Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ;
- + Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù;
- + Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có.

Số dư bên Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.

Số dư bên Có: Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

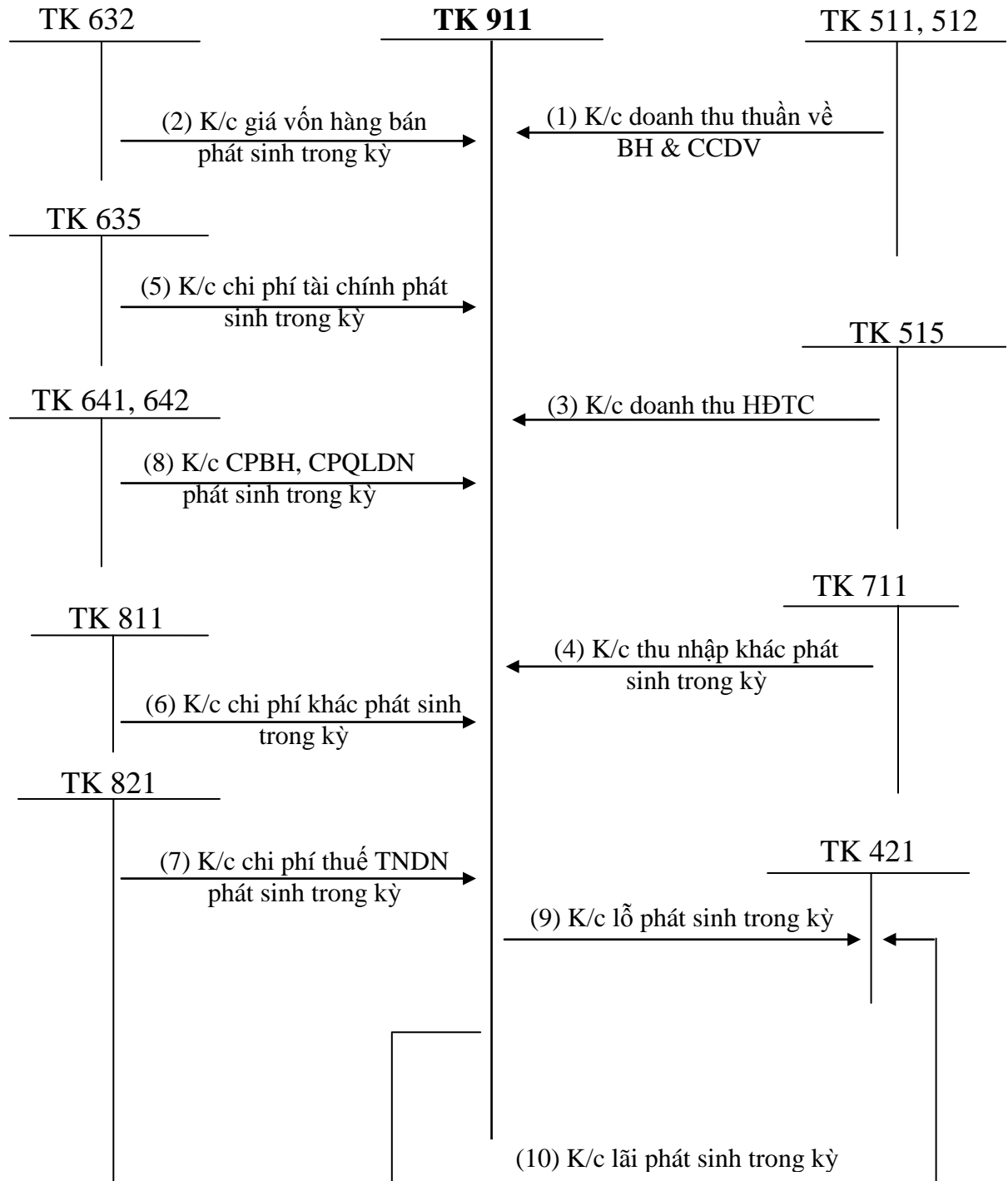
Tài khoản 421 (Lợi nhuận chưa phân phối) có 2 tài khoản cấp 2:

- + *Tài khoản 4211 - Lợi nhuận chưa phân phối năm trước:* Phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ thuộc năm trước. Tài khoản 4211 còn dùng để phản ánh số điều chỉnh tăng hoặc giảm số dư đầu năm của TK 4211 khi áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố các sai sót trọng yếu của năm trước, năm nay mới phát hiện. Đầu năm sau, kế toán kết chuyển số dư đầu năm từ TK 4212 “Lợi nhuận chưa phân phối năm nay” sang TK 4211 “Lợi nhuận chưa phân phối năm trước”.

+ Tài khoản 4212 - Lợi nhuận chưa phân phối năm nay: Phản ánh kết quả kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận và xử lý lỗ năm nay.

* Trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh

Sơ đồ 1.13: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



- TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Bên Nợ:

- + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm;
- + Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại;
- + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm);
- + Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm);
- + Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Có Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

- + Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm;
- + Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại;
- + Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm);

+ Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm)

+ Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”;

+ Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Nợ Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 821 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” không có số dư cuối kỳ.

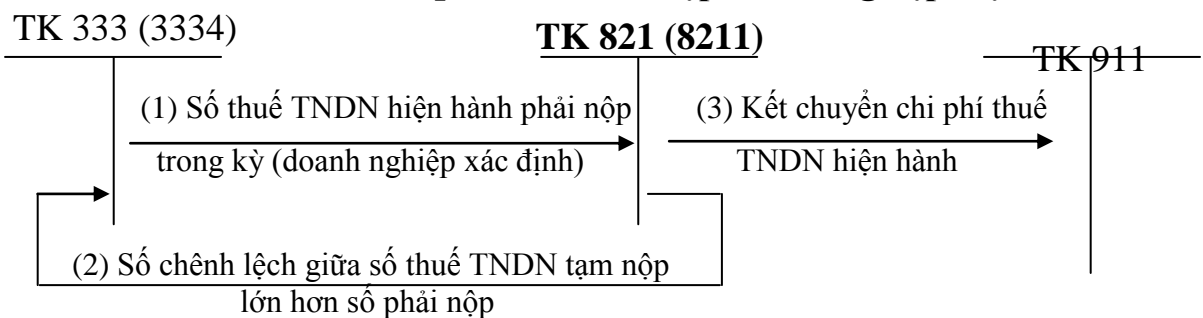
Tài khoản 821 (Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp) có 2 tài khoản cấp 2:

+ *Tài khoản 8211* - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

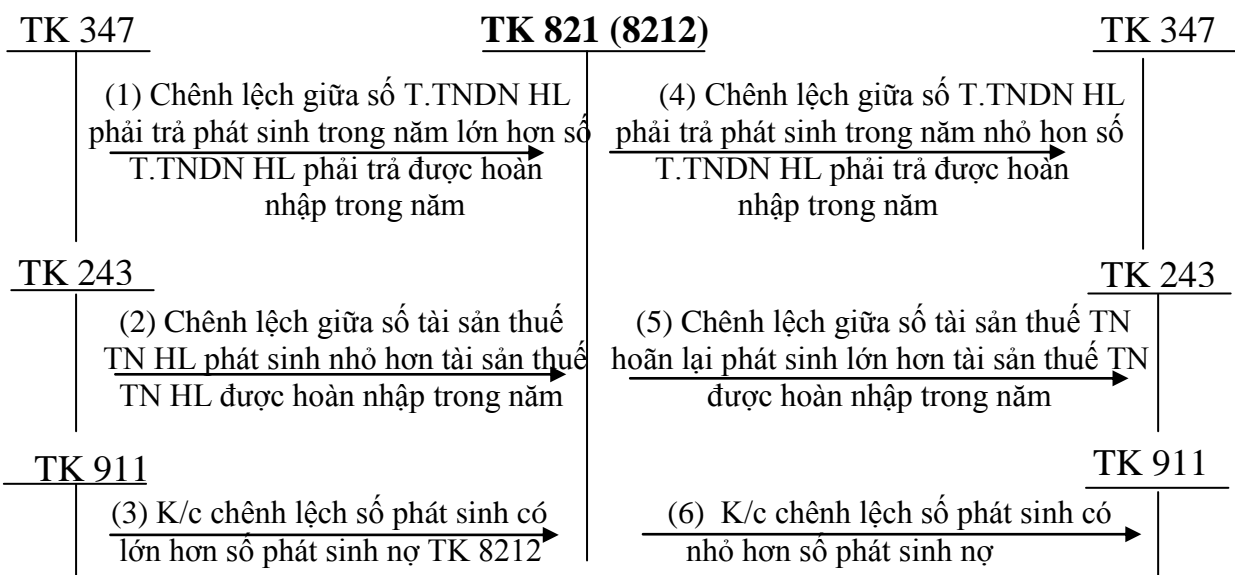
+ *Tài khoản 8212* - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

*** Trình tự kế toán chi phí thuế TNDN**

Sơ đồ 1.14: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành



Sơ đồ 1.15: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại



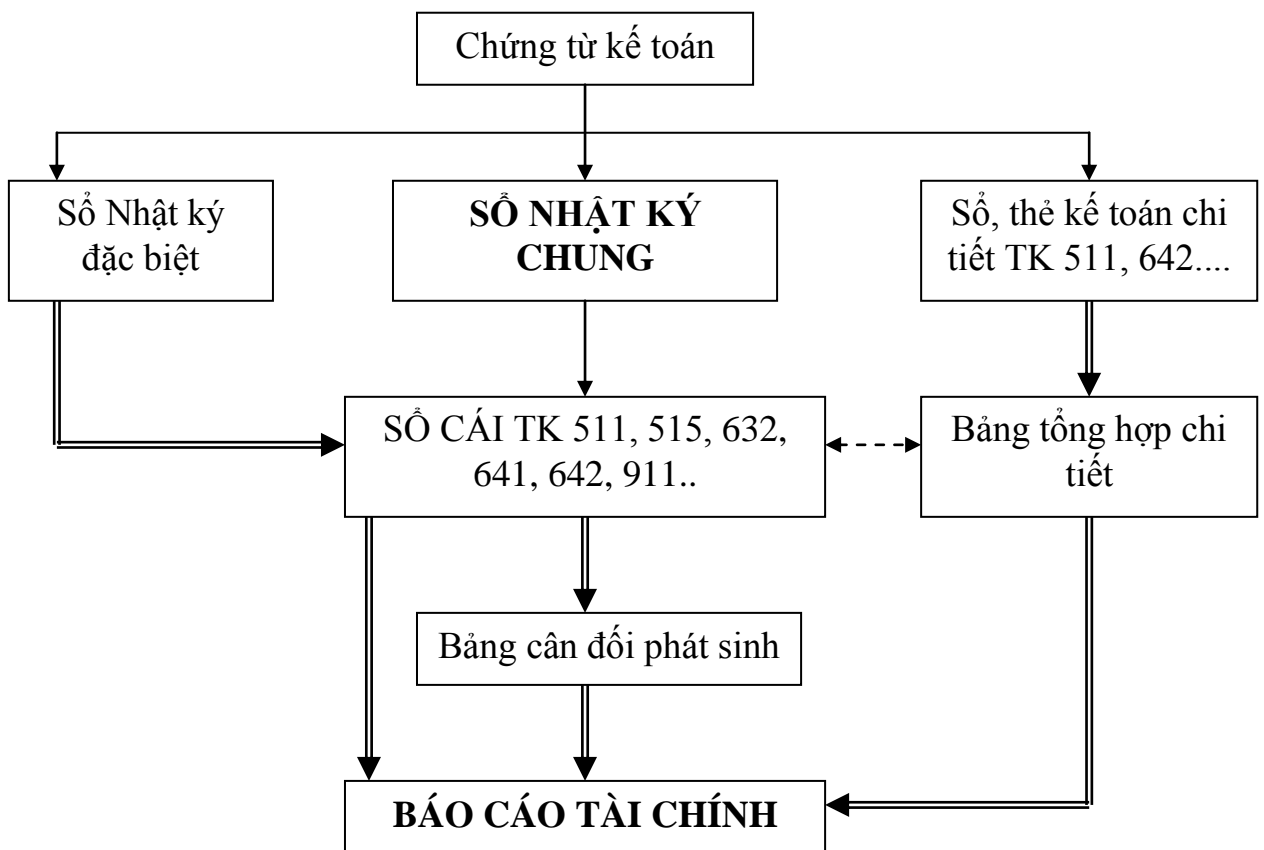
1.5 TỔ CHỨC HỆ THỐNG SỔ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.5.1 Hình thức kế toán nhật ký chung

* **Đặc điểm:** Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu của các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

* **Các loại sổ:** Sổ Nhật ký chung, sổ cái, các sổ và thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.16: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

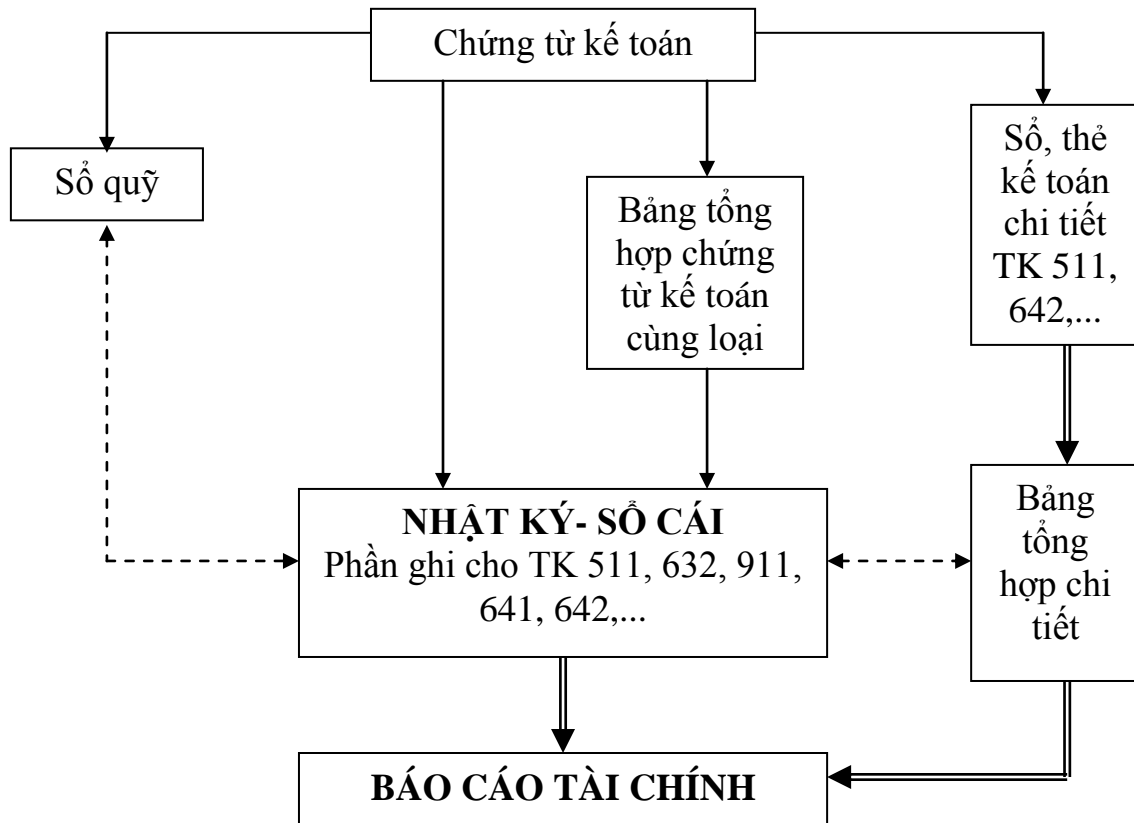
- Ghi hàng ngày : \longrightarrow
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : \Longrightarrow
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra : \longleftrightarrow

1.5.2 Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

***Đặc điểm:** Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toans) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Nhật ký- Sổ cái. Căn cứ để ghi vào Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

* **Các loại sổ:** Sổ Nhật ký – Sổ cái, các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.17: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày : ———→
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : ==>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra : <--->

1.5.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

* **Đặc điểm:** Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “ Chứng từ ghi sổ”

Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

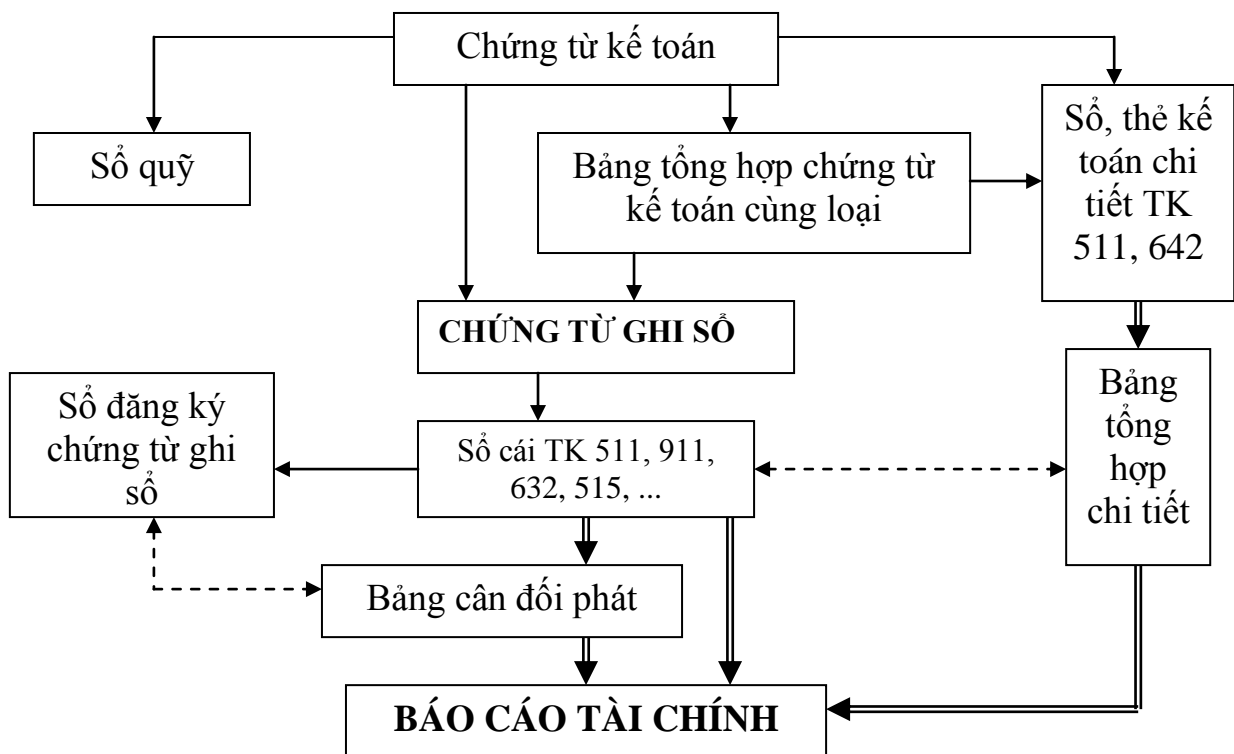
- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán

* **Các loại sổ:** Chứng từ ghi sổ, Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sổ cái, các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.18: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : ———→

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : ==>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra : <--->

1.5.4 Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ

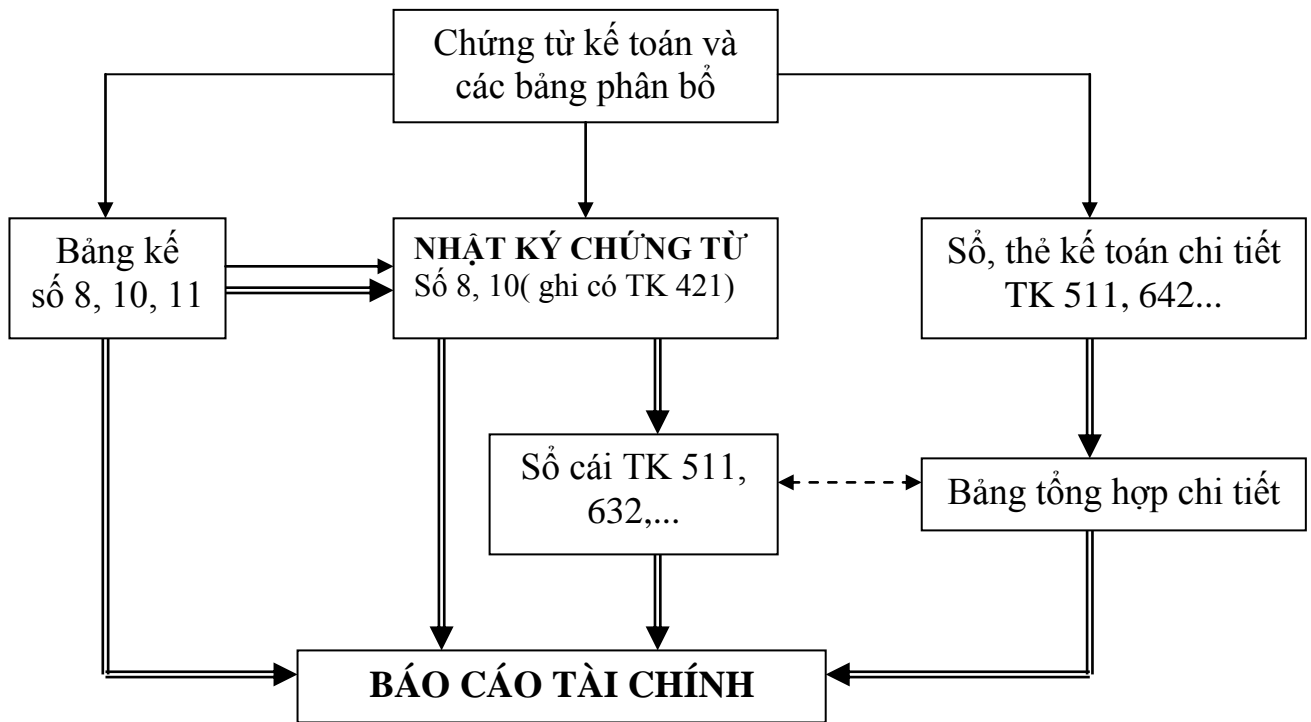
* **Đặc điểm:** Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng bên Nợ

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép
- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

* **Các loại sổ:** Nhật ký chứng từ, Bảng kê, Sổ cái, Sổ và thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.19: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - Chứng từ



Ghi chú:

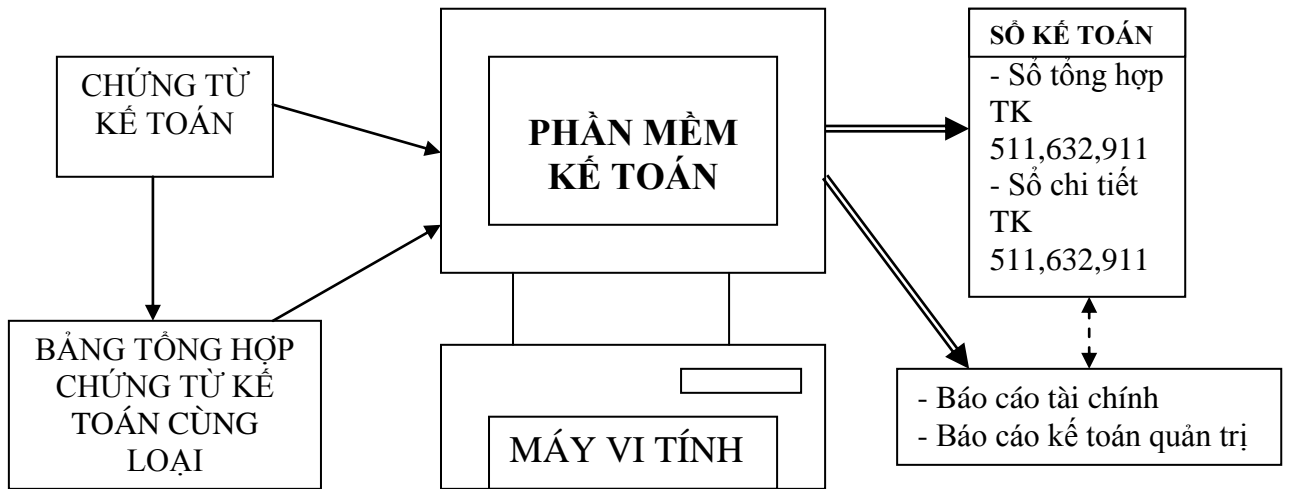
- Ghi hàng ngày : \longrightarrow
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : \Longrightarrow
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra : \longleftrightarrow

1.5.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

* **Đặc điểm:** Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

* **Các loại sổ:** Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.20: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày : \longrightarrow
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm : \Longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra : \longleftrightarrow

Chương 2

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ, VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP & KDDV HẢI PHÒNG**

2.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CP XL & KDDV HẢI PHÒNG - CIPC

Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng – CIPC được thành lập căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc Hội nước CHXNCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật DN.

Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng – CIPC là một doanh nghiệp cổ phần có tư cách pháp nhân, có trụ sở làm việc,... có nhiệm vụ cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng tại Hải Phòng và các tỉnh lân cận.

Thông tin về công ty

Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ KINH DOANH
DỊCH VỤ HẢI PHÒNG - CIPC**

Tên tiếng anh: **HACENCO - CIPC**

Tên viết tắt: **CIPC - HAI PHONG CONSTRUCTION
ENGINEERING AND SERVICE TRADING JOINT
STOCK COMPANY**

Địa chỉ: **Km 9 Phường Quán Toan, Quận Hồng Bàng, HP**

Mã số thuế: **0200836458**

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng

Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng – CIPC là tiền thân của Chi nhánh Công ty CP XL & SXCN căn cứ vào QĐ số 273/QĐ-TTCBĐT ngày 23/03/1995 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp nặng đặt tên là Chi nhánh Xây lắp II tại Hải Phòng. Đến năm 1996 đổi tên thành Chi nhánh công ty Xây lắp & SXCN theo quyết định số 1493 ngày 01/01/1996. Để phù hợp với công tác HĐSXKD của đơn vị, tháng 06/2002 đổi tên thành Chi nhánh Công ty CP XL & SXCN – Công ty xây lắp & KDDV Hải Phòng. Để phù hợp với HĐSXKD của đơn vị, công ty CP XL & KDDV Hải Phòng – CIPC có Quyết định số 264/QĐ – HĐQT – CIPC ngày 19/08/2008 về việc tách chuyên chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp & SXCN – Công ty xây lắp & KDDV Hải Phòng thành lập công ty Cổ phần Xây lắp & KDDV Hải Phòng – CIPC.

Công ty Cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng là một trong những công ty Cổ phần trực thuộc Tổng công ty xây dựng công nghiệp Việt Nam. Công ty có trụ sở tại km 9 – phường Quán Toan – quận Hồng Bàng – Hải Phòng.

2.1.2 Ngành nghề kinh doanh

*** Xây lắp công nghiệp và dân dụng**

Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng đến nhóm A; Xây dựng các công trình kỹ thuật hạ tầng, khu công nghiệp và khu dân cư; Xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 220KV, lắp đặt điện nước, thiết bị CN; Xây dựng đường bộ tới cấp II và cầu cống nhỏ, san lấp mặt bằng; Xây dựng các công trình cầu cảng, thủy lợi.....

*** Kinh doanh kim khí và vật liệu xây dựng**

Cung cấp các loại sắt thép, vật liệu xây dựng phục vụ sản xuất và xây lắp từ nguồn nhập khẩu và các nhà máy trong nước.

*** Tư vấn thiết kế**

Tư vấn và thiết kế đồng bộ các công trình công nghiệp dân dụng đến nhóm B; Khảo sát, khoan thăm dò địa chất công trình;

2.1.3 Thuận lợi, khó khăn và thành tích công ty đạt được

Công ty Cổ phần Xây lắp & KDDV Hải Phòng là một công ty ra đời và phát triển trong nền kinh tế thị trường còn nhiều thách thức nên bước đầu công ty cũng gặp không ít khó khăn trong hoạt động kinh doanh. Trong những năm gần đây nhờ đổi mới công nghệ, đầu tư các trang thiết bị tiên tiến bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ quản lý các cấp công nhân, kỹ thuật các chuyên ngành, sắp xếp, củng cố tổ chức bộ máy trong toàn công ty, công ty đã đẩy mạnh hiệu quả hoạt động kinh doanh các mặt hàng của công ty.

Về hoạt động xây lắp, do công ty trực thuộc Tổng công ty xây dựng công nghiệp Việt Nam nên có nhiều điều kiện để đầu tư và tham gia dự thầu các gói thầu lớn. Bên cạnh đó công ty có đội ngũ kỹ sư có năng lực, nhiệt tình, giàu kinh nghiệm nên có nhiều thuận lợi trong hoạt động xây lắp.

Về kinh doanh dịch vụ, công ty có thuận lợi do mặt hàng kinh doanh chính là thép các loại chính phẩm và phế phẩm là loại mặt hàng mà thị trường đang có nhu cầu lớn do tốc độ phát triển không ngừng của các công trình xây dựng. Thêm vào đó công ty có trụ sở nằm giữa trung tâm khu công nghiệp sản xuất thép tại Hải Phòng nên dễ dàng tìm được nguồn hàng với giá rẻ, chất lượng tốt, giảm được

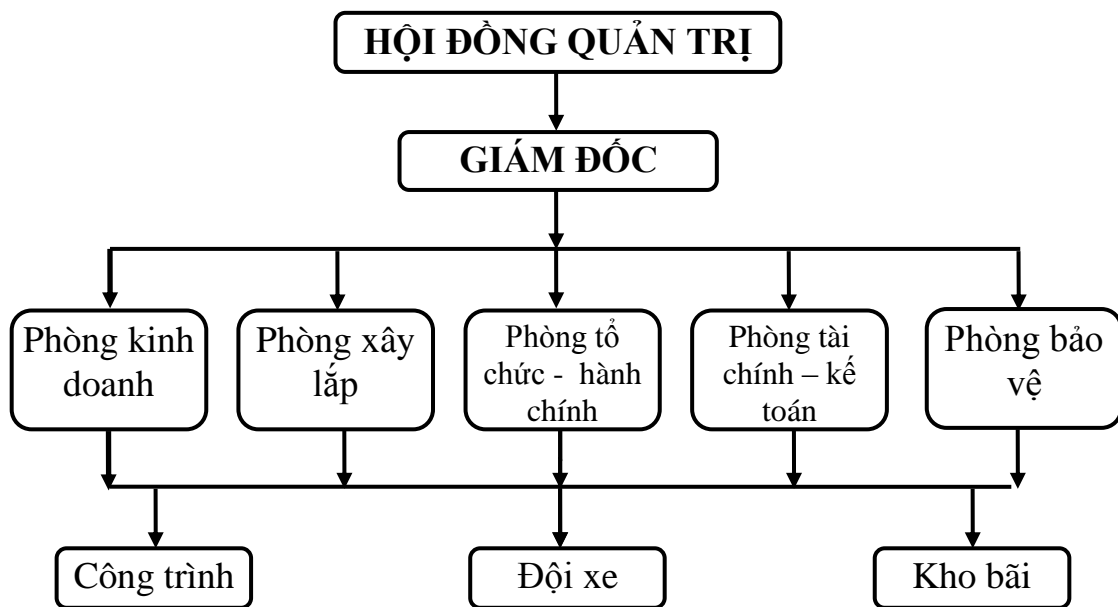
hiều chi phí trong khâu vận chuyển. Tuy nhiên công ty cũng gặp một số khó khăn như có nhiều đối thủ cạnh tranh mạnh.

Quá trình phát triển của công ty gắn liền với sự đổi mới không ngừng về lực lượng kỹ thuật, công nghệ và tổ chức quản lý. Hiện nay, công ty có gần 1.000 cán bộ công nhân viên, gồm kiến trúc sư, kỹ sư, cử nhân kinh tế, kỹ thuật viên, công nhân lành nghề tập trung ở các đơn vị thành viên trên địa bàn khu vực Hà Nội và các tỉnh phía Bắc, với lực lượng thiết bị thi công tương đối hiện đại, đồng bộ, dưới sự điều hành quản lý có hiệu quả của bộ máy quản lý, công ty đã và đang mở rộng phạm vi hoạt động trong các nhiều lĩnh vực.

2.1.4 Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty CP XL & KDDV Hải Phòng

Công ty CP XL & KDDV Hải Phòng là một công ty hoạt động với quy mô vừa nên bộ máy quản lý của công ty gọn nhẹ với sơ đồ tổ chức như sau:

Sơ đồ 2.1: Bộ máy tổ chức quản lý của Công ty CP XL & KDDV Hải Phòng



- Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý của công ty. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty, quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền, quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
- Giám đốc: Là người có quyền hành cao nhất trong công ty, đồng thời là người chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước giám đốc công ty cũng như với tập thể trong mọi lĩnh vực kinh doanh, giám sát, điều hành các hoạt động của công ty.

- Phòng kinh doanh: Có nhiệm vụ tổ chức mua, bán hàng cho công ty, nghiên cứu thị trường đầu vào và đầu ra của công ty, từ đó xây dựng chiến lược cạnh tranh cho công ty trong từng giai đoạn, từng thời kỳ phát triển của công ty.
- Phòng xây lắp: Phụ trách công tác xây lắp, lập hồ sơ dự thầu, dự toán, thanh quyết toán công trình.
- Phòng tổ chức hành chính: Thực hiện chức năng hành chính, là đầu mối tiếp nhận công văn của các cơ quan quản lý cấp trên và các đơn vị khác trong các hoạt động của công ty. Có trách nhiệm bảo quản và sử dụng con dấu, lưu trữ tài liệu, thực hiện đúng các chế độ chính sách, đảm bảo quyền lợi người lao động.
- Phòng tài chính – kế toán: Chịu trách nhiệm về việc quản lý các mặt kế toán tài chính của công ty. Giám sát và phát hiện kịp thời việc thực hiện chế độ chính sách ở công ty.
- Phòng bảo vệ: Có nhiệm vụ đảm bảo an ninh cho tài sản và hàng hóa của cty
- Công trình: Có nhiệm vụ thi công công trình theo đúng hợp đồng đã ký.
- Đội xe: Vận chuyển hàng hóa theo sự điều động của công ty.

1.2.5 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của Cty CP XL & KDDV Hải Phòng

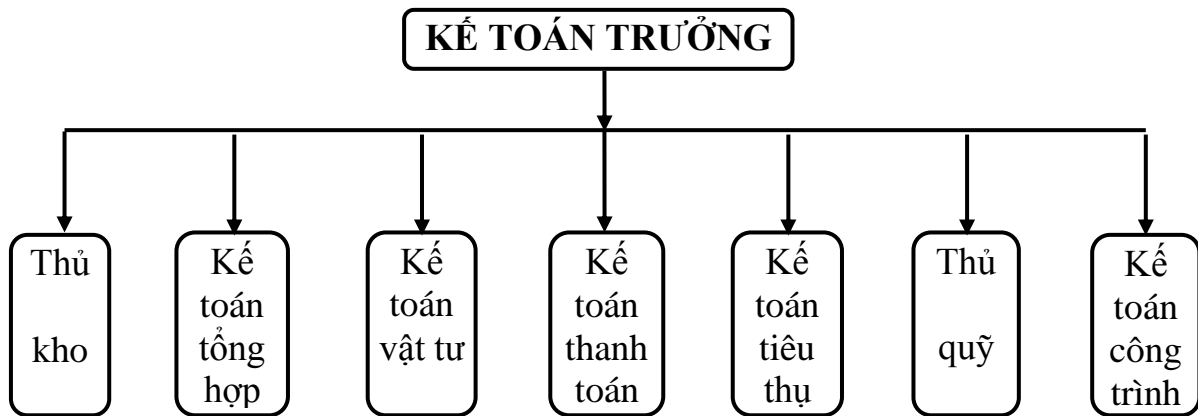
Công ty cổ phần xây lắp & kinh doanh dịch vụ Hải Phòng là đơn vị có quy mô vừa, có địa bàn hoạt động khá rộng vì vậy công ty đã áp dụng hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung.

Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung tạo điều kiện để sự kiểm tra, chỉ đạo, lãnh đạo của kế toán trưởng cũng như lãnh đạo công ty được tập trung cao nhất và kịp thời nhất với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, hình thức này còn thuận tiện trong việc phân công và chuyên môn hóa đối với cán bộ kế toán, trong việc trang bị các phương tiện kỹ thuật tính toán, xử lý thông tin.

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, đồng thời căn cứ vào đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, bộ máy kế toán ở công ty gồm có 7 thành viên với trình độ chuyên môn được đào tạo một cách chuyên nghiệp, bộ máy kế toán được tổ chức như sau:

(Trang bên)

Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán tại CT CP XL & KDDV Hải Phòng



- Kế toán trưởng: Có nhiệm vụ quản lý và chịu trách nhiệm cao nhất về công tác kế toán ở công ty, tham mưu tình hình tài chính cho giám đốc. Định kỳ, dựa trên các thông tin từ các nhân viên trong phòng đối chiếu sổ sách để lập báo cáo phục vụ cho giám đốc và các đối tượng có nhu cầu sử dụng thông tin tài chính của doanh nghiệp.

- Kế toán tổng hợp: Trực tiếp chỉ đạo tổng hợp việc xử lý thông tin đối với kế toán viên khác.

- Kế toán vật tư: Có nhiệm vụ hàng ngày, hàng tháng cập nhập số liệu vào các hóa đơn, chứng từ liên quan đến nhập xuất nguyên vật liệu, các công cụ dụng cụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

- Kế toán thanh toán: Phụ trách việc ghi chép, kiểm tra các nghiệp vụ liên quan đến thanh toán.

- Kế toán tiêu thụ: Quản lý công tác nhập, xuất, tồn hàng hóa, ghi chép các chứng từ liên quan đến quá trình tiêu thụ.

- Thủ quỹ: Quản lý, thực hiện các khoản thu chi theo quy định của công ty.

- Thủ kho: Theo dõi quá trình nhập, xuất, tồn hàng hóa.

- Kế toán công trình: Trực tiếp đi theo công trình để phản ánh theo dõi kịp thời các nghiệp vụ phát sinh ở công trình. cuối kỳ đưa chứng từ công trình về công ty để tiến hành thanh quyết toán.

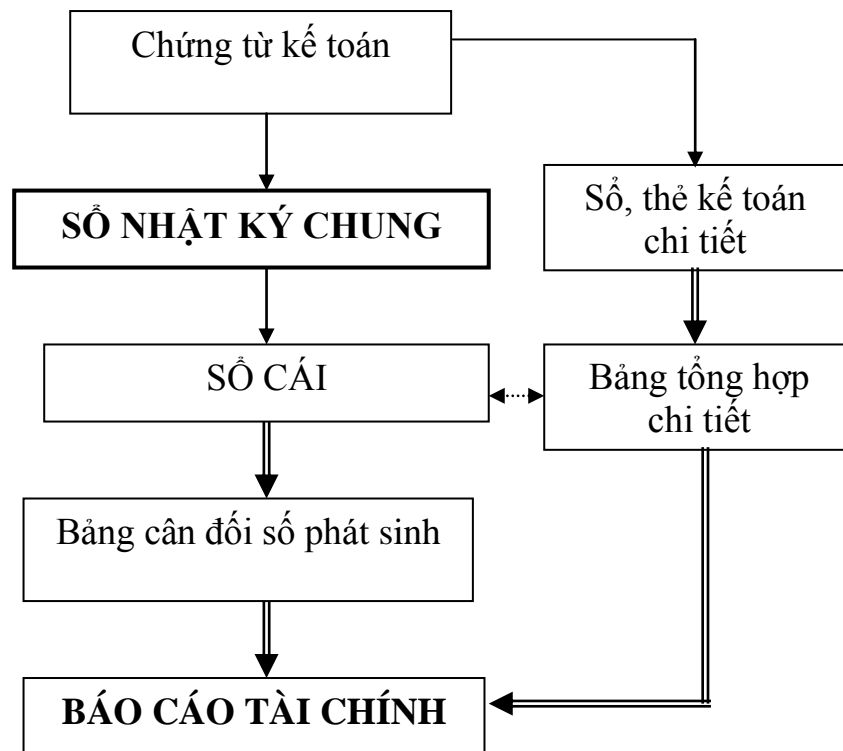
2.1.6 Công tác kế toán và hình thức ghi sổ tại Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng

* Chế độ kế toán: Công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định 15/2006 – QĐBTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- * Kỳ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc 31/12 hàng năm.
- * Phương pháp hạch toán chi tiết hàng tồn kho: Công ty sử dụng phương pháp hạch toán kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- * Kế toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp thẻ song song.
- * Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: Do đặc điểm kinh doanh của công ty là bán thép xây dựng nên ít chủng loại, là các mặt hàng có thể nhận diện được nên công ty sử dụng phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho theo đơn giá thực tế đích danh.
- * Phương pháp khấu hao TSCĐ: Do đặc thù ngành nghề kinh doanh ổn định nên công ty tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.

Công ty xây lắp & KDDV Hải Phòng – CIPC sử dụng hình thức kế toán “**Nhật ký chung**”, trình tự ghi chép theo hình thức Nhật ký chung được khái quát trên sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung tại Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải được tập trung phản ánh vào sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung:

(1) Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đồng thời ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết các liên quan.

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ thẻ, sổ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

2.2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP & KDDV HẢI PHÒNG

2.2.1 Kế toán doanh thu

2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

*** Nội dung**

Doanh thu chủ yếu của Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng là từ việc kinh doanh thép gồm thép chính phẩm và thép phế. Thép chính phẩm gồm thép cây xoắn, thép cuộn, thép cây tròn tròn,.. Thép phế gồm phôi vụn, thép vụn, thép rời...

Còn hoạt động xây lắp của công ty năm nay không có công trình nên không có doanh thu xây lắp.

Phương pháp bán hàng: Do đặc thù kinh doanh của công ty là thép chính phẩm phục vụ cho các công trình tái luyện thép mà khách hàng là các công ty, các tổ chức nên công ty chỉ áp dụng hai phương thức bán hàng là tiêu thụ trực tiếp đối với cả thép chính phẩm lẫn thép phế phẩm và phương thức tiêu thụ gửi bán qua đại lý đối với thép chính phẩm

Phương thức thanh toán: trả tiền ngay, bán chịu

- Phương thức trả tiền ngay: Thời hạn thanh toán mà công ty áp dụng là trả tiền ngay đối với những khách hàng không thường xuyên và có thể trả dần trong vòng từ 30 đến 45 ngày tùy theo lượng hàng bán, nếu quá hạn công ty sẽ tính % theo quy định của hợp đồng.

+ Thanh toán bằng tiền mặt: Khi khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, kế toán viết Phiếu thu, phiếu thu viết làm 3 liên, đặt giấy than viết 1 lần, liên 1 để lưu gốc, liên 2 xé cho thủ quỹ để ghi sổ, liên 3 xé cho người nộp.

+ Thanh toán qua ngân hàng: Khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán nhận được giấy báo có kèm theo Sổ phụ của ngân hàng và tiến hành ghi nhận doanh thu, đồng thời ghi nhận giá vốn tương ứng.

- Phương thức bán chịu: được áp dụng với khách hàng lớn và truyền thống. Trong những giai đoạn khó khăn, phải cạnh tranh với các đối thủ thì phạm vi này được mở rộng hơn, nhưng đây là biện pháp tình thế và tiềm ẩn nhiều rủi ro nên công ty nên mở sổ theo dõi chi tiết công nợ để theo dõi chi tiết công nợ nhằm quản lý công nợ phải thu.

*** Tài khoản sử dụng**

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Do yêu cầu quản lý Công ty đã mở tài khoản cấp hai của TK 511 gồm:

TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5113: Doanh thu xây lắp (năm 2010 công ty không phát sinh doanh thu từ hoạt động xây lắp).

Và mở chi tiết cho tài khoản 5111 theo sản phẩm như sau:

- TK 5111THEP: Doanh thu bán hàng của thép chính phẩm

- TK 5111PHE: Doanh thu bán hàng của thép phế

- TK 111: Tiền mặt

- TK 112: Tiền gửi ngân hàng

- TK 131: Phải thu khách hàng

- TK 3331: Thuế giá trị gia tăng phải nộp

*** Chứng từ sử dụng**

- Hoá đơn GTGT

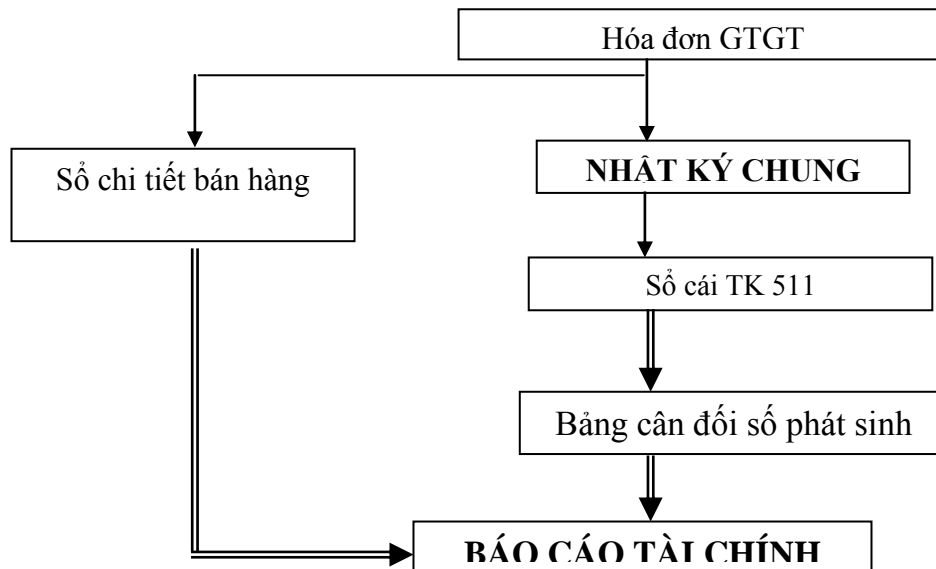
- Phiếu thu

- Một số chứng từ khác có liên quan

*** Sổ sách kế toán**

- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết bán hàng
- Sổ cái TK 511, TK 111, TK 112, TK 131.

Sơ đồ 2.4 : Quy trình kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng



Ghi chú:

Ghi theo ngày —————→

Ghi theo tháng ══════════→

Sau đây là những ví dụ về thực trạng kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng.

Ví dụ 1: Phương thức bán hàng trực tiếp

Ngày 12/10/2010 xuất kho hàng thép theo phiếu xuất kho số 100/10 bán cho Cty TNHH Đức Hiếu với khối lượng và đơn giá bán (chưa GTGT 5%) như sau:

- Thép cây D22 9m: 20.987 kg × 16.840 đ/kg
- Thép cuộn: 5.780 kg × 15.860 đ/kg
- Thép phế rời: 14.970 kg × 10.400 đ/kg

Khách hàng thanh toán trước 30.000.000đ.

Khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, kế toán viết Hóa đơn GTGT số 0031488 đặt giấy than viết 1 lần: *liên 1* (màu tím): lưu gốc, *liên 2* (màu đỏ): giao KH, *liên 3* (màu xanh): lưu chuyển trong doanh nghiệp (Biểu số 2.1).

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT-3LL													
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		GY/2010B													
Liên 3: Nội bộ		0031488													
Ngày 12 tháng 10 năm 2010															
Đơn vị bán hàng: Công ty CP xây lắp & KDDV Hải Phòng - CIPC															
Địa chỉ: Km 9 - Quán Toan - Hồng Bàng - Hải Phòng.....															
Số tài khoản:.....															
Điện thoại:..... MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">4</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>			0	2	0	0	8	3	6	4	5	8			
0	2	0	0	8	3	6	4	5	8						
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Tuấn Vinh															
Tên đơn vị: Công ty TNHH Đức Hiếu.....															
Địa chỉ: 292 Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng.....															
Số tài khoản:.....															
Hình thức thanh toán: TM/CK..... MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">9</td><td style="width: 20px; text-align: center;">9</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>			0	2	0	0	1	2	9	9	7	8			
0	2	0	0	1	2	9	9	7	8						
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền										
A	B	C	1	2	3=1x2										
1	Thép cây D22 9m	kg	20.987	16.840	353.421.080										
2	Thép cuộn	kg	5.780	15.860	91.670.800										
3	Thép phế rời	kg	14.970	10.400	155.688.000										
Cộng tiền hàng:					600.779.000										
Thuế suất GTGT: 5%					Tiền thuế GTGT: 30.038.994										
Tổng cộng tiền thanh toán:					630.818.874										
Số tiền viết bằng chữ: <i>Sáu trăm ba mươi triệu tám trăm mười tám nghìn tám trăm bảy mươi bốn đồng chẵn.</i> /.....															
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)											
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>															

Khi nhận được tiền khách hàng thanh toán trước, kế toán viết Phiếu thu số 097/10 (Biểu số 2.2).

Biểu số 2.2: Phiếu thu

Đơn vị: Cty CPXL&KDDV Hải
Phòng
Km 9, Quán Toan, Hồng Bàng,
Hải Phòng

PHIẾU THU

Ngày 12 tháng 10 năm 2010

Quyển số:
Số:PT097/10
NỢ: 1111
CÓ: 131

Mẫu số 01-TT
Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng
BTC

Họ, tên người nộp tiền: **Phạm Nguyễn Quang Minh**.....
Địa chỉ: Công ty TNHH Đức Hiếu.....
Lý do nộp: Thu tiền bán hàng HĐ số 0031488.....
Số tiền: **30.000.000** (Viết bằng chữ): *Ba mươi triệu đồng chẵn*./.
Kèm theo: 01.....chứng từ gốc.....

Ngày 12 tháng 10 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập Người nộp Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):
+ Số tiền quy đổi:

Từ Hóa đơn và Phiếu thu trên kế toán vào Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.3).

Biểu số 2.3: Trích sổ Nhật ký chung năm 2010

Đơn vị: CÔNG TY CP XL & KDDV HP - CIPC
Địa chỉ: Quán Toan - Hồng Bàng - Hải Phòng

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010 (Trích)

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH KĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang			

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH KĐU'	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
01/10	PC001/10	01/10	Trả Công ty VPS tiền hàng (25/9)	331 1111	60.000.000	60.000.000
..
02/10	PT001/10	02/10	Cty CP thép Thử Liệu trả tiền hàng (27/9)	1111 131	98.144.905	98.144.905
02/10	PX001/10	02/10	GVHB phối vụn cho nhà máy luyện thép Luru Xá - TN	632 1561	225.170.000	225.170.000
02/10	0031475	02/10	DTBH lô phối vụn cho NM LT Luru Xá - TN Thuế GTGT phải nộp	131 5111 3331	236.428.500	225.170.000 11.258.500
02/10	PC009/10	02/10	CP vận chuyển lô phế TN Thuế GTGT được khấu trừ	641 1331 1111	5.000.000 500.000	5.500.000
..
03/10	PN001/10	03/10	Mua phối vụn Cty VPS nhập kho	1561 1331 331	57.864.000 2.893.200	60.757.200
03/10	PX002/10	03/10	GVHB phối vụn cho Cty CP thép Thử Liệu	632 1561	248.026.000	248.026.000
03/10	31476	03/10	DTBH phối vụn cho Cty CP thép Thử Liệu	131 5111 3331	260.427.300	248.026.000 12.401.300
..
04/10	PN039/10	04/10	Nhập kho phối vụn Cty thép Việt Úc	1561 1331 331	257.369.540 12.868.477	270.238.017
04/10	PX048/10	04/10	XK thép cây, thép cuộn gửi bán đại lý Hoàng Phát	157 1561 1561	724.200.000	413.000.000 311.200.000
..
05/10	PC057/10	05/10	Thanh toán tiền điện T9	642 1331 1111	3.538.248 353.825	3.892.072
05/10	GBC001/10-HH	05/10	Cty TNHH Đức Hiệu trả tiền lô 25/9 bằng TGNH	1121 131	179.205.000	179.205.000
..
08/10	PX082/10	08/10	XK thép cây gửi đại lý Phú Đạt	157 1561	360.714.000	360.714.000
..
10/10	PT089/10	10/10	Rút TGNH BIDV về nhập quỹ	1111 1121	500.000.000	500.000.000
10/10	084/TS CĐ	10/10	Trích KHTSCĐ (Ô tô Toyota)	642 2141	1.720.733	1.720.733
..

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH KĐU	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
12/10	PX100/10	12/10	GVHB cho Cty TNHH Đức Hiếu	632 632 632 1561 1561 1561	346.705.240 89.936.800 152.694.000	346.705.240 89.936.800 152.694.000
12/10	31488	12/10	DTBH thép cho Cty TNHH Đức Hiếu Thuế GTGT phải nộp	131 5111 5111 5111 3331	630.818.874	353.421.080 91.670.800 155.688.000 30.038.994
12/10	PT097/10	12/10	Cty TNHH Đức Hiếu trả tiền hàng (12/10)	1111 131	30.000.000	30.000.000
12/10	31489	12/10	GVHB cho Cty TNHH Nguyễn Đức Phát	632 632 1561 1561	54.542.920 176.110.620	54.542.920 176.110.620
12/10	GBC067/10-HH	12/10	DTBH cho Cty TNHH Nguyễn Đức Phát thu TNGH Thuế GTGT phải nộp	1121 5111 5111 3331	259.558.278	56.278.680 190.919.680 12.359.918
..
15/10	GBC072/10-HH	15/10	Đại lý Phú Đạt trả tiền hàng bán đại lý (28/9) bằng TGNH	1121 131	347.568.000	347.568.000
15/10	PX103/10	15/10	GVHB cho Cty TNHH Nguyễn Đức Phát	632 1561	40.800.000	40.800.000
15/10	HĐ31491	15/10	DTBH cho Cty TNHH Nguyễn Đức Phát thu TM. Thuế GTGT phải nộp	1111 5111 3331	42.840.000	40.800.000 2.040.000
..
21/10	GBC136/10-BIDV	21/10	Lãi tiền gửi NH BIDV T10	1121 515	404.352	404.352
21/10	GBC077/10-HH	21/10	Lãi tiền gửi NH CPTM Hàng Hải T10	1121 515	167.437	167.437
21/10	PC150/10	21/10	Thanh toán tiền điện thoại cố định phục vụ BH	641 1331 111	2.320.000 232.000	2.552.000
..
22/10	HĐ31515	22/10	DT HGB đại lý Phú Đạt (8/10)	131 5111 3331	216.016.000	205.730.000 10.286.000
22/10	PX082/10	22/10	GV HGB đại lý Phú Đạt (8/10)	632 157	199.526.000	199.526.000
..

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH KĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
23/10	PN225/10	23/10	Nhập kho thép cuộn Cty kết cấu thép SSE	1561 133 331	315.462.720 15.773.136	331.235.856
23/10	GBC172/10-BIDV	23/10	Cty TNHH Đức Hiếu trả tiền hàng (12/10) bằng TGNH	1121 131	600.818.874	600.818.874
..
25/10	PX048/10	25/10	GV HGB đại lý Hoàng Phát (4/10)	632 632 157	288.274.000 176.917.200	465.191.200
25/10	31517	25/10	DT HGB đại lý Hoàng Phát (4/10)	131 5111 5111 3331	500.921.610	295.603.000 181.465.200 23.853.410
..
26/10	GBN183/10-BIDV	26/10	Trả lãi tiền gửi NH BIDV T10	635 1111	6.520.373	6.520.373
26/10	GBN191/10-HH	26/10	Trả lãi tiền gửi NH Hàng Hải T10	635 1111	2.194.000	2.194.000
..
27/10	PC169/10	27/10	Thanh toán tiền mua Dầu DO	641 1331 1111	1.385.500 138.550	1.524.050
..
31/10	PT298/10	31/10	Đại lý Hoàng Phát thanh toán tiền hàng (25/10) bằng TM	1111 131	500.921.610	500.921.610
31/10	PC288/10	31/10	Thanh toán tiền hoa hồng cho đại lý Hoàng Phát	641 133 1111	2.003.686 200.369	2.204.055
31/10	GBC238/10-HH	31/10	Đại lý Phú Đạt trả tiền hàng (8/10) bằng TGNH	1121 131	216.016.500	216.016.500
31/10	PC296/10	31/10	Thanh toán tiền hoa hồng cho đại lý Phú Đạt	641 1331 1111	1.864.066 186.407	2.050.473
31/10	PT299/10	31/10	Thu tiền bán phế phẩm	1111 711	431.400	431.400
31/10	PC289/10	31/10	Phí vận chuyển phế phẩm đi bán	811 1111	55.000	55.000
..
31/10	PKT01/10	31/10	K/c DTBH T10	5111 911	474.191.837	474.191.837
31/10	PKT01/10	31/10	K/c DT HĐTC T10	515 911	503.406	503.406
31/10	PKT01/10	31/10	K/c thu nhập khác T10	711 911	381.780	381.780

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH KĐU'	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
31/10	PKT02/10	31/10	K/c GVHB T10	911 632	358.844.361	358.844.361
31/10	PKT02/10	31/10	K/c CPBH T10	911 641	30.416.808	30.416.808
31/10	PKT02/10	31/10	K/c CPQLDN T10	911 642	20.468.167	20.468.167
31/10	PKT02/10	31/10	K/c CP HĐTC T10	911 635	8.714.373	8.714.373
31/10	PKT02/10	31/10	K/c chi phí khác T10	911 811	878.012	878.012
31/10	PKT03/10	31/10	K/c chi phí thuế TNDN T10	911 8211	13.938.826	13.938.826
31/10	PKT04/10	31/10	K/c lợi nhuận chưa phân phối T10	911 421	41.816.476	41.816.476
.....
31/12	PKT05/12	31/12	Phân bổ lợi nhuận vào Nguồn vốn kinh doanh	421 411	401.438.167	401.438.167
31/12	PKT05/12	31/12	Phân bổ lợi nhuận vào Quỹ đầu tư phát triển	421 414	100.359.542	100.359.542
			Tổng phát sinh trong năm		30.786.168.800	30.786.168.800

- Sổ này có trang, đánh số từ trang 01 đến trang

- Ngày mở sổ 01/01/2010

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

NGƯỜI GHI SỔ

(ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC

(ký, họ tên, đóng dấu)

Đồng thời với việc vào Sổ nhật ký chung, kế toán vào Sổ chi tiết bán hàng thép chính phẩm (Biểu số 2.4), Sổ chi tiết bán hàng thép phế (Biểu số 2.5). Với nghiệp vụ bán hàng thu tiền ngay, kế toán tiến hành vào Sổ quỹ tiền mặt (Biểu số 2.6) hoặc Sổ quỹ tiền gửi, Sổ chi tiết thanh toán với người mua đối với nghiệp vụ bán chịu.

Kế toán mở Sổ chi tiết doanh thu đối với 2 loại thép chính phẩm và thép phế để theo dõi chi tiết doanh thu. Ngoài ra, kế toán mở Sổ quỹ tiền mặt, tiền gửi, Sổ chi tiết thanh toán với người mua. Các sổ chi tiết này được mở một lần dùng cho cả năm.

Biểu số 2.4: Trích Sổ chi tiết bán hàng thép chính phẩm năm 2010

Đơn vị: CÔNG TY CP XL & KDDV HP - CIPC

Địa chỉ: Quán Toan - Hồng Bàng - Hải Phòng

Mẫu số S35 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Năm 2010

Tên hàng hóa: **Thép chính phẩm**

Mã MH: 5111 THEP

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Thuế GTGT	Tổng cộng
	Số hiệu	Ngày			Số lượng (kg)	Đ.Giá (đ/kg)	Thành tiền (đ)		
..
12/10	31488	12/10	Cty TNHH Đức Hiếu						
			Thép cây D22 9m	131	20.987	16.840	353.421.080	17.671.054	371.092.134
			Thép cuộn	131	5.780	15.860	91.670.800	4.583.540	96.254.340
12/10	31489	12/10	Cty TNHH Nguyễn Đức Phát						
			Thép Φ 6	1121	3.338	16.860	56.278.680	2.813.934	59.092.614
			Thép Φ 10	1121	10.654	17.020	181.331.080	9.066.554	190.397.634
13/10	31490	13/10	Cty CP TM Hải Hà						
			Thép Φ 6	1121	3.590	16.860	60.527.400	3.026.370	63.553.770
			Thép Φ 10	1121	2.346	17.020	39.928.920	1.996.446	41.925.366
			Thép Φ 18	1121	2.878	17.230	49.587.940	2.479.397	52.067.337

Sinh viên : **Nguyễn Thạch Lam – Lớp QT1105K**

15/10	31491	15/10	Cty TNHH Nguyễn Đức Phát						
			Thép hình	1111	2.670	15.280	40.800.000	2.040.000	42.840.000
15/10	31492	15/10	Cty CP TM Hải Hà						
			Thép Φ 18	1111	1.347	17.230	23.212.963	1.160.648	24.373.611
..
23/10	31516	23/10	Cty TNHH Đức Hiếu						
			Thép hình	131	40.876	15.280	624.585.280	31.229.264	655.814.544
			Thép cây D22 9m	131	2.764	16.840	46.545.760	2.327.288	48.873.048
			Thép cuộn	131	2.646	15.860	41.965.560	2.098.278	44.063.838
			Thép Φ 18	131	28.723	17.230	494.897.290	24.744.865	519.642.155
25/10	31517	25/10	Đại lý thép Hoàng Phát						
			Thép cây D22 9m	131	17.450	16.940	295.603.000	14.780.150	310.383.150
			Thép cuộn	131	11.370	15.960	181.465.200	9.073.260	190.538.460
..
..
Cộng phát sinh							3.651.020.966	182.551.048	3.833.572.014
Doanh thu thuần									3.651.020.966
Giá vốn									2.755.924.695
Lãi gộp									895.096.271

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

NGƯỜI GHI SỔ

(ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.5: Trích Sổ chi tiết bán hàng thép phế năm 2010

Đơn vị: CÔNG TY CP XL & KDDV HP - CIPC

Mẫu số S35 - DN

Địa chỉ: Quán Toan - Hồng Bàng - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Năm 2010

Tên hàng hóa: **Thép phế**

Mã MH: **5111 PHE**

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKDU'	Doanh thu			Thuế GTGT	Tổng cộng
	SH	Ngày			SL (kg)	ĐG (đ/kg)	Thành tiền (đ)		
2/10	31475	2/10	NM luyện thép Lưu Xá Thái Nguyên						
			Phôi vụn	131	20.930	10.758	225.170.000	11.258.500	236.428.500
3/10	31476	3/10	Cty CP thép Thứ Liêu						
			Phôi vụn	131	23.055	10.758	248.026.000	12.401.300	260.427.300
..
12/10	31488	12/10	Cty TNHH Đức Hiếu						
			Thép phế rời	131	14.970	10.400	155.688.000	7.784.400	163.472.400
..
24/10	31500	24/10	Cty CP thép Thứ Liêu						
			Thép phế rời	131	42.393	10.400	440.887.200	22.044.360	462.931.560
			Phôi vụn	131	20.934	10.758	225.207.972	11.260.399	236.468.371
..
Cộng phát sinh							2.039.281.074	101.964.054	2.141.245.128
Doanh thu thuần									2.039.281.074
Giá vốn									1.550.207.641
Lãi gộp									489.073.433

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Sinh viên : **Nguyễn Thạch Lam – Lớp QT1105K**

Biểu số 2.6: Trích Sổ quỹ tiền mặt năm 2010

Đơn vị: CÔNG TY CP XL & KDDV HẢI PHÒNG
Địa chỉ: Quán Toan - Hồng Bàng - Hải Phòng

SỔ QUỸ TIỀN MẶT
Năm 2010

Mẫu số S07-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Ngày, tháng ghi sổ	Ngày, tháng CT	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Số tiền		
		Thu	Chi		THU	CHI	TÒN
				Số dư đầu năm			321.150.000
01/10	01/10		PC001/10	Trả công ty VPS tiền hàng		60.000.000	174.200.000
02/10	02/10	PT001/10		Cty CP thép Thử liệu trả tiền hàng	98.144.905		172.344.906
09/10	09/10		PC081/10	Cty CP thép Thử liệu trả tiền lô hàng 03/10	260.427.300		166.544.400
10/10	10/10	PT089/10		Rút TGNH BIDV về nhập quỹ	500.000.000		666.544.400
12/10	12/10	PT097/10		Cty TNHH Đức Hiếu trả tiền hàng (12/10)	30.000.000		266.464.407
31/10	31/10	PT298/10		Đại lý Hoàng Phát thanh toán tiền hàng (25/10)	500.921.610		766.464.348
				Cộng	3.748.933.044	3.618.454.657	451.628.387
				Số dư cuối năm			451.628.387

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

NGƯỜI LẬP
(ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(ký, họ tên)

Sau đó, căn cứ vào số liệu trên Sổ nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK 5111 (Biểu số 2.7).

Cuối tháng, cuối năm kết chuyển sang bên Nợ TK 911.

Cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái lập Bảng cân đối số phát sinh và lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.7: Trích Sổ cái TK 5111 năm 2010

Đơn vị: CÔNG TY CP XL & KDDV HP - CIPC

Mẫu số S03b - DN

Địa chỉ: Quán Toan - Hồng Bàng - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên TK: Doanh thu bán hàng

Số hiệu: 5111

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm - Số phát sinh trong năm			
..
02/10	31475	02/10	DT bán lô phôi vụn cho NM LT Lưu Xá - TN	131		225.170.000
03/10	31476	03/10	DT bán phế vụn cho Cty CP thép Thứ Liệu	131		248.026.000
..
12/10	31488	12/10	DT hàng bán cho Cty TNHH Đức Hiếu	131		630.818.874
..
15/10	31491	15/10	DT bán lô thép hình cho cty TNHH Nguyễn Đức Phát	1111		40.800.000
15/10	31492	15/10	DT bán thép Φ 18 cho cty CP TM & ĐT Hải Hà thu TM.	1111		23.212.963
..
25/10	31517	25/10	DT bán hàng gửi Đại lý thép Hoàng Phát (4/10)	131		477.068.200
..
31/10	PKT01/10	31/10	K/c DTBH T10	911	474.191.837	
			- Cộng số phát sinh năm - Số dư cuối năm - Cộng lũy kế từ đầu quý		5.690.302.040	5.690.302.040

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

NGƯỜI GHI SỔ

(ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC

(ký, họ tên, đóng dấu)

Ví dụ 2: Phương thức tiêu thụ qua đại lý

Ngày 04/10/2010 xuất kho 2 loại thép chính phẩm gửi đại lý thép Hoàng Phát theo phiếu xuất kho số 048/10.

Ngày 25/10/2010 đại lý thép Hoàng Phát gửi Thông báo bán được hàng theo giá công ty quy định với số lượng như sau (Biểu số 2.8):

- Thép cây D22 9m: 17.450kg × 16.940 đ/kg
- Thép cuộn: 11.370kg × 15.960 đ/kg

Thuế GTGT 5% theo giá bán. Hoa hồng đại lý được hưởng 0,4% trên tổng giá thanh toán. Ngày 31/10/2010 bên đại lý đã thanh toán đủ số tiền hàng theo Bảng thanh toán hàng đại lý ký gửi số 107 bằng tiền mặt.

Biểu số 2.8: Thông báo bán được hàng

Đơn vị: Đại lý thép Hoàng Phát

Địa chỉ: Kiến An - Hải Phòng

THÔNG BÁO BÁN ĐƯỢC HÀNG

Kính gửi: Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng

Địa chỉ: km 9 - Quán Toan - Hồng Bàng - Hải Phòng.

Đại lý thép Hoàng Phát xin thông báo, chúng tôi đã bán được một phần lô hàng mà quý công ty đã gửi bán. Bảng kê số thép đã bán lô hàng ký gửi ngày 04/10/2010.

S T T	Loại sản phẩm	Đv tính	SL đã bán	ĐG bán	Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Tổng cộng
1	Thép cây D22 9m	kg	17.450	16.940	295.603.000	14.780.150	310.383.150
2	Thép cuộn	kg	11.370	15.960	181.465.200	9.073.260	190.538.460
	Cộng		28.820		477.068.200	23.853.410	500.921.610

Tổng số tiền phải thanh toán trong đợt bán này: **500.921.610 đ**

Bằng chữ: *Năm trăm triệu chín trăm hai mươi một nghìn sáu trăm mười đồng chẵn./.*

Chúng tôi sẽ thanh toán số tiền trên vào ngày 31/10/2010

Ngày 25 tháng 10 năm 2010

ĐẠI DIỆN ĐẠI LÝ

(ký, họ tên)

Căn cứ vào Thông báo bán được hàng của Đại lý thép Hoàng Phát kế toán lập Hóa đơn GTGT số 0031517 (Biểu số 2.9).

Biểu số 2.9: Hóa đơn GTGT

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT-3LL														
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			GY/2010B														
Liên 3: Nội bộ			0031517														
Ngày 25 tháng 10 năm 2010																	
Đơn vị bán hàng: Công ty CP xây lắp & KDDV Hải Phòng - CIPC																	
Địa chỉ: Km 9 - Quán Toan - Hồng Bàng - Hải Phòng.....																	
Số tài khoản:.....																	
Điện thoại:..... MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">4</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td></tr></table>						0	2	0	0	8	3	6	4	5	8		
0	2	0	0	8	3	6	4	5	8								
Họ tên người mua hàng: Trần Trọng Việt																	
Tên đơn vị: Công ty Cp xây dựng Nam Sơn.....																	
Địa chỉ: 18 Lê Chân - Hải Phòng.....																	
Số tài khoản:.....																	
Hình thức thanh toán: TM/CK..... MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td><td style="width: 20px; height: 20px;"></td></tr></table>						0	2	0	0	7	2	1	8	3	3		
0	2	0	0	7	2	1	8	3	3								
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền												
A	B	C	1	2	3=1x2												
1	Thép cây D22 9m	kg	17.450	16.940	295.603.000												
2	Thép cuộn	kg	11.370	15.960	181.465.200												
Cộng tiền hàng:					477.068.200												
Thuế suất GTGT: 5%					Tiền thuế GTGT: 23.853.410												
Tổng cộng tiền thanh toán:					500.921.610												
Số tiền viết bằng chữ: <i>Năm trăm triệu chín trăm hai mươi một nghìn sáu trăm mười đồng chẵn.</i> /.....																	
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)													
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>																	

Từ Hóa đơn GTGT, kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.3), từ đó vào Sổ cái TK 5111 (Biểu số 2.7). Đồng thời với việc vào Sổ nhật ký chung, kế toán ghi Sổ chi tiết doanh thu thép chính phẩm (Biểu số 2.4).

Cuối tháng, cuối năm kết chuyển sang bên Nợ TK 911.

Cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái lập Bảng cân đối số phát sinh và lập Báo cáo tài chính.

*** Các khoản giảm trừ doanh thu**

Hiện nay công ty không có các khoản giảm trừ doanh thu, do: Công ty không có chính sách chiết khấu thương mại, giảm giá cho khách hàng, sản phẩm của công ty không thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, sản phẩm của công ty chỉ được tiêu thụ trong nước nên không chịu thuế xuất khẩu. Công ty thực hiện chính sách bán hàng trực tiếp tại kho, trường hợp đổi hàng thì sẽ có nhân viên của bên nhận đổi hàng nhận hàng tại kho của doanh nghiệp nên công ty không có hàng bán bị trả lại.

2.2.1.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

*** Nội dung:** Doanh thu hoạt động tài chính của công ty phát sinh chủ yếu do các khoản lãi nhận từ ngân hàng.

*** Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính

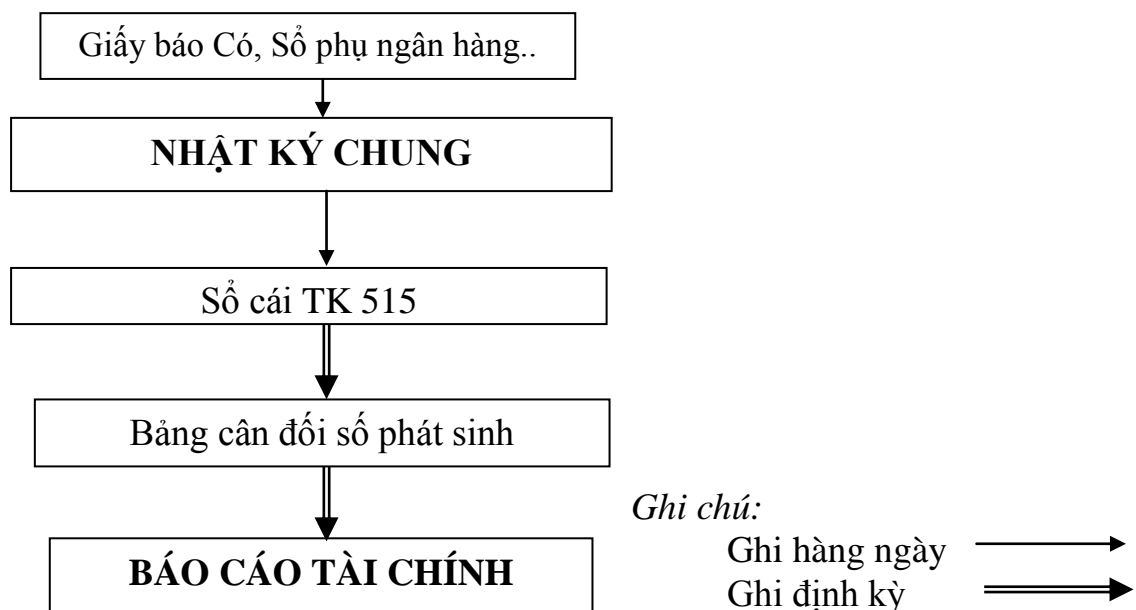
*** Chứng từ sử dụng**

- Giấy báo có của ngân hàng, Sổ phụ ngân hàng
- Phiếu thu
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Sổ sách kế toán**


- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 515 và một số TK có liên quan

Sơ đồ 2.5: Quy trình kế toán DT HĐTC tại CT CP XL & KDDV Hải Phòng



Ví dụ 3: Ngày 21/10/2010, công ty nhận được Giấy báo Có của Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Hải Phòng (BIDV) (Biểu số 2.10) kèm theo Sổ phụ (Biểu số 2.11) về lãi tiền gửi được hưởng tháng 10/2010, số tiền: 404.352 đ.

Biểu số 2.10: Giấy báo Có

 BIDV	GIẤY BÁO CÓ	Ngày: 21/10/2010 10:13:34									
SỐ TÀI KHOẢN : 22010000201888 TÊN TÀI KHOẢN : CTY CP XÂY LẬP & KDDV HẢI PHÒNG Kính gửi: CTY CP XÂY LẬP & KDDV HẢI PHÒNG											
Ngân Hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo : Tài khoản của Quý khách hàng đã được ghi CÓ với nội dung sau:											
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="text-align: center;">NGÀY HIỆU LỰC</th> <th style="text-align: center;">SỐ TIỀN</th> <th style="text-align: center;">LOẠI TIỀN</th> <th style="text-align: center;">DIỄN GIẢI</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">21/10/2010 10:13:34</td> <td style="text-align: center;">404.352,00</td> <td style="text-align: center;">VND</td> <td style="text-align: center;">LAI NHAP GOC</td> </tr> </tbody> </table>	NGÀY HIỆU LỰC	SỐ TIỀN	LOẠI TIỀN	DIỄN GIẢI	21/10/2010 10:13:34	404.352,00	VND	LAI NHAP GOC			
NGÀY HIỆU LỰC	SỐ TIỀN	LOẠI TIỀN	DIỄN GIẢI								
21/10/2010 10:13:34	404.352,00	VND	LAI NHAP GOC								
Giao dịch viên		Kiểm soát									

Biểu số 2.11: Sổ phụ ngân hàng

**NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
VIỆT NAM – CN HẢI PHÒNG
BIDV**

Số: 136

SỔ PHỤ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI

Ngày 21/10/2010

Số TK/ Account No: 22010000201888

Loại hình tiền gửi/ Account Type: VDNTN0 – TK TIEN GUI THANH TOAN TO CHUC VN

Đơn vị tiền tệ/ Curreny : VND

Tên khách hàng/ Customer name: CTY CP XÂY LẬP & KDDV HẢI PHÒNG

Số dư đầu ngày/openning balance: 250.698.127,00

Ngày GD	Ngày HL	Số Giao Dịch	Số sec	Diễn Giải	Rút	Gửi	Số Dư
21/10/2010	21/10/2010	600ZTR F100WL		Lãi nhập gốc		404.352,00	251.102.479,00
				Tổng phát sinh		404.352,00	251.102.479,00

Cộng phát sinh trong ngày/ Total amount : 404.352,00

Số dư cuối ngày/ Closing balance: 251.102.479,00

Người lập/Accountant Kiểm soát viên/ Supervisor Giám đốc/Director

Từ Giấy báo Có của ngân hàng kế toán vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.3).
Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung, kế toán vào Sổ cái TK 515 (Biểu số 2.12) và các tài khoản khác có liên quan (TK 111, 112...).

Cuối tháng kết chuyển sang bên Nợ TK 911. Cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái lập Bảng cân đối số phát sinh và lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.12: Trích Sổ cái TK 515 năm 2010

Đơn vị: CÔNG TY CP XL & KDDV HP - CIPC

Mẫu số S03b – DN

Địa chỉ: Quán Toan - Hồng Bàng - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm			
			- Số PS trong năm			
..
..
..
21/10	GBC136/1 0-BIDV	21/10	Lãi tiền gửi NH BIDV T10	1121		404.352
21/10	GBC077/1 0-HH	21/10	Lãi tiền gửi NH CPTM Hàng Hải T10	1121		99.054
31/10	PKT01/1 0	31/10	K/c DT HĐTC T10	911	503.406	
21/11	GBC341/1 1-BIDV	21/11	Lãi tiền gửi NH BIDV T11	1121		424.242
21/11	GBC574/1 1-HH	21/11	Lãi tiền gửi NH CPTM Hàng Hải T11	1121		135.801
30/11	PKT01/11	30/11	K/c DT HĐTC T11	911	560.043	
..
			- Cộng số PS năm		6.040.870	6.040.870
			- Số dư cuối năm			
			- Cộng lũy kế từ đầu quý			

- Sổ này có trang, đánh số từ trang 01 đến trang

- Ngày mở sổ 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGƯỜI GHI SỔ

(ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC

(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.1.3 Kế toán thu nhập khác

*** Nội dung**

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Các khoản thu khác.

*** Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 711: Thu nhập khác

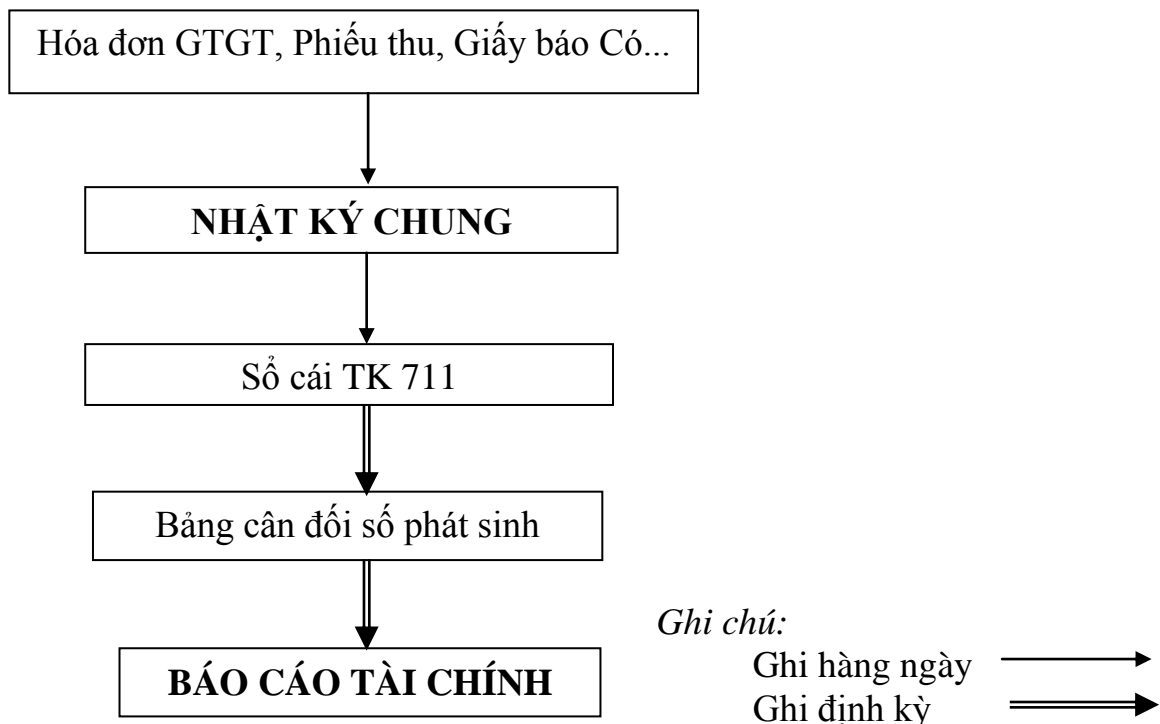
*** Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT, Phiếu thu, Giấy báo Có..
- Các chứng từ có liên quan.

*** Sổ sách kế toán**

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 711, TK 111, TK 112...

Sơ đồ 2.6: Quy trình kế toán thu nhập khác tại CT CP XL & KDDV Hải Phòng



Ví dụ 4: Ngày 31/10/2010 công ty thu được tiền bán phế phẩm với số tiền: 431.400đ. Công ty thanh toán tiền vận chuyển phế phẩm đi bán, số tiền là 55.000đ
 Khi nhận được tiền bán phế phẩm, kế toán viết Phiếu thu số 299/10 (Biểu số 2.13).

Biểu số 2.13: Phiếu thu

Đơn vị: Cty CPXL&KDDV Hải Phòng
Km 9, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU THU

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Quyển số:
Số: PT299/10
Nợ: 1111
Có: 711

Mẫu số 01-TT
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Họ, tên người nộp tiền: **Bùi Văn Quyết**

Địa chỉ: An Lão – Hải Phòng

Lý do nộp: Thu tiền bán phế phẩm

Số tiền: **431.400** (Viết bằng chữ): Bốn trăm ba mươi một nghìn bốn trăm đồng chẵn./.

Kèm theo: 02.....chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Người nộp
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Căn cứ vào Phiếu thu số 299/10 kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.3). Sau đó dựa vào số liệu trên sổ Nhật ký chung, kế toán vào Sổ cái TK 711 (Biểu số 2.14).

Cuối kỳ kết chuyển sang bên Nợ TK 911.

Cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái lập Bảng cân đối số phát sinh và lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.14: Trích Sổ cái TK 711 năm 2010

Đơn vị: CÔNG TY CP XL & KDDV HP - CIPC
Địa chỉ: Quán Toan - Hồng Bàng - Hải Phòng

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên TK: Thu nhập khác

Số hiệu: 711

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm - Số PS trong năm			
..
31/10	PT29 9/10	31/10	Thu tiền bán phế phẩm	1111		431.400
31/10	PKT 01/10	31/10	K/c thu nhập khác T10	911	381.780	
..
			- Cộng số PS năm - Số dư cuối năm - Cộng lũy kế từ đầu quý		4.581.355	4.581.355

2.2.2 Kế toán chi phí

2.2.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán

**** Nội dung***

Căn cứ vào sổ chi tiết TK 156, TK 157 của tháng đó, kế toán xác định giá vốn bằng đơn giá nhập (Công ty áp dụng phương pháp tính trị giá xuất kho là Thực tế đích danh). Kế toán sử dụng TK 156, TK 157 để tập hợp chi phí sản xuất, rồi sau đó kết chuyển thẳng sang TK 632 để phân bổ chi phí tiêu thụ trong kỳ.

**** Tài khoản sử dụng***

✓ Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán

Tài khoản 632 Công ty dùng để phản ánh chung cho trị giá thực tế xuất kho của sản phẩm thép chính phẩm và phế phẩm đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng hoạt động trên 2 lĩnh vực riêng biệt là kinh doanh và xây lắp nên công ty mở chi tiết cho tài khoản 632 là:

TK 632 KD: Giá vốn hàng hoá

TK 632 XL: Giá vốn xây lắp (năm 2010 công ty không phát sinh giá vốn công trình xây lắp)

Giống như tài khoản 5111, kế toán của Công ty đã mở 2 tài khoản chi tiết để theo dõi từng loại mặt hàng:

TK 632 KD.THEP: Giá vốn của sản phẩm thép chính phẩm

TK 632 KD.PHE: Giá vốn của thép phế

✓ Tài khoản 156 “Hàng hoá”:

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng giảm các loại thép của công ty

Công ty sử dụng 2 tài khoản chi tiết:

TK 1561 THEP: Giá mua thép chính phẩm

TK 1561 PHE: Giá mua thép phế

✓ Tài khoản 157 “Hàng gửi bán”:

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hàng hoá, thành phẩm đã gửi hoặc chuyển đến cho khách hàng, gửi bán đại lý, ký gửi.

Công ty không mở chi tiết cho tài khoản 157 vì hàng gửi bán của Công ty chỉ có thép chính phẩm nên có thể theo dõi trực tiếp trên tài khoản này.

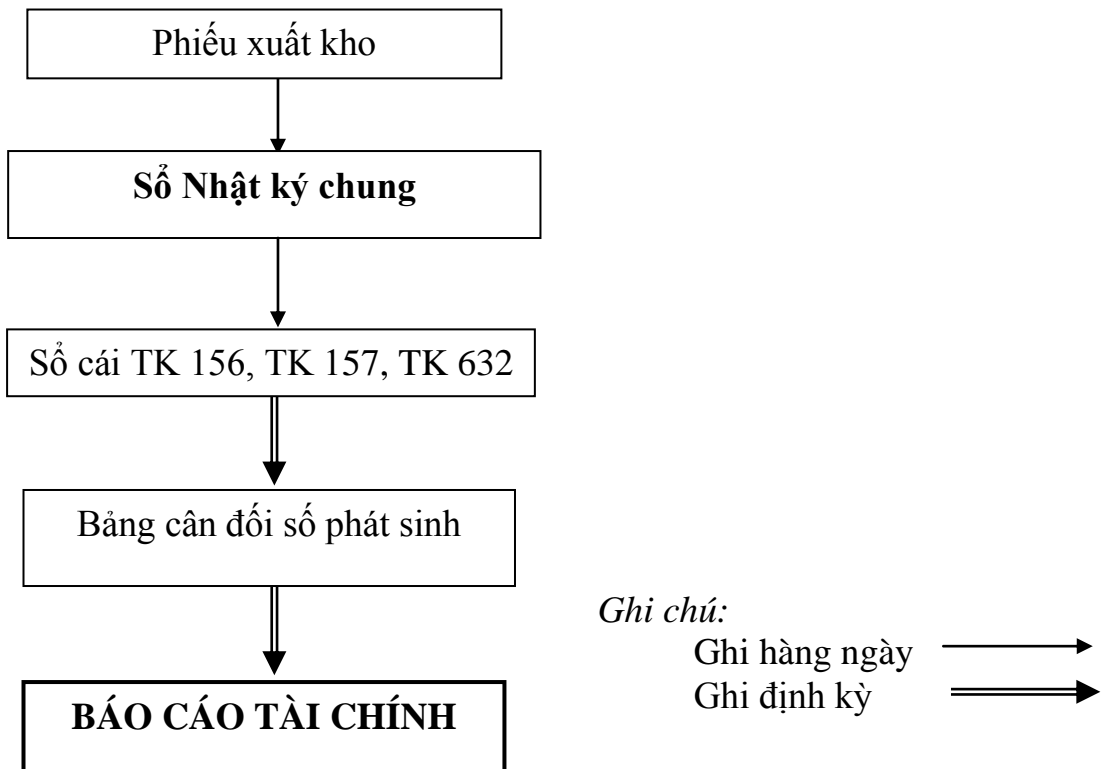
*** Chứng từ sử dụng**

- + Phiếu xuất kho
- + Các chứng từ khác có liên quan

*** Sổ sách kế toán**

- + Sổ Nhật ký chung
- + Sổ chi tiết giá vốn
- + Sổ cái TK 632, TK 156, TK 157

Sơ đồ 2.7: Quy trình kế toán GVHB tại CT CP XI & KDDV Hải Phòng



Tiếp Ví dụ 1: Ngày 12/10/2010 xuất kho hàng thép bán cho Cty TNHH Đức Hiếu với khối lượng và đơn giá xuất kho như sau:

- Thép cây D22 9m: 20.987 kg × 16.520 đ/kg
- Thép cuộn: 5.780 kg × 15.560 đ/kg
- Thép phế rôi: 14.970 kg × 10.200 đ/kg

Căn cứ vào lệnh xuất kho, kế toán viết Phiếu xuất kho số 100/10 (ghi vào cột số lượng theo chứng từ và ký vào ô người lập phiếu) (Biểu số 2.15). Phiếu xuất kho có 3 liên: *liên 1*: lưu gốc, *liên 2*: xé cho Thủ kho, *liên 3*: xé cho người nhận hàng.

Biểu số 2.15: Phiếu xuất kho

CÔNG TY CP XL & KDDV HẢI PHÒNG
Km9 - Quán Toan - Hồng Bàng - Hải Phòng

Mẫu số 02 - VT
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC Ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC\

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 12 tháng 10 năm 2010

Số: 100/10

Nợ TK 632

Có TK 1561

Họ tên người nhận hàng: **Nguyễn Tấn Vinh - Cty TNHH Đức Hiếu**

Lý do xuất kho: Bán hàng

Xuất tại kho: Hàng hoá

Đơn vị tính: VNĐ

S T T	Tên hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Thép cây D22 9m	THD2 2	kg	20.987	20.987	16.520	346.705.240
2	Thép cuộn	THCU ON	kg	5.780	5.780	15.560	89.936.800
3	Thép phế rời	THPR	kg	14.970	14.970	10.200	152.694.000
	Cộng						589.336.040

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Năm trăm tám mươi chín triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn không trăm bốn mươi đồng chẵn./.

Ngày 12 tháng 10 năm 2010

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người nhận

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

KT trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Dựa vào Phiếu xuất kho kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.3), đồng thời vào Sổ chi tiết giá vốn thép chính phẩm (Biểu số 2.16), Sổ chi tiết giá vốn thép phế (Biểu số 2.17).

Biểu số 2.16: Trích Sổ chi tiết giá vốn thép chính phẩm năm 2010

Đơn vị: CÔNG TY CP XL & KDDV HP - CIPC

Địa chỉ: Quán Toan - Hồng Bàng - Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN

Năm 2010

Đối tượng: Thép chính phẩm

Mã MH: 632KD.THEP

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Giá vốn		
	Số hiệu	Ngày			Số lượng (kg)	Đ.Giá (đ/kg)	Thành tiền (đ)
..
12/10	100/10	12/10	Cty TNHH Đức Hiếu				
			Thép cây D22 9m	1561	20.987	16.520	346.705.240
			Thép cuộn	1561	5.780	15.560	89.936.800
12/10	101/10	12/10	Cty TNHH Nguyễn Đức Phát				
			Thép Φ 6	1561	3.338	16.340	54.542.920
			Thép Φ 10	1561	10.654	16.530	176.110.620
13/10	102/10	13/10	Cty CP TM Hải Hà				
			Thép Φ 6	1561	3.590	16.340	58.660.600
			Thép Φ 10	1561	2.346	16.530	38.779.380
			Thép Φ 18	1561	2.878	16.680	48.005.040
15/10	103/10	15/10	Cty TNHH Nguyễn Đức Phát				
			Thép hình	1561	2.670	14.670	40.800.000

Sinh viên : Nguyễn Thạch Lam – Lớp QT1105K

15/10	104/10	15/10	Cty CP TM Hải Hà	1561			
			Thép Φ 18	1561	1.347	16.680	23.212.963
..			
23/10	128/10	23/10	Cty TNHH Đức Hiếu				
			Thép hình	1561	40.876	14.670	599.650.920
			Thép cây D22 9m	1561	2.764	16.520	45.661.280
			Thép cuộn	1561	2.646	15.560	41.171.760
			Thép Φ 18	1561	28.723	16.680	479.099.640
25/10	048/10	25/10	Đại lý thép Hoàng Phát (4/10)				
			Thép cây D22 9m	157	17.450	16.520	288.274.000
			Thép cuộn	157	11.370	15.560	176.917.200
..
..
..
Cộng phát sinh							2.755.924.695
Doanh thu thuần							3.651.020.966
Giá vốn							2.755.924.695
Lãi gộp							895.096.271

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

NGƯỜI GHI SỔ*(ký, họ tên)***KẾ TOÁN TRƯỞNG***(ký, họ tên)***GIÁM ĐỐC***(ký, họ tên, đóng dấu)*

Biểu số 2.17: Trích Sổ chi tiết giá vốn thép phế năm 2010

Đơn vị: CÔNG TY CP XL & KDDV HP - CIPC

Địa chỉ: Quán Toan - Hồng Bàng - Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN

Năm 2010

Đối tượng: Thép phế

Mã MH: 631KD.PHE

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Giá vốn		
	Số hiệu	Ngày			Số lượng (kg)	Đ.Giá (đ/kg)	Thành tiền (đ)
2/10	001/10	2/10	NM luyện thép Lưu Xá Thái Nguyên				
			Phôi vụn	1561	20.930	10.426	225.170.000
3/10	002/10	3/10	Cty CP thép Thứ Liệu				
			Phôi vụn	1561	23.055	10.426	248.026.000
..
12/10	100/10	12/10	Cty TNHH Đức Hiếu				
			Thép phế rời	1561	14.970	10.200	152.694.000
..
24/10	112/10	24/10	Cty CP thép Thứ Liệu				
			Thép phế rời	1561	42.393	10.200	432.408.600
			Phôi vụn	1561	20.934	10.426	218.257.884
..
Cộng phát sinh							1.550.207.641
Doanh thu thuần							2.039.281.074
Giá vốn							1.550.207.641
Lãi gộp							489.073.433

Sinh viên : Nguyễn Thạch Lam – Lớp QT1 B05K

Sau đó, căn cứ vào số liệu trên Sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK 632.KD (Biểu số 2.18).

Cuối tháng, cuối năm kết chuyển sang bên Có TK 911.

Cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh và BCTC.

Biểu số 2.18: Trích Sổ cái TK 632 năm 2010

Đơn vị: CÔNG TY CP XL & KDDV HP - CIPC
Địa chỉ: Quán Toan - Hồng Bàng - Hải Phòng

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên TK: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632.KD

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHT KD Ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm - Số PS trong năm			
02/10	PX001/10	02/10	GVHB phiêu vụn cho NM luyện thép Lưu Xá - Thái Nguyên	1561	225.170.000	
03/10	PX002/10	03/10	GVHB lô phế liệu cho Cty CP thép Thử liệu	1561	248.026.000	
..	
12/10	PX100/10	12/10	GVHB thép cho Cty TNHH Đức Hiếu	1561 1561 1561	346.705.240 89.936.800 152.694.000	
..
22/10	PX082/10	22/10	GV HGB đại lý Phú Đạt	157	199.526.000	
..
25/10	PX048/10	25/10	GV HGB đại lý Hoàng Phát	157	288.274.000 176.917.200	
..
31/10	PKT02/10	31/10	K/c GVHB T10	911		358.844.361
..
			- Cộng số PS năm - Số dư cuối năm - Cộng lũy kế từ đầu quý		4.306.132.336	43606.132.336

- Sổ này có trang, đánh số từ trang 01 đến trang

- Ngày mở sổ 01/01/2010

NGƯỜI GHI SỔ
(ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
GIÁM ĐỐC
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.2 Kế toán chi phí bán hàng

* **Nội dung:** Chi phí bán hàng của Công ty bao gồm các loại chi phí:

- + Tiền lương, tiền ăn giữa ca, các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn,... của nhân viên bán hàng;
- + Chi phí trích khấu hao TSCĐ kho chứa hàng, xe ô tô phục vụ bán hàng;
- + Chi phí xăng xe ô tô phục vụ bán hàng;
- + Chi phí thuê bốc vác, vận chuyển hàng hóa đi bán;
- + Tiền trả hoa hồng cho đại lý bán hàng;
- + Các chi phí văn phòng phục vụ công tác bán hàng;
- +

* **Tài khoản sử dụng**

- TK 641: Chi phí bán hàng

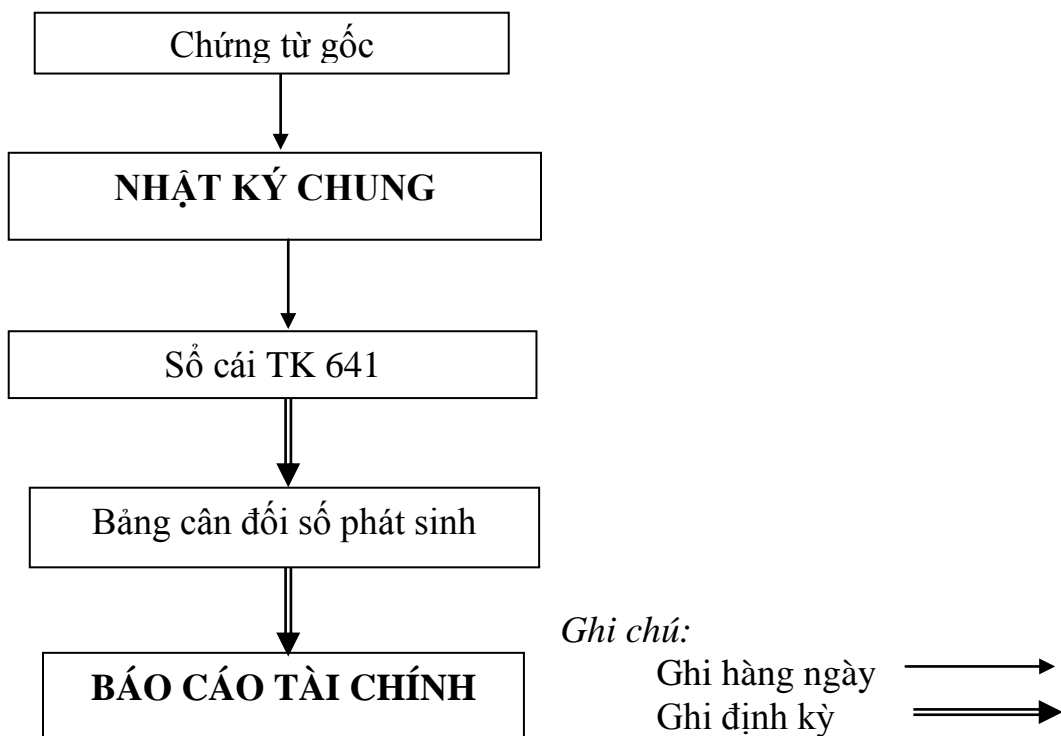
* **Chứng từ sử dụng:**

- + Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, giấy tạm ứng, giấy đề nghị thanh toán, hoá đơn GTGT..
- + Bảng thanh toán lương, Bảng trích khấu hao TSCĐ ở bộ phận bán hàng...

* **Sổ sách kế toán**

- + Sổ nhật ký chung.
- + Sổ cái TK 641 và một số TK liên quan.

Sơ đồ 2.8 : Quy trình kế toán CPBH tại CT CP XL & KDDV Hải Phòng



Tiếp Ví dụ 2: Ngày 31/10/2010, công ty tiến hành trả tiền hoa hồng hàng gửi bán cho Đại lý thép Hoàng Phát theo Thông báo bán được hàng với số lượng và đơn giá (chưa thuế GTGT 5%) như sau:

- Thép cây D22 9m: 17.450kg × 16.940 đ/kg
- Thép cuộn: 11.370kg × 15.960 đ/kg

Thuế GTGT 5% theo giá bán. Hoa hồng đại lý được hưởng 0,4% trên tổng giá thanh toán. Thuế GTGT của dịch vụ đại lý là 10%.

Khi nhận được số tiền thanh toán từ bên Đại lý Hoàng Phát kế toán căn cứ vào Bảng thanh toán hàng đại lý ký gửi số 107 ngày 25/10/2010 (Biểu số 2.19) để viết Phiếu chi số 288/10 (Biểu số 2.20) trả tiền hoa hồng cho bên đại lý.

Biểu số 2.19: Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi

Đơn vị: Đại lý thép Hoàng Phát
Địa chỉ: Kiến An - Hải Phòng

Mẫu số 01 - BH
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG THANH TOÁN HÀNG ĐẠI LÝ, KÝ GỬI

Ngày 25/10/2010

Quyển số: 5

Số: 107

Nợ TK 331: 500.921.610

Có TK 1111: 500.921.610

Căn cứ hợp đồng số 41 ngày 30/08/2010 về việc bán hàng đại lý (ký gửi).

Chúng tôi gồm:

Bà: **Nguyễn Thị Thu Trà**. Chức vụ: Phó Giám đốc - Đại diện công ty có hàng gửi đại lý (ký gửi).

Ông: **Hoàng Xuân Phát**. Chức vụ: Giám đốc - Đại diện đại lý thép Hoàng Phát nhận bán hàng đại lý (ký gửi).

I. Thanh quyết toán số hàng gửi đại lý từ 04/10/2010 đến 25/10/2010 như sau:

S T T	Tên sản phẩm	Đơn vị	SL tồn ĐK	SL nhập trong kỳ	Tổng số	Số hàng đã bán trong kỳ			SL tồn cuối kỳ
						SL	Đơn giá	TT	
A	B	C	1	2	3=1+2	4	5	6	7=3-4
1	Thép cây D22 9m	kg		25.000	25.000	17.450	17.787	310.383.150	7.550
2	Thép cuộn	kg		20.000	20.000	11.370	16.758	190.538.460	8.630
	Cộng		-	45.000	45.000	28.820		500.921.610	16.180

(Đơn giá trên đã bao gồm thuế GTGT 5%)

II. Số tiền còn nợ của các kỳ trước: 0

III. Số tiền phải thanh toán đến kỳ này: **500.921.610 đ**

IV. Số tiền được nhận lại: **2.204.055 đ**

+ Hoa hồng: 2.003.686 đ

+ Thuế nộp hộ: 200.369 đ

+ Chi phí (Nếu có)

V. Số tiền thanh toán kỳ này: **500.921.610 đ**
+ Tiền mặt: 500.921.610 đ
+ Séc:

VI. Số tiền nợ lại: (VI = III - IV - V): 0
*** Ghi chú**

GD ĐƠN VỊ GỬI HÀNG ĐẠI LÝ
(ký tên, đóng dấu)

**NGƯỜI
LẬP BẢNG**

GD ĐƠN VỊ NHẬN BÁN ĐẠI LÝ
(ký tên, đóng dấu)

KTT ĐƠN VỊ GỬI HÀNG ĐẠI LÝ

KTT ĐƠN VỊ NHẬN BÁN ĐẠI LÝ

Biểu số 2.20: Phiếu chi

Đơn vị: Cty CPXL&KDDV Hải
Phòng
Km 9, Quán Toan, Hồng Bàng,
Hải Phòng

PHIẾU CHI

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Quyển số:
Số:PC288/10
NỢ: 641
CÓ: 1111

Mẫu số 02-TT
Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng
BTC

Họ, tên người nhận: **Hoàng Việt Bách**

Địa chỉ: Đại lý thép Hoàng Phát

Lý do chi: Trả tiền hoa hồng gửi đại lý lô ngày 25/10/2010

Số tiền: **2.204.055** (Viết bằng chữ): Hai triệu hai trăm linh tư nghìn không trăm năm mươi lăm đồng chẵn./.

Kèm theo: 01.....chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Người nộp
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Dựa vào Phiếu chi số 288/10 kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.3)

Từ số liệu ở sổ Nhật ký chung vào Sổ cái TK 641 (Biểu số 2.21).

Cuối kỳ kế chuyển sang bên Có TK 911.

Cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái lập Bảng cân đối số phát sinh và lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.21: Trích Sổ cái TK 641 năm 2010

Đơn vị: CÔNG TY CP XL & KDDV HP - CIPC

Mẫu số S03b - DN

Địa chỉ: Quán Toan - Hồng Bàng - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Năm 2010
Tên TK: Chi phí bán hàng
Số hiệu: 641

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm - Số PS trong năm			
..
02/10	PC00 9/10	02/10	CP vận chuyển lô phế TN	1111	5.000.000	
..
21/10	PC15 0/10	21/10	Thanh toán tiền điện thoại cố định phục vụ BH	1111	2.320.000	
27/10	PC16 9/10	27/10	Thanh toán tiền mua Dầu DO	1111	1.385.500	
..
31/10	PC28 8/10	31/10	Thanh toán tiền hoa hồng cho đại lý Hoàng Phát	1111	2.003.686	
31/10	PC29 6/10	31/10	Thanh toán tiền hoa hồng cho đại lý Phú Đạt	1111	1.864.066	
31/10	PKT 02/10	31/10	K/c CPBH T10	911		30.416.808
....
			- Cộng số PS năm - Số dư cuối năm - Cộng lũy kế từ đầu quý		365.001.690	365.001.690

- Sổ này có trang, đánh số từ trang 01 đến trang

- Ngày mở sổ 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGƯỜI GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.3 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

* **Nội dung** : Chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty bao gồm:

- + Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp;
- + Chi phí văn phòng phẩm, vật liệu sử dụng cho việc sửa chữa tài sản cố định, công cụ, dụng cụ,...;
- + Khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp;
- + Chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi lao động nữ...

* **Tài khoản sử dụng**

- + TK 642 : Chi phí quản lý doanh nghiệp

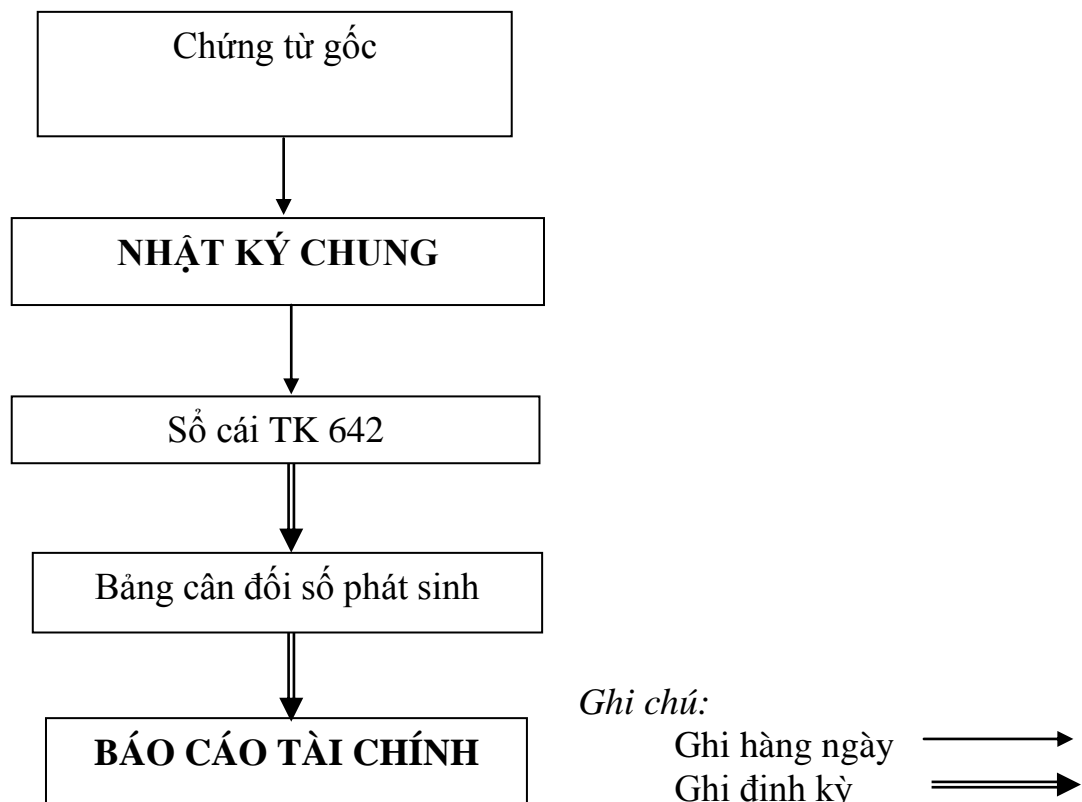
* **Chứng từ sử dụng**

- + Phiếu chi, Ủy nhiệm chi...
- + Hoá đơn GTGT
- + Các chứng từ khác có liên quan

* **Sổ sách kế toán**

- + Sổ cái TK 642, TK 111, TK 112....

Sơ đồ 2.9: Quy trình kế toán CPQLDN tại CT CP XL & KDDV Hải Phòng



Ví dụ 5: Ngày 05/10/2010, công ty thanh toán tiền cước điện thoại tháng 9 cho bộ phận quản lý theo hóa đơn số 6046930, số tiền là 3.538.248 đ (chưa bao gồm thuế GTGT 10%).

Từ Hóa đơn GTGT tiền điện thoại, kế toán viết Phiếu chi số 057/10 (Biểu số 2.22).

Biểu số 2.22: Phiếu chi

Đơn vị: Cty CPXL&KDDV Hải
Phòng
Km 9, Quán Toan, Hồng Bàng,
Hải Phòng

PHIẾU CHI
Ngày 05 tháng 10 năm 2010

Quyển số:
Số:PC057/10
NỢ: 642
CÓ: 1111

Mẫu số 02-TT
Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng
BTC

Họ, tên người nhận: **Vũ Thị Thanh**

Địa chỉ:.....

Lý do chi: Trả tiền cước điện thoại cố định T9.....

Số tiền: **3.538.248** (Viết bằng chữ): Ba triệu năm trăm ba mươi tám nghìn hai trăm bốn mươi đồng chẵn./.

Kèm theo: 01.....chứng từ gốc.....

Ngày 05 tháng 10 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Người nộp
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Từ Hóa đơn GTGT số 6046930 và Phiếu chi số 057/10, kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.3)

Từ sổ Nhật ký chung, kế toán vào Sổ cái TK 642 (Biểu số 2.23).

Cuối kỳ, kết chuyển sang bên Có TK 911.

Cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái lập Bảng cân đối số phát sinh và lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.23: Trích Sổ cái TK 642 năm 2010

Đơn vị: CÔNG TY CP XL & KDDV HP - CIPC

Mẫu số S03b - DN

Địa chỉ: Quán Toan - Hồng Bàng - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Năm 2010
Tên TK: Chi phí QLDN
Số hiệu: 642

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm - Số PS trong năm			
05/10	PC0 57/10	05/10	Thanh toán tiền điện thoại cố định T9	1111	3.538.248	
..
10/10	84/TS CĐ	10/1 0	Trích KHTSCĐ (Ô tô Toyota)	2141	1.720.733	
..
14/10	085/T SCĐ	14/10	Trích KHTSCĐ (Máy tính mua ngày 14/10/2010)	2141	316.667	
..
..
31/10	PKT 02/10	31/10	K/c CPQLDN T10	911		20.468.167
..
			- Cộng số PS năm - Số dư cuối năm - Cộng lũy kế từ đầu quý		245.618.000	245.618.000

- Sổ này có trang, đánh số từ trang 01 đến trang

- Ngày mở sổ 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGƯỜI GHI SỔ
(ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.4 Chi phí tài chính

*** Nội dung**

Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng không phát sinh nhiều chi phí tài chính cho hoạt động tài chính của công ty, hoạt động tài chính chủ yếu là trả lãi vay ngân hàng hàng tháng.

*** Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 635: Chi phí hoạt động tài chính

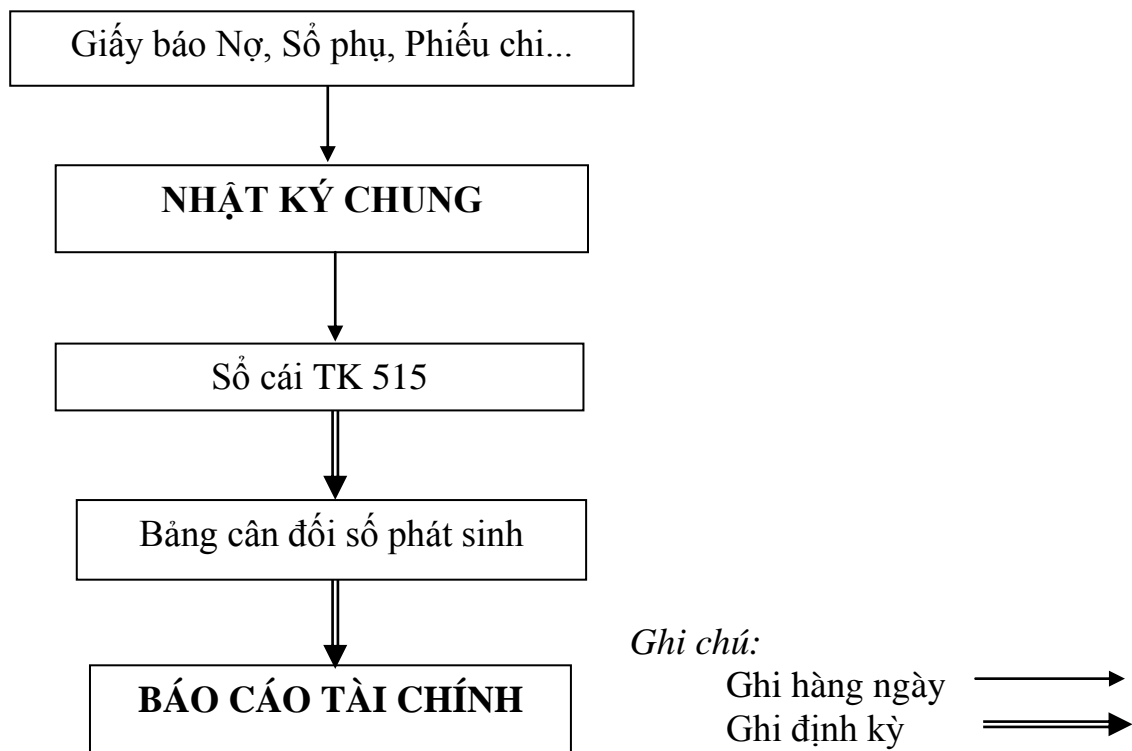
*** Chứng từ sử dụng**

- Giấy báo trả lãi tiền vay
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Sổ sách kế toán**

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 653, TK 111, TK 112...


Sơ đồ 2.10: Quy trình kế toán CPTC tại CT CP XL & KDDV Hải Phòng



Ví dụ 6: Ngày 26/10/2010 ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt nam – Chi nhánh Hải Phòng (BIDV) gửi Giấy báo Nợ thông báo lãi tiền vay của công ty phải trả tháng 10 là 6.520.373 đồng. Công ty trả lãi bằng tiền mặt.

Căn cứ vào Giấy báo Nợ số 183/10-BIDV (Biểu số 2.24) kèm theo Sổ phụ của ngân hàng kế toán viết Phiếu chi số 154/10 (Biểu số 2.25).

Biểu số 2.24: Giấy báo Nợ

	GIẤY BÁO NỢ	Ngày: 26/10/2010 15:38:16									
BIDV											
SỐ TÀI KHOẢN : 22010000201888 TÊN TÀI KHOẢN : CTY CP XÂY LẬP & KDDV HẢI PHÒNG											
Kính gửi: CTY CP XÂY LẬP & KDDV HẢI PHÒNG		Ngân Hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo : Tài khoản của Quý khách hàng đã được ghi NỢ với nội dung sau:									
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="text-align: center;">NGÀY HIỆU LỰC</th> <th style="text-align: center;">SỐ TIỀN</th> <th style="text-align: center;">LOẠI TIỀN</th> <th style="text-align: center;">DIỄN GIẢI</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">26/10/2010 15:38:16</td> <td style="text-align: center;">6.520.373,00</td> <td style="text-align: center;">VND</td> <td style="text-align: center;">LÃI TIỀN VAY</td> </tr> </tbody> </table>	NGÀY HIỆU LỰC	SỐ TIỀN	LOẠI TIỀN	DIỄN GIẢI	26/10/2010 15:38:16	6.520.373,00	VND	LÃI TIỀN VAY			
NGÀY HIỆU LỰC	SỐ TIỀN	LOẠI TIỀN	DIỄN GIẢI								
26/10/2010 15:38:16	6.520.373,00	VND	LÃI TIỀN VAY								
Giao dịch viên		Kiểm soát									

Biểu số 2.25: Phiếu chi

Đơn vị: Cty CPXL&KDDV Hải Phòng
 Km 9, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU CHI
 Ngày 26 tháng 10 năm 2010

Quyển số:
 Số: PC154/10
 NỢ: 635
 CÓ: 1111

Mẫu số 02-TT
 Ban hành theo QĐ số
 15/2006/QĐ-BTC ngày
 20/03/2006 của Bộ trưởng
 BTC

Họ, tên người nhận: **Nguyễn Thị Tuyết**.....

Địa chỉ:.....

Lý do chi: Trả lãi tiền gửi ngân hàng BIDV.....

Số tiền: **6.520.373** (Viết bằng chữ): Sáu triệu năm trăm hai mươi nghìn ba trăm bảy mươi ba đồng chẵn./.

Kèm theo: 02.....chứng từ gốc.....

Ngày 26 tháng 10 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nộp	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Sau đó, kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.3). Từ sổ Nhật ký chung kế toán Sổ cái TK 635 (Biểu số 2.26).

Cuối tháng, cuối năm kết chuyển sang bên Có TK 911.

Cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái lập Bảng cân đối số phát sinh và lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.26: Trích Sổ cái TK 635 năm 2010

Đơn vị: CÔNG TY CP XL & KDDV HP - CIPC

Mẫu số S03b – DN

Địa chỉ: Quán Toan - Hồng Bàng - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên TK: Chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu: 635

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐ Ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm			
			- Số PS trong năm			
..
..
26/9	GBN162/ 9-BIDV	26/9	Trả lãi tiền gửi NH BIDV T9	1111	5.950.520	
26/9	GBN180/ 9-HH	26/9	Trả lãi tiền gửi NH Hàng Hải T9	1111	3.070.564	
30/9	PKT02/0 9	30/9	Kết chuyển CPHĐTC T9	911		9.021.084
26/10	GBN183/ 10-BIDV	26/10	Trả lãi tiền gửi NH BIDV T10	1111	6.520.373	
26/10	GBN191/ 10-HH	26/10	Trả lãi tiền gửi NH Hàng Hải T10	1111	2.194.000	
31/10	PKT02/1 0	31/10	K/c CP HĐTC T10	911		8.714.373
.....
			- Cộng số PS năm		104.572.47	104.572.47
			- Số dư cuối năm		8	8
			- Cộng lũy kế từ đầu quý			

- Sổ này có trang, đánh số từ trang 01 đến trang

- Ngày mở sổ 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGƯỜI GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.5 Kế toán chi phí khác

*** Nội dung**

Chi phí thanh lý nhượng bán tài sản cố định, giá trị còn lại của tài sản cố định nhượng bán, các khoản chi phí khác....

*** Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 811: Chi phí khác

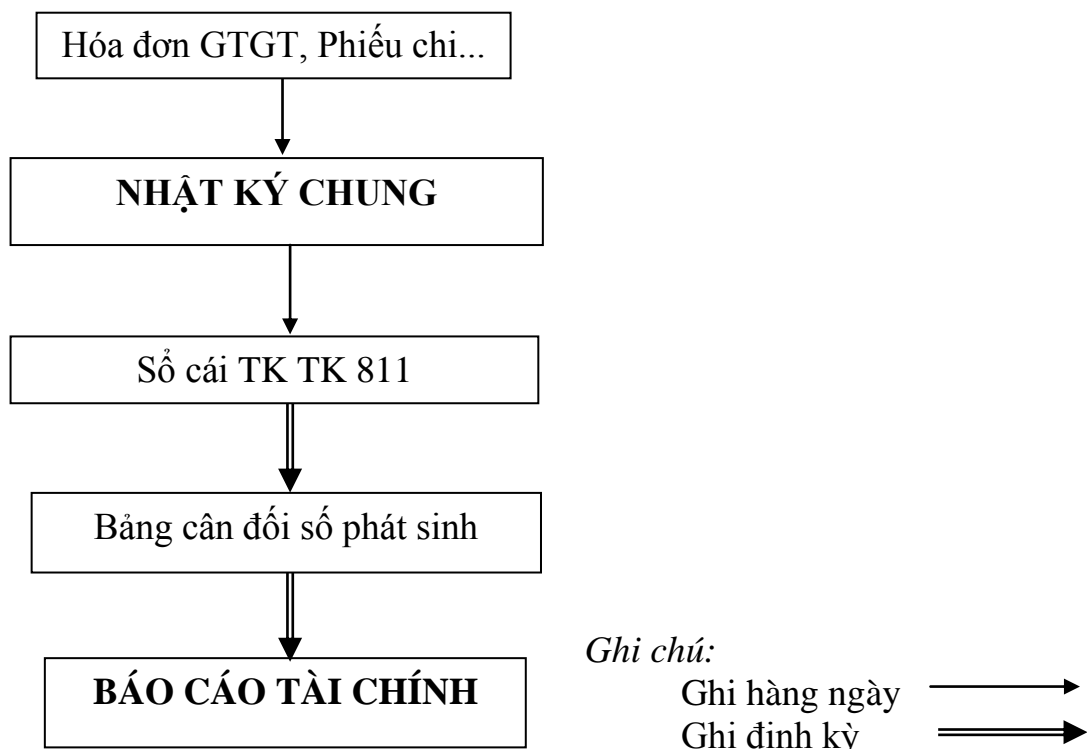
*** Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT, Phiếu chi, Ủy nhiệm chi
- Các chứng từ có liên quan.

*** Sổ sách kế toán**

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 711, TK 1111, TK 1121...

Sơ đồ 2.11: Quy trình kế toán chi phí khác tại CT CP XL & KDDV Hải Phòng



Tiếp Ví dụ 4:

Ngày 31/10/2010 công ty thu được tiền bán phế phẩm với số tiền: 431.400 đ. Công ty thanh toán tiền vận chuyển phế phẩm đi bán, số tiền là 55.000đ

Khi phát sinh chi phí vận chuyển phế phẩm đi bán, kế toán viết Phiếu chi số 289/10 (Biểu số 2.27).

Biểu số 2.27: Phiếu chi

Đơn vị: Cty CPXL&KDDV Hải
Phòng
Km 9, Quán Toan, Hồng Bàng,
Hải Phòng

PHIẾU CHI

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Quyển số:
Số:PC289/10
NỢ: 811
CÓ: 1111

Mẫu số 02-TT
Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng
BTC

Họ, tên người nhận: **Nguyễn Thị Hà Hương**.....

Địa chỉ: Quán Toan – Hải Phòng.....

Lý do chi: Trả phí vận chuyển bán phế phẩm.....

Số tiền: **55.000** (Viết bằng chữ):*Năm mươi lăm nghìn đồng chẵn./.*

Kèm theo: 01.....chứng từ gốc.....

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nộp	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Từ Phiếu chi, kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.3). Sau đó dựa vào số liệu trên sổ Nhật ký chung, kế toán vào Sổ cái TK 811 (Biểu số 2.28).

Cuối kỳ kết chuyển sang bên Có TK 911.

Cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái lập Bảng cân đối số phát sinh và lập BCTC.

Biểu số 2.28: Trích sổ cái TK 811 năm 2010

Đơn vị: CÔNG TY CP XL & KDDV HP - CIPC
Địa chỉ: Quán Toan - Hồng Bàng - Hải Phòng

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên TK: Chi phí khác

Số hiệu: 811

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm - Số PS trong năm			
..
31/10	PC2 89/10	31/10	Phí vận chuyển phế phẩm đi bán	1111	55.000	
31/10	PKT 02/10	31/10	K/c chi phí khác T10	911		878.012
..
			- Cộng số PS năm - Số dư cuối năm - Cộng lũy kế từ đầu quý		10.536.149	10.536.149

2.2.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh*** Nội dung**

Kết quả kinh doanh là chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Kết quả kinh doanh được xác định là chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí trong kỳ.

Phương pháp kế toán như sau

Căn cứ để xác định kết quả kinh doanh là tổng số phát sinh bên Có cuối năm của các TK 511, TK 515, TK 711 và tổng số phát sinh bên Nợ cuối năm của các TK 632, TK 641, TK 642, TK 811. Tổng số phát sinh bên Có cuối năm của các TK 511, TK 515, TK 711 được kết chuyển vào bên Nợ TK 911. Tổng số phát sinh bên Nợ cuối năm của các TK 632, TK 641, TK 642, TK 811 được kết chuyển vào bên Có TK 911.

Sau khi bù trừ hai bên Nợ – Có trên TK 911, kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty như sau:

+ Nếu tổng số tiền bên Nợ TK 911 lớn hơn tổng số tiền bên Có, tức trong năm kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ và số tiền này được kết chuyển sang bên Nợ TK 421.

+ Nếu tổng số tiền bên Nợ TK 911 nhỏ hơn tổng số tiền bên Có, tức trong năm kết quả kinh doanh của Công ty có lãi. Kế toán căn cứ vào số tiền lãi tính ra thuế phải nộp cho Nhà nước, số còn lại (sau khi trừ đi phần thuế phải nộp) được kết chuyển sang bên Có TK 421.

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động sản xuất kinh doanh trong Công ty trong một thời gian nhất định. Kết quả hoạt động kinh doanh được biểu hiện qua chỉ tiêu “Lãi” hoặc “Lỗ”. Căn cứ và chế độ tài chính hiện hành thu nhập của Công ty được phân phối như sau:

- Nộp thuế TNDN theo quy định với mức thuế suất 25%
- Bù lỗ các khoản năm trước không được trừ vào lợi nhuận sau thuế.
- Trừ các khoản chi phí thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp.

*** Tài khoản sử dụng**

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối.

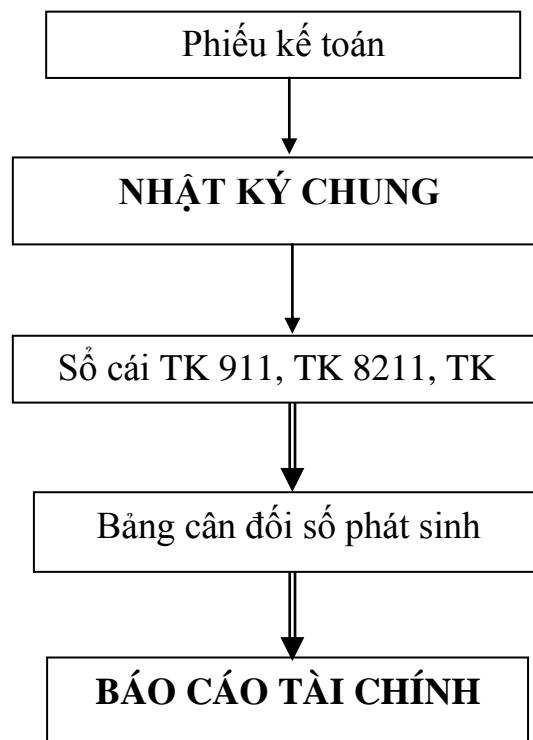
*** Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán

*** Sổ sách kế toán**

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 911, TK 821, TK 421

Sơ đồ 2.12: Quy trình kế toán XĐKQKD tại CT CP XL & KDDV Hải Phòng



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ ==>

Ví dụ 7: Cuối tháng 10/2010, Công ty thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh trong tháng của doanh nghiệp. Dựa vào các bút toán kết chuyển kế toán lập Phiếu kế toán (kế toán lập từ excel rồi in ra kẹp vào bộ chứng từ theo từng tháng). Phiếu kế toán được lập để ghi các nghiệp vụ mà không vào được hóa đơn hay phiếu thu, phiếu chi...

*** Cách thực hiện các bút toán xác định kết quả kinh doanh (Số liệu tháng 10/2010)**
1/Tổng số phát sinh bên Có TK 911:

- *Gồm:* Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ, Doanh thu hoạt động tài chính, Thu nhập khác:

+ Nợ TK 5111:	474.191.837
Nợ TK 515:	503.406
Nợ TK 711:	381.780
Có TK 911:	475.077.023

2/Tổng số phát sinh bên Nợ TK 911:

- *Gồm:* Giá vốn hàng bán, Chi phí tài chính, Chi phí bán hàng, Chi phí quản lý doanh nghiệp, Chi phí khác.

+ Nợ TK 911:	419.321.721
Có TK 632:	358.844.361
Có TK 641:	30.416.808
Có TK 642 :	20.468.167
Có TK 635:	8.714.373
Có TK 811:	878.012

3/Kết quả tiêu thụ HH, dịch vụ = Doanh thu – Chi phí

$$= 475.077.023 - 419.321.721$$

$$= 55.755.302$$

4/Chi phí thuế TNDN (25%) = Tổng LN kế toán trước thuế * 25%

$$= 55.755.302 \times 25\% = 13.938.826$$

+ Nợ TK 911: 13.938.826

Có TK 8211: 13.938.826

5/Lợi nhuận sau thuế = Tổng LN kế toán trước thuế - Chi phí thuế TNDN

$$= 55.755.302 - 13.938.826$$

$$= 41.816.476$$

+ Nợ TK 911: 41.816.476

Có TK 421: 41.816.476

Từ các bút toán trên kế toán lập Phiếu kế toán (số 01, 02, 03, 04) (Biểu số 2.29, 2.30, 2.31, 2.32) để làm căn cứ ghi Sổ nhật ký chung.

Biểu số 2.29: Phiếu kế toán 01/10

Đơn vị: CÔNG TY CP XL & KDDV HP - CIPC

Địa chỉ: Quán Toan - Hồng Bàng - Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Số: PKT01/10

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển DTBH T10	5111	911	474.191.837
2	Kết chuyển DTHĐTC T10	515	911	503.406
3	Kết chuyển thu nhập khác T10	711	911	381.780
	Cộng			475.077.023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.30: Phiếu kế toán 02/10

Đơn vị: CÔNG TY CP XL & KDDV HP - CIPC

Địa chỉ: Quán Toan - Hồng Bàng - Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Số: PKT02/10

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển GVHB T10	911	632	358.844.361
2	Kết chuyển CPBH T10	911	641	30.416.808
3	Kết chuyển CPQLDN T10	911	642	20.468.167
4	Kết chuyển CPHĐTC T10	911	635	8.714.373
5	Kết chuyển chi phí khác T10	911	811	878.012
	Cộng			419.321.721

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.31: Phiếu kế toán 03/10

Đơn vị: CÔNG TY CP XL & KDDV HP - CIPC

Địa chỉ: Quán Toan - Hồng Bàng - Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Số: PKT03/10

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN T10	911	8211	13.938.826
	Cộng			13.938.826

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.32: Phiếu kế toán 04/10

Đơn vị: CÔNG TY CP XL & KDDV HP - CIPC

Địa chỉ: Quán Toan - Hồng Bàng - Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Số: PKT04/10

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối T10	911	421	41.816.476
	Cộng			41.816.476

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Kế toán dùng Phiếu kế toán kế toán ghi Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.3).

Từ Sổ nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK 911 (Biểu số 2.33), TK 8211 (Biểu số 2.34), TK 421 (Biểu số 2.35).

Cuối năm, kế toán dựa vào số dư trên các Sổ cái lập Bảng cân đối số phát sinh và Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.33 : Trích Sổ cái TK 911 năm 2010

Đơn vị: CÔNG TY CP XL & KDDV HP - CIPC

Địa chỉ: Quán Toan - Hồng Bàng - Hải Phòng

Mẫu số S03b - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm - Số PS trong năm			
..
31/10	PKT0 1/10	31/10	K/c DTBH T10	5111		474.191.837
31/10	PKT0 1/10	31/10	K/c DT HĐTC T10	515		503.406
31/10	PKT0 1/10	31/10	K/c thu nhập khác T10	711		381.780
31/10	PKT0 2/10	31/10	K/c GVHB T10	632	358.844.361	
31/10	PKT0 2/10	31/10	K/c CPBH T10	641	30.416.808	
31/10	PKT0 2/10	31/10	K/c CPQLDN T10	642	20.468.167	
31/10	PKT0 2/10	31/10	K/c CP HĐTC T10	635	8.714.373	
31/10	PKT0 2/10	31/10	K/c chi phí khác T10	811	878.012	
31/10	PKT0 3/10	31/10	K/c chi phí thuế TNDN T10	8211	13.938.826	
31/10	PKT0 4/10	31/10	K/c lợi nhuận chưa phân phối T10	421	41.816.476	
.....
			- Cộng số PS năm - Số dư cuối năm - Cộng lũy kế từ đầu quý		5.700.924.265	5.700.924.265

- Sổ này có trang, đánh số từ trang 01 đến trang

- Ngày mở sổ 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGƯỜI GHI SỔ

(ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.34 : Trích Sổ cái TK 8211 năm 2010

Đơn vị: CÔNG TY CP XL & KDDV HP - CIPC

Mẫu số S03b - DN

Địa chỉ: Quán Toan - Hồng Bàng - Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên TK: Chi phí thuế TNDN

Số hiệu: 8211

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm - Số PS trong kỳ			
..
31/10	PKT 03/10	31/10	K/c chi phí thuế TNDN T10	911		13.938.826
..
			- Cộng số PS năm - Số dư cuối năm - Cộng lũy kế từ đầu quý		167.265.903	167.265.903

Biểu số 2.35 : Trích Sổ cái TK 421 năm 2010

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên TK: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm - Số PS trong năm			
..
31/10	PKT 04/10	31/10	K/c lợi nhuận chưa phân phối T10	911		41.816.476
..
31/12	PKT0 5/12	31/12	Phân bổ Lợi nhuận vào Nguồn vốn kinh doanh	411	401.438.167	
31/12	PKT0 5/12	31/12	Phân bổ Lợi nhuận vào Quỹ đầu tư phát triển	414	100.359.542	
			- Cộng số PS năm - Số dư cuối năm - Cộng lũy kế từ đầu quý		501797.709	501797.709

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Cuối năm, kế toán dựa vào số dư trên các Sổ cái lập Bảng cân đối số phát sinh, từ đó lập các Báo cáo tài chính, trong đó có Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Biểu số 2.36) để hoàn thiện việc xác định kết quả kinh doanh trong năm của doanh nghiệp.

Biểu số 2.36: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Người nộp thuế: Công ty CP xây lắp và kinh doanh dịch vụ Hải Phòng

Mẫu số B02-DNN
Ban hành kèm theo theo
Quyết định số
15/2006/QĐ-BTC. Ngày
20/03/2006 của Bộ Tài
chính
Hải Phòng

Mã số thuế:

Địa chỉ trụ sở: **0 2 0 0 8 3 6 4 5 8**

Quận Huyện: **Hồng Bàng**

Điện thoại:

Fax:

Tỉnh/Thành phố:

Email:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay
1	2		3
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	5.690.302.040
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		5.690.302.040
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	4.306.132.336
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.384.169.704
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	6.040.870
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	104.572.478
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		104.572.478
8. Chi phí bán hàng	24		365.001.690
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		245.618.000
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		675.018.406
11. Thu nhập khác	31		4.581.355
12. Chi phí khác	32		10.536.149
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(5.954.794)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		669.063.612
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	167.265.903
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		501.797.709
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)

2.3 ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP & KDDV HẢI PHÒNG – CIPC

Sau thời gian thực tập tốt nghiệp tại phòng kế toán của Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng, được tìm hiểu, tiếp xúc với thực tế công tác quản lý nói chung, công tác kế toán bán hàng nói riêng ở Công ty, em nhận thấy công tác quản lý cũng như công tác kế toán đã tương đối hợp lý. Nhưng bên cạnh đó vẫn còn một số vấn đề chưa phù hợp. Với mong muốn hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán ở Công ty, em xin nêu ra một số nhận xét của bản thân về tổ chức công tác kế toán bán hàng ở Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng.

2.3.1 Ưu điểm

- *Về bộ máy quản lý*

Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng đã tổ chức bộ máy quản lý theo hình thức tập trung, gọn nhẹ, linh hoạt và rất hiệu quả. Mọi hoạt động của công ty đều do Giám đốc trực tiếp điều hành và quản lý.

- *Về bộ máy kế toán*

Xuất phát từ đặc điểm kinh doanh và tổ chức hệ thống kinh doanh của mình, Công ty đã lựa chọn bộ máy kế toán tập trung. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ của kế toán đối với Công ty, hạn chế những khó khăn trong việc phân công lao động, chuyên môn hoá công việc, tạo điều kiện nâng cao trình độ của đội ngũ kế toán viên.

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức quy củ, có kế hoạch sắp xếp chỉ đạo từ trên xuống, các báo cáo được lập nhanh chóng, đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, phục vụ cho công tác quản lý.

Công ty rất quan tâm đến công tác tài chính – kế toán, thường xuyên tập trung củng cố bộ máy phòng kế toán theo hướng tinh gọn, hiệu quả đáp ứng yêu cầu báo cáo thống kê kịp thời, chính xác, đúng quy định của các ngành quản lý chức năng.

- *Về hình thức kế toán*

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ là Nhật ký chung đảm bảo rõ ràng, dễ hiểu, dễ thu nhận xử lý, tổng hợp và cung cấp thông tin phù hợp với năng lực, trình độ và qui mô của công ty giúp cho việc kiểm soát thông tin đảm bảo yêu cầu cung cấp kịp thời.

- *Về ứng dụng phần mềm*

Công ty sử dụng phần mềm kế toán AC Soft vào công tác kế toán. Việc này thích hợp với hình thức ghi sổ, quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh và trình độ quản lý của công ty, phát huy được chức năng giám đốc. Kế toán cung cấp được đầy đủ, chính xác được các chỉ tiêu cần thiết cho quản lý sản xuất kinh doanh, có khả năng đơn giản hóa, giảm nhẹ việc ghi chép, đối chiếu, nâng cao hiệu suất công tác kế toán.

- *Về tổ chức hạch toán ban đầu*

Hệ thống chứng từ kế toán dùng để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng được sử dụng đầy đủ, đúng chế độ chứng từ kế toán do Bộ Tài chính ban hành. Các chứng từ lập ra có cơ sở thực tế và pháp lý giúp Công ty giám sát quá trình bán hàng. Điều này làm giảm rủi ro và sai sót trong việc thực hiện kế toán tiêu thụ.

Hệ thống chứng từ gốc được tập hợp, luân chuyển, lưu trữ đầy đủ, sắp xếp và kiểm tra cẩn thận đảm bảo tính trung thực và hợp lý, tạo điều kiện cho việc hạch toán đúng, đủ, kịp thời quá trình bán hàng.

- *Về trình tự hạch toán*

Công tác kế toán doanh thu và xác định KQKD tại Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng được hạch toán đúng trình tự của chế độ kế toán hiện hành, phản ánh đầy đủ, kịp thời và hợp lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại từng thời điểm.

- *Về sử dụng tài khoản*

Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng sử dụng hệ thống tài khoản kế toán tương đối đầy đủ, phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đúng chế độ chế độ chứng từ kế toán theo QĐ 15/2006. Khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán sẽ phản ánh vào các tài khoản liên quan theo danh mục tài khoản của Bộ tài chính.

- *Về tổ chức hệ thống sổ sách kế toán*

Công ty mở hệ thống sổ sách kế toán để theo dõi nghiệp vụ bán hàng khá đầy đủ và chi tiết theo hướng dẫn của QĐ 15/2006 - Bộ tài chính. Các loại sổ này lại được mở chi tiết giúp kế toán có thể theo dõi nghiệp vụ bán hàng một cách dễ dàng và đơn giản và hạn chế được nhầm lẫn.

- *Về chính sách bán hàng*

Công ty đã mở một số cơ sở đại lý bán hàng ở các khu vực thích hợp, đầu tư thêm vốn để đưa sản phẩm của mình tới khách hàng bằng con đường nhanh nhất. Điều này giúp Công ty nâng cao khả năng tiêu thụ sản phẩm tránh tình trạng không thu hồi được vốn và việc sản xuất kinh doanh không được liên tục.

2.3.2 Hạn chế

- *Về sử dụng tài khoản*

+ Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng chỉ mở tài khoản chi tiết cho 2 loại thép chính phẩm và thép phế. Việc này làm công việc theo dõi chi tiết các loại thép bị hạn chế và gặp nhiều khó khăn khi muốn lấy thông tin về loại thép cụ thể như: thép cây D22 9m, thép cuộn, thép phế rời

+ Công ty theo dõi tất cả các nghiệp vụ phát sinh ở bộ phận bán hàng và bộ phận quản lý vào hai TK 641, TK 642. Điều này khiến cho nhà quản lý không theo dõi được chi tiết các yếu tố chi phí ở từng bộ phận để điều chỉnh các khoản chi phí cho phù hợp.

- *Về tổ chức hệ thống sổ sách kế toán*

+ Sổ chi tiết:

- Công ty chỉ lập các sổ chi tiết (Sổ chi tiết bán hàng, Sổ chi tiết giá vốn, Sổ chi tiết hàng hóa...) cho 2 nhóm thép là thép chính phẩm và thép phế, không lập chi tiết theo từng loại thép cụ thể gây mất nhiều thời gian tra cứu và hiểu thông tin tổng hợp về loại thép đó.

- Công ty có quan hệ giao dịch với nhiều khách hàng nên việc xây dựng hệ thống sổ chi tiết cho từng đối tượng khách hàng làm cho số lượng sổ chi tiết phải thu của khách quá nhiều, gây khó nhớ, dễ nhầm lẫn giữa các khách hàng.

- Công ty không lập Thẻ kho để theo dõi chi tiết số lượng nhập, xuất, tồn kho từng loại mặt hàng tại từng kho bãi mà chỉ ghi chép vào sổ tay làm cho quá trình theo dõi hàng gặp khó khăn, khi muốn tìm số liệu của hàng hoá nào phải tra theo tên của hàng hoá đó.

- Ở Công ty tất cả các khoản chi phí phát sinh đều được tập hợp, phản ánh tổng hợp trên tài khoản 641 "chi phí bán hàng" và tài khoản 642 "chi phí quản lý doanh nghiệp" và không theo dõi chi tiết theo yếu tố chi phí, do đó thông tin mà kế toán cung cấp chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý.

+ Sổ tổng hợp: Công ty chưa lập Bảng tổng hợp chi tiết hàng hoá và Bảng tổng hợp thanh toán với người mua nên trong quá trình tổng hợp kế toán đã gặp rất nhiều khó khăn trong việc đối chiếu số liệu, sổ sách.

+ Công ty áp dụng hình thức kê toán Nhật ký chung nhưng kết cấu của sổ chưa đúng với mẫu quy định của BTC như: Sổ nhật ký chung của doanh nghiệp không có cột đã ghi sổ cái, số thứ tự dòng; Sổ cái của doanh nghiệp không có cột trang nhật ký chung, số thứ tự dòng nhật ký chung. Như vậy sẽ gây khó khăn trong việc đối chiếu, theo dõi các nghiệp vụ phát sinh có trùng khớp nhau hay không.

+ Công ty chọn hình thức Nhật ký chung để ghi sổ kế toán là phù hợp với quy mô sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ngày càng lớn của công ty. Nhưng qua thời gian thực tập tại Công ty, em thấy các nghiệp vụ bán hàng của Công ty khá lớn, nhưng Công ty lại không mở Sổ nhật ký bán hàng để giảm bớt khối lượng ghi chép vào Sổ nhật ký chung.

+ Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng đang sử dụng hai phương thức tiêu thụ là phương thức tiêu thụ trực tiếp và phương thức bán hàng qua đại lý. Tuy nhiên, kế toán chưa lập báo cáo tiêu thụ theo từng phương thức khiến công việc nắm bắt được phương thức bán hàng nào mang lại lợi nhuận cao, phương thức nào còn hạn chế chưa nắm bắt được.

- *Về tổ chức hạch toán*

+ Về chính sách bán hàng: Công ty chưa có các khoản chiết khấu thương mại nhằm thu hút khách hàng, thúc đẩy tiêu thụ hàng hoá của Công ty. Khi phát sinh các khoản giảm trừ cho khách hàng, kế toán công ty phản ánh vào TK 641 (Chi phí bán hàng) và coi như một chi phí bán hàng. Kiểu hạch toán như vậy là chưa hợp lý, không đúng với qui định hiện hành từ đó gây khó khăn cho công tác theo dõi, phân tích và quản lý chi phí chưa hoàn thành nhiệm vụ của kế toán là phản ánh đúng nội dung kinh tế của các nghiệp vụ phát sinh.

+ Về trích lập các khoản dự phòng: Khách hàng của Công ty là những khách hàng thường xuyên mua hàng nhiều lần nhưng lại thanh toán chậm, nợ nhiều dẫn đến tình trạng tồn đọng vốn. Vậy mà Công ty chưa tiến hành các khoản dự phòng cho số khách hàng khó đòi và hàng hoá tồn kho (dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho) nên không lường trước rủi ro trong kinh doanh. Như vậy đã làm sai nguyên tắc thận trọng của kế toán. Điều này dễ gây đột biến chi phí kinh doanh và phản ánh sai lệch kết quả kinh doanh của kỳ đó.

+ Công ty chưa phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng loại thành phẩm. Điều đó khiến cho Công ty chưa thể tính được lãi, lỗ của từng loại thép cụ thể. Từ đó, nhà quản lý khó có thể đưa ra quyết định để điều chỉnh công tác mua hàng, bán hàng một cách chính xác và hợp lý.

+ Hiện nay Công ty đã áp dụng máy vi tính vào công tác hạch toán kế toán, tuy nhiên hệ thống sổ sách và trình tự ghi sổ của công ty chưa được thực hiện trên một phần mềm kế toán nào mà mới chỉ xây dựng một số phần hành trên chương trình Excel, Word và việc ghi chép còn rất thủ công. Trong khi đó hoạt động kinh doanh của Công ty ngày càng được mở rộng, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ngày càng nhiều khiến kế toán Công ty phải đảm nhiệm một khối lượng lớn công việc. Ngày nay, khoa học công nghệ phát triển, hầu hết các doanh nghiệp đang phấn đấu công nghiệp hoá hiện đại hoá mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, áp dụng công nghệ máy tính vào tổ chức quản lý nhằm đem lại hiệu quả cao nhất. Do vậy Công ty có sử dụng máy tính nhưng không tận dụng được hết sẽ gây lãng phí, giảm hiệu quả của việc áp dụng máy tính vào công tác kế toán.

Chương 3**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP & KDDV HẢI PHÒNG – CIPC****3.1 SỰ CẦN THIẾT, YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP & KDDV HẢI PHÒNG – CIPC****3.1.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện**

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, hệ thống kế toán của nước ta đã không ngừng được đổi mới cho phù hợp. Nhưng do tính chất công việc cải cách hệ thống kế toán rất phức tạp, lại diễn ra rất khẩn trương nên chắc chắn còn có nhiều khiếm khuyết và có những quy trình chưa được hoàn toàn phù hợp. Mặc dù hệ thống kế toán doanh nghiệp chưa được xây dựng thích ứng, phù hợp với đặc điểm kinh tế, yêu cầu và trình độ quản lý kinh tế tài chính của các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay và tương lai nhưng trong quá trình nền kinh tế vận động, đổi mới có rất nhiều nghiệp vụ mới nảy sinh mà khi xây dựng chế độ kế toán các nhà kinh tế không lường hết được. Thêm nữa, khi áp dụng vào từng mô hình doanh nghiệp cụ thể lại phát sinh nhiều vấn đề đòi hỏi phải hoàn thiện dần hệ thống kế toán cho phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, với đặc điểm kinh doanh của từng đơn vị cụ thể, có như vậy thì hệ thống kế toán mới phát huy tốt vai trò của mình trong việc quản lý, điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế doanh nghiệp.

Muốn làm được các doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến hoàn thiện công tác quản lý nhằm tối đa hóa lợi nhuận với mức chi phí thấp nhất, trong các công cụ quản lý đó kế toán là công cụ quản lý đặc biệt và phục vụ đắc lực nhất thông qua việc thu thập, ghi chép, xử lý, tính toán, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong hoạt động kinh doanh theo một hệ thống khoa học của kế toán. Chứng từ, tài khoản, tính toán, tổng hợp, cân đối để có thể cung cấp thông tin một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời về tình hình tài sản, sự biến động của tài sản giúp cho lãnh đạo doanh nghiệp đưa ra những quyết định đúng đắn và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Ngoài ra các báo cáo tài chính còn cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm về tình hình tài chính, triển vọng phát triển kinh doanh của doanh nghiệp để có những quyết định đầu tư đúng đắn, kịp thời trong từng thời kỳ. Vì vậy doanh nghiệp phải hoàn thiện đổi mới không ngừng công tác kế toán

cho phù hợp với yêu cầu quản lý hiện nay, nhất là trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hoàn thiện công tác kế toán thì hệ thống chứng từ ban đầu sẽ nâng cao được tính chính xác tạo điều kiện cho kế toán theo dõi tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc hoàn thiện góp phần sử dụng đúng tài khoản để phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tạo điều kiện cho công tác kiểm tra kế toán, đồng thời giúp cho các bạn hàng, ngân hàng, những người quan tâm đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp biết.

Số liệu kế toán phải chính xác tuyệt đối và dễ hiểu đảm bảo sự minh bạch, công khai, thể hiện sự tiết kiệm nhưng có hiệu quả.

3.1.2 Yêu cầu hoàn thiện

- *Yêu cầu phù hợp*

Trong kế toán Quốc tế, yêu cầu phù hợp đã trở thành một nguyên tắc. nghĩa là nó phải được đề cập đến trong kế toán. Vì vậy, khi hoàn thiện công tác kế toán cần coi trọng nguyên tắc này. Mỗi một doanh nghiệp cần vận dụng chế độ kế toán một cách linh hoạt sao cho phù hợp với chế độ hiện hành, với loại hình hoạt động, đặc điểm kinh doanh, đặc điểm tổ chức quản lý riêng của doanh nghiệp mình. Ngoài ra, nó cần đòi hỏi phải phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

- *Yêu cầu thống nhất*

Yêu cầu này là một yêu cầu cơ bản nhằm tạo ra sự thống nhất về chế độ kế toán trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân nói chung, cũng như trong ngành thương mại nói riêng. Bởi vì, nó đảm bảo cho các quy định về thể lệ chế độ kế toán được thực hiện đầy đủ và đúng đắn trong doanh nghiệp.

Hoàn thiện kế toán nghiệp vụ tiêu thụ hàng hóa phải đảm bảo sự tập trung quản lý từ lãnh đạo Công ty đến cơ sở, doanh nghiệp phải vận dụng chế độ kế toán một cách linh hoạt để vừa đảm bảo sự tuân thủ những chính sách, chế độ, thể lệ về tài chính kế toán do Nhà nước ban hành, vừa phù hợp với yêu cầu quản lý và đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Như vậy, yêu cầu thống nhất đòi hỏi trong công tác kế toán phải thực hiện thống nhất về nhiều mặt như về đánh giá hàng tồn kho, trích khấu hao TSCĐ, thống nhất về sử dụng tài khoản, về nội dung, tên gọi và mẫu số ... Trong doanh nghiệp còn phải chú ý đến sự thống nhất về việc sử dụng tài khoản sổ kế toán giữa đơn vị chính và đơn vị phụ thuộc.

- *Yêu cầu tiết kiệm và hiệu quả*

Ngày nay, trong nền kinh tế thị trường, mọi hoạt động của doanh nghiệp đều hướng tới việc sử dụng đồng vốn một cách tiết kiệm và có hiệu quả và mục đích cuối cùng là đạt được lợi nhuận kinh doanh cao nhất với chi phí hợp lý nhất. Do đó việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và XĐKQKD cũng không nằm ngoài mục đích đó. Hoàn thiện công tác kế toán này một mặt giúp giảm nhẹ công việc tổ chức, xử lý, ghi chép lưu trữ bảo quản chứng từ, sổ kế toán mà vẫn đảm bảo tính kịp thời, độ chính xác cao của thông tin kế toán. Mặt khác, nhằm nâng cao hiệu quả của công tác kế toán trong giám đốc, quản lý việc sử dụng tài sản tiền vốn của doanh nghiệp.

- *Yêu cầu chính xác và kịp thời*

Xuất phát từ nhiệm vụ của kế toán là cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác cho ban lãnh đạo phục vụ công tác quản lý của doanh nghiệp. Cần tổ chức trang bị và ứng dụng các phương tiện kỹ thuật và tính toán, ghi chép và xử lý thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin nhanh chóng, kịp thời, chính xác để từng bước nâng cao hiệu quả công tác kế toán. Hơn nữa, trong thời đại bùng nổ thông tin như hiện nay và sự cạnh tranh ngày càng gay gắt thì yêu cầu này càng trở nên quan trọng.

3.1.3 Nguyên tắc hoàn thiện

Mục đích của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là tạo hướng đi đúng đắn đưa công tác kế toán đi vào nề nếp, với các doanh nghiệp việc hoàn thiện này không nằm ngoài mục tiêu tăng doanh thu và đạt lợi nhuận cao, để đạt được hiệu quả trong việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải dựa trên các nguyên tắc sau:

a. Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của Nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.

b. Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.

c. Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin kinh tế chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

d. Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.2 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP & KDDV HẢI PHÒNG – CIPC

Qua quá trình thực tập tại Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng trên cơ sở tìm hiểu và nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của công ty sẽ được hoàn thiện hơn, có hiệu quả cao hơn. Em xin mạnh dạn được đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau:

3.2.1 Hoàn thiện việc sử dụng tài khoản chi tiết tại Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng

3.2.1.1 Hoàn thiện việc sử dụng tài khoản chi tiết hàng hóa, doanh thu, giá vốn

Mặc dù Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng kinh doanh ít loại mặt hàng và hiện nay Công ty đang hạch toán kế toán theo hai nhóm hàng là thép chính phẩm và thép phế. Tuy nhiên, em nhận thấy việc hạch toán như vậy là chưa hợp lý. Bởi lẽ mỗi khi muốn biết thông tin về một loại hàng hóa nhất định để đưa ra phương án kinh doanh, kế toán phải lần tìm theo tên của sản phẩm đó trong các sổ sách mà kế toán đã ghi chép. Điều này chưa khoa học, mất nhiều thời gian và thiếu thông tin tổng hợp về loại thép đó.

Do vậy em cho rằng Công ty nên theo dõi chi tiết hàng tồn kho, doanh thu, giá vốn theo từng loại thép cụ thể, ví dụ:

+ TK 1561 – Thép cuộn --> TK 5111 – Thép cuộn --> TK 632 – Thép cuộn
+ TK 1561 – Phế rôi --> TK 5111 – Phế rôi --> TK 632 – Phế rôi
+

3.2.1.2 Hoàn thiện việc sử dụng tài khoản chi tiết chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các nhà quản lý kinh doanh rất cần biết thông tin chi tiết cụ thể về các yếu tố chi phí cũng như việc sử dụng loại chi phí này để từ đó lập dự toán chi phí và chủ động điều tiết chi phí. Nhưng ở Công ty tất cả các khoản chi phí phát sinh đều được tập hợp, phản ánh tổng hợp trên tài khoản 641 "chi phí bán hàng" và tài khoản 642 "chi phí quản lý doanh nghiệp" và không hạch toán chi tiết theo yếu tố chi phí, do đó thông tin mà kế toán cung cấp chưa đáp ứng được yêu cầu của Công tác quản lý.

Để giải quyết hạn chế trên thì kế toán nên sử dụng tài khoản chi tiết cấp 2 cho mỗi loại chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh. Việc làm này là cần thiết vì nó giúp cho kế toán xác định được các yếu tố chi phí từ đó theo dõi quản lý được dễ dàng, nhằm có thể đưa ra những biện pháp quản lý hữu hiệu đối với các khoản chi phí này. *Ví dụ:*

- + Tài khoản 6411: Chi phí nhân viên;
- + Tài khoản 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định;
- + Tài khoản 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài;
- + Tài khoản 6418: Chi phí bằng tiền khác;
-
- + Tài khoản 6421: Chi phí nhân viên quản lý;
- + Tài khoản 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng;
- + Tài khoản 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định;
- + Tài khoản 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài;
- + Tài khoản 6428: Chi phí bằng tiền khác;

3.2.2 Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng**3.2.2.1 Hoàn thiện Sổ chi tiết hàng hóa, doanh thu và giá vốn**

Như đã nói ở trên, từ việc theo dõi chi tiết tài khoản theo từng loại thép Công ty nên mở Sổ chi tiết hàng hóa, Sổ chi tiết bán hàng, Sổ chi tiết giá vốn cho từng loại thép, *ví dụ:*

- + Sổ chi tiết vật liệu, công cụ, sản phẩm, hàng hóa - Thép cuộn (Biểu số 3.1);
 - > Sổ chi tiết bán hàng - Thép cuộn (Biểu số 3.2);
 - > Sổ chi tiết giá vốn - Thép cuộn (Biểu số 3.3);

Chỉ có kế toán chi tiết hàng tồn kho, doanh thu, giá vốn của từng loại thép bán ra thì Công ty mới kiểm tra được kết quả từ khâu nhập hàng hóa đến khâu tiêu thụ hàng hóa như thế nào và từ đó vạch ra các kế hoạch tăng doanh thu, tiết kiệm chi phí mà vẫn đạt được hiệu quả, chất lượng hàng hóa tốt tạo sức cạnh tranh trên thị trường.

Biểu mẫu 3.1: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa

Đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng
Địa chỉ: Km9 – Quán Toán – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S10-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ

Năm: ...

Tài khoản: 1561
Tiểu khoản: 1561 – Thép cuộn
Tên kho:

Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá): Thép cuộn
Mã số vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá): THCUON
Đơn vị tính: kg

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	<u>C</u>	D	1	2	3= 1*2	4	5 = 1*4	6	7= 1*6	
		Số dư đầu kỳ									
		Cộng									

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 3.2: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng
 Địa chỉ: Km9 – Quán Toán – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S35-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên hàng hoá: Thép cuộn
 Năm:

Ngày tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	DOANH THU			CÁC KHOẢN TÍNH TRỪ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Các khoản khác (521, 531, 532)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Cộng số phát sinh						
			- Doanh thu thuần						
			- Giá vốn hàng bán						
			- Lãi gộp						

- Sổ này có..... trang, đánh số từ trang 01 đến trang....
 - Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Ngày tháng.... năm
Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Biểu mẫu 3.3: Sổ chi tiết giá vốn hàng bán

Đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng

Địa chỉ: Km9 – Quán Toán – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN

Tên hàng hoá: Thép cuộn

Năm:

Ngày tháng ghi số	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	Giá vốn		
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	E	1	2	3
			Cộng số phát sinh				
			- Doanh thu thuần				
			- Giá vốn hàng bán				
			- Lãi gộp				

- Sổ này có..... trang, đánh số từ trang 01 đến trang....

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày tháng.... năm
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

3.2.2.2 Bổ sung Thẻ kho

Bên cạnh việc mở Sổ chi tiết hàng hoá, Công ty cũng cần mở Thẻ kho (Biểu mẫu 3.4) theo từng loại thép. Từ số liệu trên cột số lượng có thể dùng để đối chiếu với cột số lượng ở Sổ chi tiết hàng hoá. Điều đó sẽ tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho kế toán trong việc theo dõi lượng hàng hoá nhập, xuất và tồn của từng loại thép.

Biểu mẫu 3.4: Thẻ kho

Đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng
 Địa chỉ: Km9 – Quán Toán – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S12- DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ:
 Tờ số:

Tên, nhân hiệu, quy cách vật tư: Thép cuộn
 Đơn vị tính: kg
 Mã số vật tư: THCUON

ST T	Ngày tháng chứng từ	Chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
Cộng cuối kỳ									

- Sổ này có ... trang, đánh số trang từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ:

Thủ kho
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

3.2.2.3 Hoàn thiện Sổ chi tiết thanh toán với người mua

Để phục vụ cho việc theo dõi doanh thu kế toán rất quan tâm đến các khoản phải thu khách hàng. Do việc Sổ chi tiết cho từng đối tượng khách hàng quá nhiều dễ gây nhầm lẫn mà không cần thiết, nên em cho rằng Công ty chỉ nên mở Sổ chi tiết cho các khách hàng lớn, lâu năm như Công ty TNHH Đức Hiếu, Công ty CP thép Thứ Liệu, Đại lý thép Hoàng Phát... Còn các đối tượng khách hàng nhỏ, ít phát sinh nghiệp vụ bán hàng thì gộp vào chia làm hai Sổ chi tiết thanh toán với người mua nhằm giảm thiểu số lượng Sổ chi tiết, dễ quản lý:

- Sổ chi tiết thanh toán với người mua (theo phương thức trực tiếp)
- Sổ chi tiết thanh toán với người mua (theo phương thức gửi bán đại lý)

3.2.2.4 Hoàn thiện Sổ chi tiết chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ việc theo dõi chi tiết TK 641 và TK 642 kế toán nên sử dụng Sổ chi tiết tài khoản 641 "chi phí bán hàng" (Biểu mẫu 3.5) và tài khoản 642 "chi phí quản lý doanh nghiệp" (Biểu mẫu 3.6). Sổ này mở ra nhằm theo dõi các yếu tố chi phí phát sinh ở bộ phận bán hàng và bộ phận quản lý doanh nghiệp.

Biểu mẫu 3.5: Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh

Đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng
Địa chỉ: Km9 – Quán Toán – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S36-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
của Bộ trưởng BTC)

.SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

- Tài khoản: 641- Chi phí bán hàng
- Tên sản phẩm, dịch vụ:.....

Ngày, tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	GHI NỢ TÀI KHOẢN 641				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	TK 6411	TK 6412	TK 6414	TK ...
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
Cộng phát sinh									

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu mẫu 3.6: Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh

Đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng
Địa chỉ: Km9 – Quán Toán – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S36-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

- Tài khoản: 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Tên phân xưởng:
- Tên sản phẩm, dịch vụ:

Ngày, tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	GHI NỢ TÀI KHOẢN 641				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	TK 6421	TK 6423	TK 6424	TK ...
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
Cộng phát sinh									

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

3.2.3 Về sổ tổng hợp tại Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng

Tại Công ty cũng chưa lập Bảng tổng hợp thanh toán với người mua và Bảng tổng hợp chi tiết hàng hoá nên trong quá trình tổng hợp kế toán đã gặp rất nhiều khó khăn trong việc đối chiếu số liệu, sổ sách. Vì vậy, công ty nên lập Bảng tổng hợp thanh toán với người mua theo Biểu mẫu 3.7 và Bảng tổng hợp chi tiết hàng hoá theo Biểu mẫu 3.8.

Biểu mẫu 3.7: Bảng tổng hợp thanh toán với người mua (người bán)

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Tài khoản:

Số hiệu:

Năm ...

STT	Tên khách hàng (đối tượng)	SDDK		SPS trong kỳ		SDCK	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
	Cộng						

- Sổ này có..... trang, đánh số từ trang 01 đến trang....

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Ngày tháng.... năm

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu mẫu 3.8: Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá

Đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng
Địa chỉ: Km9 – Quán Toán – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S11-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ

Tài khoản:

Năm ...

ST T	Mã số	Tên quy cách vật liệu, dụng cụ, SP, HH	Đơn vị tính	Tồn đầu		Nhập		Xuất		Tồn cuối	
				SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền
A	B	C		1		2		3		4	
Cộng											

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

3.2.4 Hoàn thiện mẫu Sổ theo hình thức nhật ký chung tại Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng

3.2.4.1 Hoàn thiện mẫu Sổ nhật ký chung, Sổ cái

Công ty nên sử dụng đúng mẫu Sổ nhật ký chung, Sổ cái theo quy định của bộ tài chính để tiện cho việc đối chiếu, theo dõi các nghiệp vụ phát sinh theo Biểu mẫu 3.9 và Biểu mẫu 3.10.

Biểu mẫu 3.9: Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng
Địa chỉ: Km9 – Quán Toán – Hồng Bàng – Hải Phòng

NHẬT KÝ CHUNG

Mẫu số S03a-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Năm ...

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số thứ tự dòng	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số phát sinh					
			Cộng lũy kế					

- Số này có trang, đánh số từ trang 01 đến trang

- Ngày mở sổ 01/01/2010

NGƯỜI GHI SỔ
(ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 10 năm 2010
GIÁM ĐỐC
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu mẫu 3.10: Sổ cái

Đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng
Địa chỉ: Km9 – Quán Toán – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm

Tên TK: Số hiệu:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SHTKĐ U	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ - Số PS trong kỳ					
			-Cộng Số PS -Số dư cuối kỳ					

- Số này có trang, đánh số từ trang 01 đến trang

- Ngày mở sổ 01/01/2010

NGƯỜI GHI SỔ
(ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 10 năm 2010
GIÁM ĐỐC
(ký, họ tên, đóng dấu)

3.2.4.2 Bổ sung các Sổ nhật ký bán hàng

Mặt hàng của Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng ngày càng có uy tín trên thị trường, các hoạt động bán hàng của Công ty phát sinh khá lớn mỗi ngày. Vì vậy Công ty cần mở sổ Nhật ký bán hàng (Biểu mẫu 3.11) để ghi chép riêng các nghiệp vụ bán hàng phát sinh và cho phù hợp với hình thức Nhật ký chung.

Biểu mẫu 3.11: Sổ nhật ký bán hàng

Đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng
Địa chỉ: Km9 – Quán Toán – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S03a4 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ BÁN HÀNG

Năm...

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Phải thu từ người mua	Ghi Có tài khoản doanh thu		
	Số hiệu	Ngày tháng			Hàng hoá	Thành phẩm	Dịch vụ
A	B	C	D	1	2	3	4
Số trang trước chuyển sang							

Cộng chuyển sang trang sau

- Sổ này có.....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang
- Ngày mở sổ...

NGƯỜI GHI SỐ
(ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(ký, họ tên)

Ngày... tháng.. năm.....
GIÁM ĐỐC
(ký, họ tên, đóng dấu)

Nhật ký bán hàng là sổ nhật ký đặc biệt dùng để ghi chép các nghiệp vụ bán hàng của Công ty như: bán hàng hoá, bán thành phẩm, bán dịch vụ.... và cũng dùng để ghi chép các nghiệp vụ bán hàng thu tiền sau (bán chịu). Trường hợp người mua trả tiền trước thì khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng cũng ghi vào sổ này.

Sổ nhật ký bán hàng là một phần của Sổ nhật ký chung nên phương pháp ghi chép tương tự như Sổ nhật ký chung. Song để tránh sự trùng lặp các nghiệp vụ đã ghi vào Sổ nhật bán hàng thì không ghi vào Sổ nhật ký chung.

3.2.5 Áp dụng hình thức chiết khấu thanh toán tại Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng

Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng kinh doanh mặt hàng thép xây dựng là loại thép có khối lượng lớn và giá thành cao nên khách hàng thường nợ tiền hàng trong thời gian dài. Điều này làm giảm khả năng quay vòng vốn của Công ty, giảm hiệu quả kinh doanh. Vì vậy để khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh tiền hàng Công ty nên xây dựng và thực hiện chính sách chiết khấu thanh toán (mở TK 521 để theo dõi).

Xây dựng chiết khấu thanh toán hợp lý phải được dựa trên điều kiện Công ty. Hiện nay Công ty thường xuyên phải đi vay một lượng vốn tương đối lớn nên với việc khách hàng thanh toán sớm tiền hàng Công ty sẽ tiết kiệm được một khoản lãi suất. Trên cơ sở tiền lãi suất tiết kiệm được đó, Công ty sẽ san sẻ cho khách hàng một phần thông qua chiết khấu thanh toán.

Theo em, tỷ lệ chiết khấu thanh toán có thể được xây dựng như sau:

STT	Diễn giải	Tỷ lệ chiết khấu (%)
1	Thanh toán ngay	1
2	Thanh toán sau 15 ngày	0.75
3	Thanh toán sau trong vòng từ 15 ngày đến 1 tháng.	0.5

$$\begin{matrix} \text{Số tiền CK thanh} \\ \text{toán khách hàng} \\ \text{được hưởng} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Tỷ lệ \% chiết} \\ \text{khấu thanh toán} \end{matrix} \times \begin{matrix} \text{Tổng số tiền hàng khách} \\ \text{hàng phải thanh toán} \end{matrix}$$

3.2.6 Áp dụng việc trích lập các khoản dự phòng tại Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng

Để đề phòng những tổn thất do những khoản nợ phải thu khó đòi đem lại và hạn chế đến mức tối thiểu nhưng đột biến về kết quả kinh doanh trong kỳ Công ty nên mở TK 139 – “dự phòng phải thu khó đòi” là cần thiết.

Phải thu khó đòi là những khoản nợ mà người nợ có hoặc không có khả năng trả nợ đúng hạn trong năm kế hoạch. Công ty phải lập dự phòng khi có những bằng chứng tin cậy về các khoản phải thu khó đòi.

Lập dự phòng phải thu khó đòi là việc Công ty tính trước vào chi phí của Công ty một khoản chi, để khi có các khoản nợ khó đòi, không đòi được thì tình hình tài chính của Công ty không bị ảnh hưởng.

Việc lập dự phòng khó đòi được thực hiện vào cuối niên độ kế toán, trước khi lập Báo cáo kế toán tài chính. Mức lập dự phòng đối với nợ phải thu khó đòi và việc xử lý xoá nợ phải thu khó đòi phải theo chế độ tài chính hiện hành.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm

Tổng mức dự phòng các khoản phải thu khó đòi không quá 20 % tổng số phải thu của Công ty tại thời điểm lập Báo cáo tài chính cuối năm.

Sau khi phải lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi Công ty phải tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng cho các khoản nợ vào bảng kê chi tiết làm căn cứ để tính toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Các khoản phải thu khó đòi được theo dõi trên TK 139.

- *Phương pháp hạch toán:*

+ Cuối kỳ kế toán căn cứ vào khoản nợ phải thu khó đòi, tính toán xác định số dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập. Nếu dự phòng năm nay lớn hơn dự phòng cuối niên độ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch dự phòng cần phải trích lập thêm:

Nợ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 139: Trích lập dự phòng phải thu khó đòi

+ Nếu số dự phòng trích lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập cuối niên độ trước chưa được sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập, ghi giảm chi phí:

Nợ TK 139: Trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

+ Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được, được phép xoá nợ (theo quy định chế độ tài chính hiện hành). Căn cứ vào quyết định xoá nợ về khoản nợ phải thu khó đòi kế toán ghi:

Nợ TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Có TK 131: Phải thu của khách hàng hàng

hoặc ghi Có TK 138: Phải thu khác

Đồng thời ghi đơn Nợ TK 004 : Nợ khó đòi đã xử lý (Để theo dõi thu nợ khi khách hàng có điều kiện trả nợ)

Đối với khoản phải thu khó đòi đã xử lý xoá nợ, nếu sau đó thu hồi được, kế toán ghi:

Nợ 111, 112

Có TK 711: Thu nhập khác

Đồng thời ghi Có TK 004: Nợ khó đòi đã xử lý

3.2.7 Hoàn thiện việc phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng

Công ty nên áp dụng việc phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng loại thành phẩm. Việc phân bổ này giúp cho Công ty có thể tính được lãi, lỗ của từng loại mặt hàng. Vì chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan đến mọi mặt của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nên theo em nên chọn tiêu thức phân bổ là doanh thu bán hàng của Công ty.

Việc phân bổ 2 loại chi phí trên được tiến hành như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí bán} \\ \text{hàng phân bổ} \\ \text{cho loại thép} \\ \text{A trong tháng} \end{array} = \frac{\text{Tổng CPBH phát sinh trong tháng}}{\text{Tổng doanh thu trong tháng}} \times \begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{của loại} \\ \text{thép A} \\ \text{trong tháng} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí QLDN} \\ \text{phân bổ cho} \\ \text{loại thép A} \\ \text{trong tháng} \end{array} = \frac{\text{Tổng CPQLDN phát sinh trong tháng}}{\text{Tổng doanh thu trong tháng}} \times \begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{của loại} \\ \text{thép A} \\ \text{trong tháng} \end{array}$$

3.2.8 Lập báo cáo tiêu thụ theo phương thức tiêu thụ

Như đã trình bày ở trên, Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng đã sử dụng hai phương thức tiêu thụ là phương thức tiêu thụ trực tiếp và phương thức bán hàng qua đại lý. Tuy nhiên, kế toán chưa lập báo cáo tiêu thụ theo từng phương thức. Theo em nên lập thêm báo cáo tiêu thụ theo từng phương thức để có thể nắm bắt được phương thức bán hàng nào mang lại lợi nhuận cao, phương thức nào còn hạn chế. Báo cáo này sẽ mang lại nhiều thông tin cho công tác quản lý, giúp cho ban lãnh đạo có những quyết định đúng đắn trong kinh doanh nói chung cũng như trong công tác tiêu thụ của Công ty nói riêng.

Mẫu báo cáo về tình hình tiêu thụ theo phương thức bán hàng được trình bày như sau:

Biểu mẫu 3.12: Báo cáo tiêu thụ sản phẩm

Đơn vị: CÔNG TY CP XÂY LẮP & KDDV HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Quán Toan - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO KẾT QUẢ TIÊU THỤ SẢN PHẨM

Tháng ... năm ...

Theo phương thức tiêu thụ:

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Tiêu thụ qua đại lý	Tỉ trọng (%)	Tiêu thụ trực tiếp	Tỉ trọng (%)
A. Tổng DT bán hàng và cung cấp DV	01				
B. Các khoản giảm trừ	03				
1. Doanh thu thuần	10				
2. Giá vốn hàng bán	11				
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp DV	20				

Ngày ... tháng ... năm

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

3.2.9 Hoàn thiện về vấn đề nhân sự và việc nâng cao hiệu quả công tác kế toán tại Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng

3.2.9.1 Hoàn thiện việc hiện đại hóa công tác kế toán

Để góp phần hiện đại hóa công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý, đồng thời tiết kiệm lao động của nhân viên kế toán, giải phóng cho kế toán chi tiết khỏi công việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu kế toán một cách đơn điệu, nhằm chán, mệt mỏi để họ dành thời gian cho công việc lao động thực sự sáng tạo của quá trình quản lý, bán hàng Công ty nên trang bị máy tính có cài các chương trình phần mềm kế toán ứng dụng sao cho phù hợp với điều kiện thực tế tại Công ty. Hiện tại phòng kế toán của Công ty đã được trang bị đầy đủ máy vi tính phục vụ cho công tác hạch toán, điều đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán, điều đó giúp giảm bớt khó khăn cho kế toán viên trong công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu. Phần mềm kế toán ứng dụng sẽ mang lại hiệu quả thiết thực cho Công ty.

Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại thông tư (Thông tư 103/2005/TT – BTC của Bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc

“Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán”) hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán Misa của công ty cổ phần Misa
- Phần mềm kế toán Smart Soft của công ty cổ phần Smart Soft
- Phần mềm kế toán Fast của công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp Fast.
- Phần mềm SAS-INNOVA của công ty Cổ phần SIS Việt Nam.....

Trình tự kế toán trên máy vi tính về nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau: Việc tổ chức ghi chép vào sổ kế toán tài chính, máy tính nhập dữ liệu do kế toán viên nhập từ các chứng từ liên quan vào. Cuối kỳ các bút toán kết chuyển nhập vào máy, tự máy xử lý hạch toán vào sổ kế toán. Căn cứ vào yêu cầu của chủ Công ty, giám đốc, kế toán trưởng, người sử dụng sẽ khai báo vào máy những yêu cầu cần thiết (Sổ cái, Sáo cáo doanh thu, kết quả kinh doanh...) máy sẽ tự xử lý và đưa ra những thông tin cần thiết theo yêu cầu.

3.2.9.2 Hoàn thiện đội ngũ kế toán

Để đạt được hiệu quả kinh doanh ngoài việc tìm kiếm và mở rộng thị trường, tận dụng yếu tố khách quan thì Công ty cũng cần phải quan tâm đến vấn đề nhân sự. Riêng với nhân viên kế toán công ty cần tạo điều kiện cho họ nâng cao trình độ nghiệp vụ tin học, vì khi trang bị máy tính có cài phần mềm, đội ngũ kế toán cần được đào tạo, bồi dưỡng để khai thác được những tính năng ưu việt của phần mềm.

3.3 ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP & KDDV HẢI PHÒNG

+ *Về phía nhà nước*: xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng, mang tính bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ, có chính sách khen thưởng đối với doanh nghiệp làm tốt. xử lý các doanh nghiệp vi phạm.

+ *Về phía công ty*: ban lãnh đạo công ty kiểm tra chặt chẽ công tác kế toán.

Công ty phải có khả năng tài chính, đầu tư trang thiết bị, máy móc để phục vụ cho công tác kế toán. Trong quản lý và sử dụng tiền vốn, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, chấp hành nghiêm chỉnh về quản lý tài chính. Công ty nên quan tâm tạo điều kiện cho nhân viên nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Bên cạnh đó nhân viên kế toán phải có đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần trách nhiệm.

+ *Về phía tổ chức nghề nghiệp*: cần phải hoạt động tích cực, hiệu quả hơn nữa.

KẾT LUẬN

Việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là hết sức cần thiết. Nó giúp cho kế toán phát huy hết vai trò của mình trong việc phản ánh, giám sát một cách chặt chẽ toàn diện về tài sản, tiền vốn của doanh nghiệp ở mọi khâu trong quá trình tiêu thụ nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời phục vụ cho việc ra quyết định chỉ đạo kinh doanh của ban lãnh đạo.

Là một sinh viên chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán, qua thời gian thực tập tốt nghiệp tại phòng kế toán của Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng, em nhận thấy công tác kế toán bán hàng có những điểm mạnh nhưng cũng tồn tại những điểm chưa hoàn thiện. Vì vậy, em đã lựa chọn đề tài này để viết chuyên đề tốt nghiệp của mình và mạnh dạn đưa ra một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện hơn kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

Tuy nhiên, do thời gian thực tập và trình độ kiến thức có hạn, trong chuyên đề em này mới chỉ đi vào nghiên cứu một số vấn đề cơ bản về cơ sở lý luận của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, thực trạng tại Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng nói riêng. Từ cơ sở lý luận góp phần làm sáng tỏ hơn những tồn tại trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh và một vài ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán bán hàng tại Công ty.

Dưới góc nhìn của một sinh viên còn ngồi trên ghế nhà trường, bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của các cô chú trong Công ty cổ phần xây lắp & KDDV Hải Phòng, các thầy cô giáo.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn nhiệt tình của cô giáo T.S Giang Thị Xuyên và sự giúp đỡ chỉ bảo trực tiếp của ban lãnh đạo, các cô chú trong Công ty đã tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khóa luận này.

Hải Phòng, ngày 29 tháng 6 năm 2011

Sinh viên

Nguyễn Thạch Lam

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Giáo trình kế toán tài chính – ĐH KTQD
- Giáo trình kế toán quản trị - ĐH KTQD
- Quyết định 15/2006 QĐ - BTC ban hành ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC
- Giáo trình kế toán doanh nghiệp I. Trường ĐH Dân Lập Hải Phòng.
- Giáo trình kế toán doanh nghiệp II. Trường ĐH Dân Lập Hải Phòng.
- Hệ thống tài khoản Kế toán Việt Nam. Quyển I và Quyển II. NXB Tài Chính Hà Nội- 2006 (Ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính)
- Website: www.Google.com